

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 182

THÍCH THỊ KÊ CỒ LƯỢC

SỐ 2037
(QUYỂN 2 →4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2037

THÍCH THỊ KÊ CỒ LƯỢC

*Ô Trình Chúc Lý, Bảo Tướng Tỳ-kheo Thích Giác Ngạn,
Hiệu Bảo Châu biên tập, chỉnh sửa.*

QUYỂN 2

+ **Đông Tấn:** Họ Tư mã, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Nguyên Đế, Minh Đế, Thành Đế, Khang Đế, Mục Đế, Ai Đế, Hải Tây Công, Giản Văn Đế, Vũ Đế, An đế, Cung Đế.

- **Trung Tông Nguyên Hoàng Đế:** Tên là Duệ, con của Lang Da Vương Cận, tằng tôn của Tuyên Đế. Năm mười lăm tuổi ông được tự phong làm Lang Da Vương. Hoài Đế niên hiệu Vĩnh Gia năm đầu, ông làm An Đông tướng quân trấn giữ Kiến Nghiệp. Mẫn Đế năm Kiến Hưng năm thứ tư, Trường An thất thủ, Mẫn Đế lưu lạc trong dân gian, ông đem binh chinh phạt phía Bắc. Tháng hai năm Đinh Sửu, ông lên ngôi Tấn Vương ở Kiến Khang, đặt ra trăm quan, lập ra tông miếu, xã tắc, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Kiến Vũ. Tháng mười hai, Mẫn Đế bị hại. Tháng ba năm Mậu Dần, tin dữ đến Kiến Khang, ông mặc đồ tang, ở nhà tranh chịu tang, sau đó lên ngôi Hoàng Đế, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Đại Hưng, lập Vương Thái tử Thiệu làm Hoàng Thái tử. Lúc này nhân lúc có tang, loạn lạc, giặc Giang Đông nổi lên, Điều Hiệp vốn là hoạn quan trong triều đã lâu, thấu rành chuyện cũ, Hạ là kẻ theo đạo Nho, Tông Minh giỏi lễ nhạc, phạm việc gì họ đều tự quyết. Đế ở ngôi sáu năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Đế dựng hai chùa Ngõa quan và Long Hưng ở Kiến Khang, cúng cả ngàn tăng ở Đan Dương, Kiến Nghiệp. Niên hiệu Kiến Vũ một năm, Thái Hưng bốn năm, Vĩnh Xương một năm.

<i>Đình Sửu: Tấn: Kiến Vũ năm đầu</i>	<i>Hán: Lân Gia năm thứ 2</i>	<i>Đại Thành: Ngọc Hành năm thứ 7</i>	<i>Tiền Lương Trương Thật</i>
<i>Mộ Dung</i>	<i>Đại: Bình văn</i>	<i>Ngọc Hoàn</i>	<i>Khang Lương</i>
	<i>Đế Uất Luật năm đầu</i>	<i>năm thứ 8</i>	
<i>Mậu Dần: Đại Hưng năm đầu</i>	<i>Thông Mát, Lưu Diệu lên ngôi, Quang Sơ năm đầu</i>		
	<i>Đại năm thứ 2</i>		

+ Hán Chủ Lưu Thông: Mất năm Mậu Dần, Thái tử Xán lên ngôi, sau bị Cận Chuẩn giết, Thừa Tướng Lưu Diệu lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Quang Sơ, dời đô về Trường An, đổi quốc hiệu là Triệu, Thạch Lạc được tấn phong tước Triệu Vương.

<i>Ất Mão: Tấn Đại Hưng năm thứ 2</i>	<i>Triệu: Lưu Diệu Quang Sơ năm thứ 2</i>	<i>Thành: Ngọc Hoàn năm thứ 9</i>	<i>Hậu Triệu: Thạch Lạc năm đầu</i>	<i>Tiền Lương</i>
<i>Tiền Yên: Mộ Dung Hội</i>	<i>Đại: năm thứ 3</i>			
<i>Canh Thìn: Đại Hưng năm thứ 3</i>	<i>Quang Sơ năm thứ 3</i>	<i>Ngọc Hành năm thứ 10</i>	<i>Thạch Lạc năm thứ 2</i>	<i>Tiền Lương</i>
<i>Yên</i>	<i>Đại: năm thứ 4</i>			
<i>Tân Tỵ: Đại Hưng năm thứ 4</i>	<i>Quang Sơ năm thứ 4</i>	<i>Ngọc Hành năm thứ 11</i>	<i>Thạch Lạc năm thứ 3</i>	<i>Tiền Lương Trương Mậu soán ngôi</i>
<i>Yên</i>	<i>Đại: Hạ Nhục năm đầu</i>			

Nhâm Ngọ: Tấn Vinh Xương năm đầu, năm năm thứ bảy Đế mất	Quang Sơ năm thứ 5	Ngọc Hành năm thứ 12	Thanh Lặc năm thứ 4	Tiền Lương
Tiền Yên	Đại: Năm thứ 2			

+ **Khổng Tước Kinh:** Tôn giả Thi-lê Mật-đa-la (Hán dịch là Kiết Hữu) người Thiên Trúc, bỏ ngôi xuất gia (giống Ngô Thái Bá). Tây Tấn, Hoài Đế trong năm Vĩnh Gia, ngài đến Hoa Hạ, ở tại chùa Kiến Sơ thuộc Kiến Khang. Thờa Tướng Vương Đạo gặp ngài liền nói: “Người của bọn ta!” Thái úy Dữu Lượng, Quang Lộc Chu Nghi, Đình Úy Hoàn Di, danh công của một thời đến kết bạn. Thanh danh ngài vang khắp kinh thành. Ngài rất giỏi diễn thuyết pháp yếu, người đương thời gọi ngài là Cao Tòa Pháp Sư, đồng thời ngài giỏi tán tụng, giọng ngài trong vắt, cao tận mây xanh, ngài còn dịch các kinh như Khổng Tước v.v...

êu cho là việc thần dị. Đào Huống, Ôn Kiêu **Túc Tông Minh Đế:** Tên là Thiệu, con trưởng của Nguyên Đế, từ nhỏ đã tỏ ra thông minh. Được vài tuổi, nhân có lần sứ ở Trường An đến, Đế hỏi: “Con nói xem, mặt trời và Trường An cái nào gần hơn? Thiệu đáp: “Trường An gần hơn, chỉ nghe người ta từ Trường An đến chứ chưa ai từ mặt trời đến.” Nguyên đế lấy làm lạ.

Hôm sau, Đế mở tiệc đãi các quan, Đế hỏi lại, Thiệu đáp: “mặt trời gần hơn!” Nguyên Đế thất sắc hỏi: “Sao hôm qua trả lời một đằng, nay lại trả lời một nẻo?” Thiệu đáp: “Vì mở mắt thì thấy ngay mặt trời mà không thấy Trường An!”.

Từ đó, Nguyên Đế càng thấy lạ. Đế lập ông làm hoàng Thái tử. Ông tánh tình chí hiếu, văn võ song toàn, có tài mưu lược, kính hiền mến khách, rất giỏi văn chương. Những danh thần đương thời từ Vương Đạo, Dữu Lượng, Ôn Kiêu, Hoàn Di, Nguyễn Phóng đều được ông đích thân tiếp đãi. Ông tập võ nghệ, khéo phủ dụ tướng sĩ, đương thời đông triều hưng thịnh, xa gần đều quy phục. Tháng giêng niên hiệu Vĩnh Xương năm đầu, Vương Đôn dâng sớ ở Vũ Xương kể tội trạng của Điều Hiệp, Lưu Ngôi, Nguyên Đế khuyến Hiệp và Ngôi đi tránh họa. Hiệp đi nhưng bị người ta giết, đem đầu về cho Đôn. Ngôi chạy sang Hậu Triệu Thanh Thị, làm quan đến chức Thái tử Thái phó rồi mất. Đôn tiến binh chiếm Thạch Đầu, Nguyên Đế cho Đôn làm Thờa Tướng, Đôn bàn mưu

phế Thái tử nhưng không thành, không triều kiến Thiên Tử mà về Vũ Xương. Tháng mười một Nguyên Đế lo buồn thành bệnh rồi mất. Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu Thái Ninh. Tháng ba, Vương Đôn mưu đồ soán ngôi nên khởi binh tiếp, Đế đem binh đánh Đôn. Tháng năm thứ hai, Đôn bệnh nặng, Vương Hàm thua trận, sau đó Đôn chết. Bè đảng của Đôn giấu kín không phát tang mà dùng chiếu gói xác, bôi sáp bên ngoài rồi đem chôn tại Sảnh Sự Trung ở Giang Ninh. Bè đảng của Đôn được dẹp yên, Hữu Ty đào mộ của Đôn lên, lòi xác ra đốt hết áo mả, dựng thây quỳ lên rồi chém. Ông ở ngôi ba năm, thọ hai mươi bảy tuổi. Đế thích ăn chay làm phước, ông dựng hai ngôi chùa Hoàng Hưng và Đạo Tràng. Niên hiệu Thái Ninh có ba năm.

Quý Mùi: Tấn Thái Ninh năm đầu	Triệu: Lưu Diệu Quang Sơ năm thứ 6	Thành: Ngọc Hành năm thứ 13	Hậu Triệu Thạch Lặc, năm thứ 5	Tiền Lương
Tiền Yên	Đại: Thạch Bạt năm thứ 3			
Giáp Thân: Thái Ninh năm thứ 2	Quang Sơ năm thứ 7	Ngọc Hành năm thứ 14	Thạch Lặc năm thứ 6	Tử Tuấn cướp ngôi
	Đại Vương Hạ Nhục năm thứ 4			
Ất Dậu: Thái Ninh năm thứ ba, tháng bảy Đế mất	Quang sơ năm thứ 8	Ngọc Hành năm thứ 15	Thạch Lặc năm thứ 7	

+ Sa-môn Trúc Pháp Thừa là bậc đỉnh ngộ phi phạm, tài trí xuất chúng, ngài lạ Pháp Hộ làm thầy, Pháp Hộ rất tâm đắc ngài. Về sau, ngài đến Đôn Hoàng dựng chùa chiêu mộ học chúng, phía tây được hưng hóa đều nhờ sức của ngài.

Tổ Năm thứ 25: Tôn giả Bà-xá-tư-đa.

Ngài họ Bà-la-môn, người nước Kế Tân, cha là Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Trưởng thành, ngài theo Tôn giả Sư Tử xuất gia thọ cụ túc. Sau khi đắc pháp, ngài muốn đến vùng Nam Ấn. Đầu tiên, ngài đến Trung Thiên Trúc, quốc vương nước này tên là Ca Thắng đến đánh lễ nghinh đón ngài. Lúc đó trong cung điện bỗng có mùi hương lạ, Tôn giả bùi ngùi nói: “Thầy ta quy tịch rồi!” và ngài hướng về phía Bắc đánh lễ, và từ biệt quốc vương. Quốc vương nói: Xin Tôn giả ở lại giây lát, tôi có điều muốn hỏi, trong vườn này có con suối nóng, tôi không hiểu nguyên nhân do đâu, xin Tôn giả giải thích cho.

Ngài đáp:

Đó là suối nước nóng, có ba nguyên nhân khiến nó phải vậy, một là thần nghiệp, hai là quỷ nghiệp, ba là đá nung. Nếu đá nung thì màu nó như vàng, tính nó thường tỏa nhiệt, nên suối chảy ra phải nóng. Nếu là quỷ nghiệp, nghĩa là quỷ mới thoát tội qua lại trong nhân gian, do nghiệp lực của nó còn nên khiến cho suối nóng, nhằm trả nợ oan trái đời trước. Còn như thần nghiệp, nghĩa là thần không lo giữ đạo lại gây việc họa phước để được người ta cúng tế, ác nghiệp đầy rẫy, cõi u minh đuổi họ, họ đốt nóng suối này để lạm nhận người ta cúng tế.

Quốc vương hỏi:

Rất may được Tôn giả chỉ rõ ba nguyên nhân, chẳng biết suối này do nguyên nhân gì mà nóng như vậy.

Ngài đáp:

Do Thần nghiệp.

Ngài liền sai người đến suối thấp hương, sám hối thay cho Thần, giây lát bờ suối bỗng xuất hiện một người cao to, đến đánh lễ ngài và nói:

Con có chút phước mỏng nên mới được gặp Tôn giả, con sắp được sinh trong loài người nên đến đây từ biệt”.

Nói xong người ấy mất dạng. Bảy ngày sau, suối ấy bỗng đứng mát mẻ như những suối khác. Tôn giả từ biệt, quốc vương đích thân dẫn quan quân ra tiễn ngài. Ngài đến Nam Ấn, quốc vương nước này tên là Thiên Đức, cũng ra nghinh đón ngài. Vương có hai người con là Đức Thắng và Bất-như-mật-đa. Đức Thắng sau đó nối ngôi, nhưng tin theo ngoại đạo khiến ngài lâm nạn. Đức Thắng hỏi ngài: “

Ta nghe Tỳ-kheo Sư Tử không tránh khỏi hành hình, làm sao truyền pháp cho ông?”

Ngài đáp:

“Lúc chưa bị nạn thầy tôi đã truyền tín y, pháp kệ cho tôi để minh chứng cho việc truyền thừa.”

- Y lấy ở đâu?

Ngài liền lấy trong túi vải đưa cho vua xem, vua sai đem đốt, Ngũ sắc sáng rực, lửa tàn nhưng y còn nguyên. Vua thấy vậy liền đánh lễ nói:

Quả là truyền nhân của Tôn giả Sư Tử.

Em Quốc Vương là Bất-như-mật-đa xin ngài xuất gia, theo hầu ngài sáu năm, ngài truyền giới cụ túc cho Mật-đa ngay trong cung. Trong lúc tác pháp Yết-ma, đại địa rung chuyển. Ngài nói với Mật-đa:

Ta già yếu rồi, đâu thể trụ thế mãi, ông phải gắng hộ trì Chánh pháp nhân tạng độ khắp hữu tình, nghe ta nói kệ:

Thánh nhân nói tri kiến

Ngay cảnh không phải, quấy

Nay ta ngộ bản tánh

Không đạo cũng không lý.

Bất-như-mật-đa nghe kệ xong, thưa:

“Thế còn pháp y sao Thầy không truyền?”

Ngài nói:

“Do bị nạn mới mượn pháp y làm minh chứng, nay thân ông không bị nạn thì mượn pháp y làm gì, chỉ cần ông giáo hóa khắp mười phương thì ai nấy đều tự tin quy hướng.”

Ngài hiện thần biến, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân, xá-lợi cao đến một thước. Quốc vương Đức Thắng dựng tháp an trí xá-lợi, bấy giờ nhằm đời Đông Tấn Minh Đế. (theo Chánh Tông ký)

Hiển tông thành đế: Tên là Diễn, con trưởng của Minh Đế, ông lên ngôi vào tháng tám năm Thái Ninh năm thứ ba, lúc ấy mới năm tuổi, Dữu Thái hậu lâm triều. Năm Hàm Hòa năm thứ hai, quan quân Tô Tuấn chống mệnh làm phản. Tháng tư năm thứ ba, Tô Tuấn cướp Đế chạy đến Thạch Đầu, cung thất ở kinh thành đều bị thiêu rụi, chỉ còn bức vách ở điện Thái Ninh trên ấy có tượng Phật do Minh Đế tự tay vẽ còn nguyên, ai nấy đánh phá Thạch Đầu, Tuấn rơi xuống ngựa bị chém đầu, róc thịt, đốt xương. Bè đảng của Tuấn lập em Tuấn là Tô Dật lên ngôi vương, Dật đóng chặt cửa thành. Tháng hai năm thứ tư, quan quân đánh phá Thạch Đầu, Kiến Uy Trưởng sử Đằng Hàm đánh và phá được Tô Dật, quân phía Tây bắt được Dật đem chém. Bộ tướng của Hàm là Tào Cứ ôm Đế nhảy xuống thuyền của Ôn Kiêu, quần thần gặp được Đế liền gào khóc

xin trị tội. Lúc này cung khuyết đã cháy sạch, đành lấy vườn Kiến Bình làm cung. Ôn Kiêu muốn dời đô về Dự Chương, hào kiệt ở Tam Ngô thì muốn dời về Cối Kê, hai bên tranh luận, chưa đi đến quyết định, Tư Đồ Vương Đạo bàn không nên dời đô. Tháng giêng niên hiệu Hàm Khang năm đầu, mồng một năm Canh Ngọ, Đế chính thức nhận ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Tháng năm thứ tám, Đế không được khỏe, hai con của ông là Phi Và Dịch còn nằm trong nôi, trung thư giám Dữu Bạng tự cho anh em của mình nắm quyền chánh trong triều đã lâu, sợ rằng nếu thay đổi tất có loạn, nên lúc nào cũng nói với Đế rằng nước có giặc mạnh, nên cần phải có vua lớn, và xin em cùng mẹ với mình là Lang Da Vương Nhạc làm người nối dõi. Đế đồng ý. Tháng sáu, Đế mất, thọ hai mươi hai tuổi, ở ngôi mười bảy năm. Đế dựng hai chùa là Trưng Hưng và Lộc Uyển, tụ tập cả ngàn vị Tăng có công dịch kinh, giảng dạy. Niên hiệu Hàm Hòa chín năm, Hàm Khang tám năm.

<i>Bính Tuất:</i> <i>Tấn Hàm</i> <i>Hòa năm</i> <i>đầu</i>	<i>T r i e ̣ u :</i> <i>Quang Sơ</i> <i>năm thứ 9</i>	<i>Thành: Ngọc</i> <i>Hành năm</i> <i>thứ 16</i>	<i>Hậu Triệu:</i> <i>Thạnh Lạc:</i> <i>Năm thứ 8</i>	<i>Tiền Lương</i>
<i>Tiền Yên</i>	<i>Đại: Năm</i> <i>thứ 2</i>			

+ **Phi Lai Phong:** Năm này Pháp sư Tuệ Lý người Thiên Trúc đến Chấn Đán. Ngài đến Triết Tây, Hàng châu, thấy ngọn núi hùng vĩ tráng lệ bèn nói: “Đây là ngọn núi nhỏ trong dãy Linh Thứu của nước Thiên Trúc ta, chẳng biết bay đến đây vào năm nào. Lúc Phật tại thế, có rất nhiều Tiên nhân tu ở trong ấy, ngày nay chẳng biết có còn không!”

Trong hang động vốn có con vượn trắng, ngài gọi, con vượn nghe tiếng đi ra, từ đó người ta tin núi bay đến thật và đặt tên núi là Phi Lai. Ngài dựng hai ngôi chùa trên núi này, ngôi phía trước là Linh Thứu, ngôi phía sau là Linh Ẩn, hang động ngài ngồi thiền được gọi là Lý Công Nham (động của ông Lý), ngày nay bảo tháp hiện vẫn còn. (theo văn bia khắc ở chùa).

<i>Đình Hợi:</i> <i>Tấn Hàm</i> <i>Hòa năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Triệu: Hộ</i> <i>Lưu Quang</i> <i>Sơ năm thứ</i> <i>10</i>	<i>Thành: Hộ</i> <i>Lý Ngọc</i> <i>Thành năm</i> <i>thứ 17</i>	<i>Hậu Triệu:</i> <i>Thạnh Lặc</i> <i>năm thứ 9</i>	<i>Tiền Lương</i> <i>họ Trương</i>
<i>Tiền Yên</i>	<i>Năm thứ 3</i>			
<i>Mậu Tý:</i> <i>Hàm Hòa</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Lưu Diệu bị</i> <i>Thạch Lặc</i> <i>diệt, tổng</i> <i>cộng hai</i> <i>mười sáu</i> <i>năm</i>	<i>Ngọc Hành</i> <i>năm thứ 18</i>	<i>Thạch Lặc</i> <i>chiếm Trung</i> <i>Ngụyên,</i> <i>Thái Hòa</i> <i>năm đầu</i>	<i>Tiền Lương</i>
<i>Tiền Yên</i>	<i>Năm thứ 4</i>			

+ Hán Triệu: Lưu Uyên tự Nguyên Hải, người Hung Nô, Tân Hưng, nhà Hán đem con gái trong Tông thất gả cho Mạo Đốn, bởi vậy con cháu họ Mạo đều mang họ Lưu. Tây Tấn Tuệ Đế năm Giáp Tý niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, lập Thành Đô Vương Tư mã Dĩnh làm Hoàng thái đệ, Dĩnh dâng biểu xin Hung Nô Tả Hiền Vương Lưu Uyên làm quan quân tướng quân, coi việc quân của Ngũ bộ, đóng binh ở đất Nghiệp (nay là Chương Đức lộ Tân quận). Con của Uyên là Thông vốn sức mạnh hơn người, lâu thông kinh sử, rất giỏi văn chương, xách nổi cây cung ba trăm cân. Từ nhỏ, ông thường lui tới kinh sư, danh sĩ đều kết giao với Thông. Dĩnh cho Thông làm Tích Hồ Tướng Quân. Anh cùng ông nội với Uyên là Hữu Hiền Vương Lưu Tuyên, nói với thân tộc: Từ khi nhà Hán mất đến nay, Thiên Vu ta chỉ có danh hã mà không có lấy một thước đất, nay người của ta tuy suy nhưng vẫn không dưới hai vạn, lẽ đâu cứ khoanh tay chịu sự sai khiến, bỏ lỡ cả trăm năm? Tả Hiền Vương là bậc anh hùng cái thế, nếu trời không cho Hung Nô hưng thịnh thì ắt chẳng sinh ra người đó làm gì. Nay dòng họ Tư mã cốt nhục tương tàn, bốn biển điêu linh, khôi phục cơ nghiệp của Hồ Hàn Tà chính là lúc này. Ông bàn bạc suy tôn Uyên làm Đại Thiên Vu, sai thuộc hạ Hồ Diên Du đến đất Nghiệp nói cho Uyên biết. Uyên thưa với Dĩnh xin về, nhưng gặp phải tang ma nên Dĩnh không đồng ý. Đến khi Vương Tuấn, Doanh Công Đẳng đánh Dĩnh, Uyên nói với Dĩnh: “Tôi xin giúp diệt hạ nói lại Ngũ bộ để tránh nạn nước”, Dĩnh vui mừng bái Uyên làm Bắc Thiên Vu nắm việc Thừa Tướng. Uyên đến Tả Quốc Thành. Bọn Lưu Tuyên tung hô danh hiệu Đại Thiên Vu, chỉ hai mươi ngày binh

dân theo về đến năm vạn người. Uyên đóng đô tại Tả Quốc Thành rồi nói với quần thần: “Xưa, nhà Hán có thiên hạ, có ân với dân, ta là cháu ngoại nhà Hán”. Ông liền dựng nước lấy hiệu là Hán, lên ngôi Hán Vương, lấy niên hiệu Nguyên Hy, dùng Hữu Hiền Vương Tuyên làm Thừa Tướng. Tấn Tuệ Đế năm Vĩnh Gia năm thứ hai, Hán Vương Uyên chiếm Sơn Tây, Bình Dương Thái thú Tống Trừ bỏ quận chạy. Uyên dời đô về Bồ Tử Thượng ở Bình Dương rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Phụng. Đời Tấn năm Vĩnh Gia năm thứ tư, tháng bảy Uyên bệnh nặng, dùng Sở Vương Lưu Thông làm đại Tư mã Đại Thiên Vu. An Xương Vương Thạnh, An Ấp Vương Khâm, Tây Dương Vương Tuệ, đều lĩnh chức vũ vệ tướng quân, nhận mệnh cầm binh. Uyên mất Thái tử Hòa lên ngôi Hoàng Đế, Tây Xương Vương Duệ xấu hổ vì không được phong nên bàn mưu với Hòa rằng: “Tiên đế không cân nhắc kỹ nên sai tam vương dồn binh mạnh bên trong, đại Tư mã đem mười binh đóng ở Tân Giao, bệ hạ nên lo liệu trước”.

Hòa gọi Thạnh vào nói lại, Thạnh nói: “Bệ hạ tin lời của kẻ sàm tấu rồi nghi ngờ anh em. Duệ nổi giận sai Tả hữu đả Thạnh, rồi dẫn binh đánh Sở Vương Thông ở Thiên Vu Đài (nay là Tây Lương lộ, tức Đại Đồng lộ, Vân Trung quận, Thông phản công, Tây Minh Môn bị diệt, giết Hòa ở tây đường Quang Cực, bắt Duệ nhém đầu bêu ở ngã tư đường, Thông lên ngôi Hoàng Đế đổi niên hiệu Quang Hưng, dùng Bắc Hải Vương Ngãi làm hoàng thái đệ, phong con ông ấy là Xán làm Hà Nội vương, Thạch Lạc làm Tinh châu Thứ sử (Thí Nguyên, sau đổi thành Ký Ninh lộ). Năm Tân Mùi tức Hán Gia Bình năm đầu, Thông sai tiền quân đại tướng quân Hồ Diên Yến, Thỉ An Vương Lưu Diệu, Vương Di, Thạch Lạc đánh Lạc Dương chiếm Tuyên Dương Môn. Tấn Hoài Đế muốn chạy đến Trường An nhưng bị quân Hán đuổi bắt được, đưa ông và ngọc tỷ về lại Bình Dương. Thông cho Đế làm Đặc Tiến Tả Quang Lộc đại phu, phong tước Bình A Công. Năm Nhâm Thân tức Gia Bình năm thứ hai của Thông, Thông phong Hoài Đế làm Cối Kê quận công, tháng hai năm sau, Hoài Đế bị hại. Tháng tư tin dữ của Hoài Đế lan tới Trường An, Tấn Mẫn Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng. Tháng chín năm Kiến Hưng năm thứ tư, Hán Đại Tư mã Lưu Diệu đánh Trường An. Tháng mười một, Tấn Đế nói: “Phải nhịn nhục ra hàng để cứu sống muôn dân”. Diệu đưa Tấn Đế về Bình Dương. Hán chủ Lưu Thông cho Tấn Đế làm Quang Lộc đại phu, phong tước Hoài An Hầu. Tháng mười hai năm Đinh Sửu, Tấn Đế bị hại. Năm Mậu Dần, Hán chủ Lưu Thông mất, Thái tử Xán Lên Ngôi, sau bị Cận Phong giết. Thừa

Tướng Lưu Diêu lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Quang Sơ, dời đô về Trường An, đổi quốc hiệu là Triệu, tôn Thiên Vu Lâm Tổ, Thạch Lạc được phong tước Triệu Vương. Đến Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Triệu chủ Lưu Diêu vây lấy Lạc Dương. Tháng mười một, Thạch Lạc dẫn binh đến cứu Lạc Dương, đánh nhau và bắt sống Lưu Diêu chở về Trường quốc rồi giết. Tháng giêng năm Kỷ Sửu, Triệu Thái tử Hy nghe Diêu bị bắt liền dẫn trăm quan chạy lên Thượng Khuê (Thiểm Tây, Cung Xương lộ, xưa là đất Khuê Nhung), Quan Trung đại loạn. Tướng quân Tưởng Anh Tân chiếm Trường An, sai sứ ra hàng Thạch Lạc. Tháng chín, hậu Triệu Trung Sơn Công Thạch Hổ đại phá quân Triệu ở Nghĩa Cừ, thừa thắng đuổi bắt Triệu Thái tử Lưu Hy cùng tướng lĩnh vương công trở xuống, có đến hơn ba ngàn người đều bị giết, đất Tần Lũng được bình định. Hán, Triệu họ Lưu bắt đầu từ Tấn Tuệ Đế năm Đại Hưng Giáp Tý, kết thúc năm Thành Đế, Hàm Hòa Kỷ Sửu, tổng cộng hai mươi sáu năm.

<i>Kỷ Sửu: Tấn Hàm Hòa năm thứ 4</i>	<i>Thành: Ngọc Hành năm thứ 19</i>	<i>Hậu Triệu: Thái Hòa năm thứ 2</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên</i>
<i>Đại: Ế Hòe năm đầu, truy tôn là Liệt Đế</i>				
<i>Canh Dần: Hàm Hòa năm thứ 5</i>	<i>Ngọc Hành năm thứ 20</i>	<i>Thạch Lạc lên ngôi Hoàng Đế</i>		
<i>Đại: Năm thứ 2</i>				
<i>Tân Mão: Hàm Hòa năm thứ 6</i>	<i>Ngọc Thành năm thứ 21</i>	<i>Kiến bình năm thứ 2</i>		
<i>Đại: Năm thứ 3</i>				

Nhâm Thìn: Hàm Hòa năm thứ 7	Ngọc Hành năm thứ 22	Kiến Bình năm thứ 3	
Đại: Năm thứ 4			
Quý Ty: Hàm Hòa năm thứ 8	Ngọc Hành năm thứ 23	Kiến Bình năm thứ 4. Tháng 7, Lặc mất	Yên: Mộ Dung Hoàng lên ngôi
Đại: năm thứ 5			
Giáp Ngọ: Hàm Hòa năm thứ 9	Ngọc Hành năm thứ 24, Hùng mất	Hải Dương Vương lên ngôi, Diên Hy năm đầu	
Đại: Năm thứ 6			
Ất Mùi: Hàm Khang năm đầu	Hán đổi thành Hán Kỳ, Ngọc Hằng năm đầu.	Hổ lên ngôi, Kiến Vũ năm đầu	
Đại: năm thứ 7			
Bính Thân: Hàm Khang năm thứ 2	Ngọc Hằng năm thứ 2	Kiến Vũ năm thứ 2	
Đại: Năm thứ 8			
Đinh Dậu: Hàm Khang năm thứ 3	Ngọc Hằng năm thứ 3	Kiến Vũ năm thứ 3	Tiền Yên: Hoàng xưng vương
Đại: Hậu năm đầu			

<i>Mậu Tuất: Hàm Khang năm thứ 4</i>	<i>Lý Thọ lên ngôi, Hán Hưng năm đầu</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 4</i>		
<i>Thát Bạt Thập Dục Kiến Quốc năm đầu được truy tôn là Thành Đế.</i>				

+ **Học Châm:** Tấn Tư mã Vương Đạo cho Lý Sung là bậc rường cột trong chức Thừa Tướng, Sung cho rằng con người ta chỉ ưa cái đối trá nên ông soạn Học châm, dẫn lời Lão Tử rằng: Dứt nhân bỏ nghĩa dân mới sinh hiếu từ, lẽ đầu đạo nhân nghĩa dứt rồi sau hiếu từ mới sinh? Bởi người lo nhân nghĩa thì ít, mà người lợi do nhân nghĩa thì nhiều, dựa vào đó rồi trách Thánh nhân bị lệ thuộc vào sự nghiệp giáo hóa. Phàm người thấy được hình thì nhiều, đạt được đạo thì ít, đuổi theo dấu tích càng gấp thì lia gốc càng xa, bởi vậy ông soạn Học châm, nhằm trừ bỏ cái tệ ấy. Ông viết: Danh càng rõ ràng thì đạo càng mai một, làm mất sự hưng thọ, ưa cái thay đổi, không có nhân thì không thể nuôi lớn muôn vật, không có nghĩa thì không nuôi lớn hổ thẹn, bởi vậy chắc chắn không thể lia nhân nghĩa, mà chỉ xa những kẻ làm hại nhân nghĩa mà thôi (Tấn Thư, Lý Sung truyện).

Tấn, Quang Lộc Huân Nhan Hàm cáo lão nhường ngôi, ông làm quan hơn hai mươi năm, mất tháng mười năm này, thọ chín mươi ba tuổi. Quách Phác từng ngang qua nhà Hàm muốn bói quẻ cho ông. Hàm nói: Tuổi tác ở trời, ngôi vị ở người, sửa mình mà trời không cho đó là mệnh, giữ đạo mà người không biết đó là tánh, ai nấy đều có tánh mệnh cần gì phải bói quẻ!

<i>Kỷ Hợi: Tấn Hàm Khang năm thứ 2</i>	<i>Hán: Họ Lý Hán Hưng năm thứ 2</i>	<i>Hậu Triệu: Kiến Vũ năm thứ 2</i>	<i>Tiền Lương: Họ Trương</i>	<i>Tiền Yên</i>
<i>Đại: Kiến Quốc năm thứ 2</i>				

+ **Tấn:** Tư Đồ Vương Đạo mất, Đạo có người em là Đạo Bảo bỏ vinh hoa xuất gia làm tăng, nhờ học hạnh mà nổi tiếng.

<i>Canh Tý: Hàm Khang năm thứ 6</i>	<i>Hán Hưng năm thứ 3</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 6</i>
<i>Đại năm thứ 3</i>		
<i>Tân Sửu: Hàm Khang năm thứ 7</i>	<i>Hán Hưng năm thứ 4</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 7</i>
<i>Đại năm thứ 4</i>		
<i>Nhâm Dần: Hàm Khang Năm thứ 8, Tháng sáu Khang Đế lên ngôi</i>	<i>Hán Hưng năm thứ 5</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 8</i>
<i>Đại năm thứ 5</i>		

+ **Khang Đế:** Tên là Nhạc, em cùng mẹ với Thành Đế, từ Lang Da Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi hai năm, thọ hai mươi ba tuổi. Dữ Lượng chuyên quyền, giấu kín mọi việc, ủy thác chánh sự cho Dữ Băng, phong con Thành Đế là Thừa làm Lang Da Vương, phong Dịch làm Đông Hải Vương, niên hiệu Kiến Nguyên có hai năm.

<i>Quý Mão: Kiến Nguyên năm đầu</i>	<i>Hán Hưng năm thứ 6</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 9</i>	<i>Tiền lương</i>	
<i>Đại: năm thứ 6</i>				
<i>Giáp Thìn: Kiến Nguyên năm thứ hai, tháng chín đế mất.</i>	<i>Thái Hòa năm đầu</i>	<i>Kiến Vũ năm thứ 10</i>		<i>Tiền Yên</i>
<i>Đại: năm thứ 7</i>				

Hiếu Tông Mục Đế: Tên là Đam, Thái tử của Khang Đế, lên ngôi năm hai tuổi, Chử Thái hậu lâm triều thính chính, trong ngoài đều yên. Ngày một tháng giêng niên hiệu Thăng Bình năm đầu, ông chính thức nắm quyền chính, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Vĩnh Hòa mười hai năm, Thăng Bình năm.

Át Ty: Vĩnh Hòa năm đầu	Lý Cháp: Thái Hòa năm thứ 2	Kiến Vũ năm thứ 11	Tiền Lương xưng Vương	Tiền Yên: Hoàng
Đại				
Bính Ngọ: Vĩnh Hòa năm thứ 2	Gia Ninh năm đầu	Kiến Vũ năm thứ 12	Trùng Hoa lên ngôi	
Đại				
Đinh Mùi: Vĩnh Hòa năm thứ 3	Hoàn Thang tiêu diệt, trị vì tổng cộng 45 năm	Kiến Vũ năm thứ 13		
Đại				

+ **Đại Thành:** Đổi thành Hán, Lý Đặc người Ba Tây, thiếu thời làm quan cho nhà Tấn. Tây Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, ông chiếm Ích châu (Tứ Xuyên, Tây đạo, Thành Đô lộ, quận Cẩm Thành của Dương châu) lấy quốc hiệu là Thành, niên hiệu Kiến Sơ, Đặc mất, con là Hùng lên thay. Tháng mười, đời Tấn Tuệ Đế niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, Hùng lên ngôi Thành Đô Vương, đổi niên hiệu Kiến Hưng, phong thúc phụ là Ly làm Thái phó, truy tôn cha là Đặc làm Thành Đô Cảnh Vương. Tấn Tuệ Đế niên hiệu Quang Hy năm đầu, Thành Đô Vương Hùng lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Yến Bình, lấy quốc hiệu Đại Thành, tôn Đặc làm Cảnh Hoàng Đế. Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ chín, Hùng mất, Thái tử Ban nối ngôi, em Ban là An Đông tướng quân Lý Kỳ mưu phản, nhân lúc Ban than khóc ở Tẩm Cung, đêm ấy Kỳ vào giết Ban rồi lên ngôi Hoàng Đế, phong thụy cho Hùng là Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tông. Tấn Thành Đế niên hiệu Hàm Khương năm đầu, U Công Kỳ đổi niên hiệu Ngọc Hằng, lấy quốc hiệu là Hán. Tấn, năm Hàm Khương năm thứ tư, Hán Trung Mục Văn Lý Đế Thọ giết Kỳ rồi tự lập, đổi niên hiệu Hán

Hưng. Tấn Hàm Khang năm thứ bảy, Hán chủ Lý Thạo cho con là Chấp làm đại tướng quân nắm việc Thượng thư. Tấn Khang Đế năm Kiến Nguyên năm thứ hai Lý Chấp lên ngôi, lấy niên hiệu Thái Hòa, đến Tấn năm Vĩnh Hòa năm thứ hai tức niên hiệu Gia Ninh của Hán, tháng mười một Tấn An Tây Tướng Quân Hoàn Ôn đánh nhà Hán. Tháng ba năm Vĩnh Hòa năm thứ ba, quân của Ôn đến Thành Đô phóng lửa đốt của thành, quân Hán khiếp sợ mất chí khí đánh nhau. Lý Chấp tự giữ Lạc Dương, các đạo quân khác đều ra hàng. Ôn tha chấp và hơn mười người trong tông thất. Lúc này là năm Kiến Khang, Chấp được phong là Quy Nghĩa Hầu, đất nước diệt vong. Đại Thành bắt đầu từ Tây Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, Quý Hợi, kết thúc Đông Tấn Mục Đế niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ ba, Đinh Mùi, tổng cộng năm chủ, trị vì bốn mươi lăm năm.

<i>Mậu Thân:</i> <i>Tấn: Vĩnh Hòa</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Hậu Triệu: Năm</i> <i>Kiến Vũ năm thứ</i> <i>14</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên: Mộ</i> <i>Dung Hoàng</i> <i>mất, Tuyển lên</i> <i>ngôi</i>
--	--	-------------------	--

* **Đại Hòa thượng Phật Đà Trường:** Người nước Thiên Trúc, ngài đến Lạc Dương vào thời Tây Tấn Hoài Đế năm Vĩnh Gia năm thứ tư, tự xưng mình đã hơn một trăm tuổi. Ngài hít khí trời tự sống, nhịn ăn trong nhiều ngày, giải trừ chú sai khiến quỷ thần. Ngay hông ngài có một lỗ hồng, ngài lấy lụa nhét lại, ban đêm rút mảnh lụa ra thì ánh sáng chiếu khắp. Mỗi khi xuống suối ngài lôi cả ruột ra rửa sạch rồi nhét lại vào trong bụng. Gặp lúc giặc cướp ở Lạc Dương nổi loạn, ngài ẩn cư ngoài đồng hoang. Lúc này quân của Thạch Lạc đóng binh ở Cát Pha giết hại muôn dân vô kể, ngài chống tích đến gặp Lạc. Lạc sai ngài thử trở phép thuật. Ngài lấy một bát nước rồi chú nguyện, bỗng nhiên một đóa sen xanh mọc ngay trong bát, Lạc khâm phục giữ ngài lại trong quân.

Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Lưu Diệu vây lấy Lạc Dương. Lạc đích thân đến ngài cầu cứu. Ngài nói: “Tháp Phật không có gió, chỉ một cái linh phát tiếng. Và ngài nói: Tú chi thế lệ cương, bộc cốc cù gốc đương. Đó là mật ngữ, hễ ra quân tất bắt sống được Lưu Diệu”. Lạc đánh, quả nhiên bắt được Lưu Diệu rồi đưa về Tương quốc. Năm Hàm Hòa năm thứ năm, Lạc tự xưng Đại Triệu Thiên Vương, thi hành những nghi vệ của Hoàng Đế, lại càng kính trọng ngài hơn, tôn xưng ngài là đại Hòa thượng. Con của Lạc là Bân bị bệnh chết

sắp liệm, Lạc than rằng: “Trẫm nghe, Thái tử Quắc chết, Biển Thước có thể làm sống lại, nay có ai làm được như ông ấy chăng? Rồi Lạc sai người báo với ngài, ngài cầm cành dương nhúng vào nước rồi rảy, sau ngài nắm tay của Bân nói: “Có thể dậy được rồi!” Bân quả nhiên sống lại. Từ đó con của Lạc hầu hết được nuôi dưỡng trong chùa của ngài. Tháng bảy năm Hàm Hòa năm thứ tám, Lạc mất. Em ông là Hồ, tự Quý Long lên ngôi. Long dời đô về đất Nghiệp (nay là Bắc Đẩu, Ký châu), Long càng dốc tâm thờ phụng ngài. Đến Tấn niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ tư, ngài sắp thị tịch nên đến từ biệt Quý Long. Long thất kinh nói: Đại Hòa Thượng đi vội nước ta có gặp nạn không? Ngài đáp: Vào sinh ra tử là lẽ thường của đạo, sửa điều xấu, phân định điều tốt, đạo chẳng vì thế mà tăng hay giảm. Cái quý của đạo là hạnh phải chu toàn, cái quý của đức là không ngừng nghỉ. Nếu đạo không thiếu thì dù chết cũng như sống, bằng không, dầu sống đến ngàn năm nhưng nào có ích gì. Điều đáng tiếc là, đất nước noi theo lý Phật, dựng chùa độ tăng, đáng lý phải cầu phước cho xã tắc, nhưng nhà vua lại ban bố chính sách bạo ngược, thưởng phạt không công minh, đó là điều trái với Thánh giáo khiến cho vận nước không lâu bền.

Quý Long khóc than rất thảm. Ngày tám tháng mười hai, ngài an nhiên thị tịch, thọ một trăm bảy mươi tuổi, tăng lạp một trăm lẻ chín hạ, đệ tử ngài là Pháp sư Đạo An v.v... và hơn bảy ngàn người khác. Từ khi Phật giáo truyền sang phía Đông, đến đời ngài mới hưng thịnh.

<i>Kỷ Dậu:</i> <i>Tấn: Vĩnh Hòa</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Hậu Triệu: Đại</i> <i>Ninh năm đầu,</i> <i>Hồ chết, nước</i> <i>loạn</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên: Mộ</i> <i>Dung Tuyển</i> <i>năm đầu</i>
<i>Đại</i>			

* **Hậu Triệu:** Thạch Lạc người Thượng Đảng (nay là Tấn Ninh lộ, Lộ châu Thượng Đảng). Ban đầu Lạc cùng Bát Kỵ về với họ Lưu nhà Hán. Tây Tấn Hoài Đế năm Vĩnh Gia năm thứ tư, Hán chủ Lưu Thông lên ngôi Hoàng Đế, dùng Lạc làm Tinh châu Thứ sử (tức Thái Nguyên, nay thuộc Ký Ninh lộ, Ký châu). Lạc giết Hán tướng là Lưu Di, Thông rất giận nhưng vẫn gia phong Lạc làm trấn Đông đại tướng quân. Đông Tấn Tấn Nguyên Đế niên hiệu Đại Hưng năm đầu, Hán chủ Lưu Thông mất, Thừa Tướng Lưu Diệu lên ngôi Hoàng Đế, gia phong Lạc làm Triệu Vương. Năm Đại Hưng năm thứ hai, Lạc chiếm cứ lấy Yên, Tô,

lấy quốc hiệu là Tương lập ra năm đầu. Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Lạc lấy niên hiệu Thái Hòa, Triệu chủ Lưu Diêu vây Lạc Dương. Tháng mười một, Lạc cứu Lạc Dương, Diêu bị tướng của Lạc là Thạch Kham bắt đưa về Tương Quốc rồi giết. Tấn năm Hàm Hòa năm thứ năm, Lạc xưng là Đại Triệu Thiên Vương, thi hành nghi vệ của Hoàng Đế. Tháng chín, ông lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Bình. Tháng tư năm Kiến Bình năm thứ hai, Lạc đến đất Nghiệp mở mang dựng đô mới. Tháng bảy năm Kiến Bình năm thứ tư, Lạc mất, Thái tử Hoàng lên ngôi, đó là Hải Dương Vương, đổi niên hiệu Diên Hy. Ban đêm Hoàng ngầm đem Lạc an táng trong hang núi, không ai biết đích xác nơi ấy, rồi sắm đủ nghi vệ hư táng (an táng giả) Lạc ở Cao Bình Lăng, tôn thụy là Minh Đế, niên hiệu Cao Tổ. Tháng tám, Triệu chủ Hoàng phong Trung Sơn Vương Hồ làm Thừa Tướng rồi làm Ngụy Vương, gia phong Cửu Tích, quản lý trăm quan. Hoàng ở ngôi một năm. Tháng chín năm sau, Triệu Ngụy Vương Hồ lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Vũ, đóng đô ở đất Nghiệp. Đến Tấn Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ năm, tháng giêng Triệu Chủ Hồ đổi niên hiệu Thái Ninh, sau đó bị bệnh rồi mất. Thái tử Thế, con của Hồ lên ngôi. Bành Thành Vương Thạch Tuân (con trưởng của Hồ) phế Thế xuống làm Tiểu Vương sau đó giết luôn. Tuân lên ngôi, cho Nghĩa Dương Vương Giám làm thị trung, Vũ Hưng Công Mẫn làm Đô đốc nắm giữ việc quân. Ban đầu Triệu Vương Tuân hứa cho Vũ Hưng làm Thái tử, tháng mười Tuân lập Thái tử Diễn, Vũ Hưng Công Mẫn càng uất hận. Tháng mười một, Mẫn dẫn giáp sĩ đến bắt Tuân ở Nam Đài rồi giết, lập Nghĩa Dương Vương Giám, Mẫn làm đại tướng quân được phong làm Vũ Đức Vương. Tháng giêng năm Tấn Vĩnh Hòa năm thứ sáu, Vũ Đức Vương Nhiễm Mẫn lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Hưng, lấy quốc hiệu là Đại Ngụy. Hậu triệu bắt đầu từ Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ hai, Kỷ Mão, kết thúc vào Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ bảy, Tân Hợi, gồm sáu chủ, trị vì tổng cộng ba mươi ba năm.

* **Nhiễm Mẫn:** Người huyện Nội Hoàng, Cối châu, Đại Danh lộ. Triệu chủ Thạch Lạc nhật được ông, sai em là Hồ nhận làm con nuôi. Lúc này Mẫn lấy họ Nhiễm, tháng ba năm Canh Tuất, Hậu Triệu Thạch Kỳ nghe Nhiễm Mẫn soán ngôi ở đất Nghiệp, liền lên ngôi Hoàng Đế ở Tương Quốc. Năm sau tướng của Kỳ là Lưu Hiển giết Kỳ rồi tự mình xưng đế. Năm Nhâm Tý, Nhiễm Mẫn đánh giết Lưu Hiển. Mẫn ở ngôi ba năm. Tiền Yên Mộ Dung Tuyền dẫn binh đánh và giết Mẫn, đất nước diệt vong. Nhiễm Ngụy không nằm trong mười sáu nước chiếm

cứ.

<i>Canh Tuất:</i> <i>Tấn:</i> Vĩnh <i>Hòa năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Tân Phù</i> <i>Hồng, là</i> <i>tướng Triệu</i> <i>c h i e ~ m</i> <i>Trường An.</i>	<i>Ngụy: Nhiễm</i> <i>Mẫn năm</i> <i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm đầu</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên:</i> <i>Mộ Dung</i> <i>Tuyển</i>
---	--	--	-------------------	--

Tháng hai, có tượng Phật bằng vàng xuất hiện ở Kinh châu, Tư mã Hoàng Ôn nghênh đón nhưng tượng không nhúc nhích. Lúc này Đàng Tuấn ở Giang Lăng đổi nhà làm chùa thỉnh pháp sư Đàm Dực trụ trì. Dực dẫn đồ chúng ra lễ lạy rồi nghinh tượng vào thờ. Tượng bỗng nhẹ như không, Dực an trí tượng tại chùa này.

<i>Tân Hợi:</i> <i>Tấn Vĩnh</i> <i>Hòa năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Hồng mất,</i> <i>con là Kiện</i> <i>xưng Thiên</i> <i>Vương, niên</i> <i>hiệu Hoàng</i> <i>Thỉ năm đầu</i>	<i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên</i>
<i>Đại</i>				
<i>Nhâm Tý:</i> <i>Tấn Vĩnh</i> <i>Hòa năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Kiện lên</i> <i>ngôi Hoàng</i> <i>Đế, niên</i> <i>hiệu Hoàng</i> <i>Thỉ năm đầu</i>	<i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên:</i> <i>Mộ Dung</i> <i>Tuyển lên</i> <i>ngôi nguyên</i> <i>tỷ năm đầu</i>
<i>Đại</i>				

* Phương Ngoại Giao (kết giao bên ngoài): Pháp sư Chi Độn tự Đạo Lâm là người tinh thông Bát-nhã. Thời bấy giờ Thái phó Tạ An, hữu quân Vương Hy Chi rất thân với ngài. Tạ An làm Thái thú Ngô Hưng có lần gửi thư cho ngài, trong ấy ghi: “Xa cách lâu ngày, nhớ Thầy không nguôi, biết thầy muốn về lại Diêm sơn ẩn mình tiến tu, tôi thật buồn ngủi. Đời người chẳng khác sự gửi gắm tạm bợ. Từ đạo bốn ba, gặp nhau chốc lát, nghĩa tình chừng như với cạn, trọn ngày tôi mong Thầy đến, dù chỉ một lần được Thầy gội rửa rồi rấm trong lòng, một

ngày thôi mà tôi tưởng như ngàn năm.”

Tháng mười năm Hưng Ninh năm thứ hai đời Tấn Ai Đế, Sa-môn Trúc Tiềm cáo từ vua về lại Diệm sơn, vua xuống chiếu mời ngài kế thế việc giảng pháp trong cung. Danh sĩ đương thời như Ân Hạo, Khích Siêu, Tôn Xước, Hoàn Ngạn Biểu, Vương Kính Nhân, Hà Sung, Vương Thản Chi, Viên Ngạn Bá đều rất thân giao với ngài. Thiên hạ đều mong được thấy ngài nêu cao Thánh triết.

Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ hai, ngài dâng biểu cáo từ về núi, vua hạ chiếu ban cấp tiền của cho ngài, lại sai công khanh thiết tiệc tiễn đưa ngài ở Chinh Lô đình. Ngài trở về Diệm sơn, lập chùa hoàng hóa trên ngọn núi nhỏ ở Ốc châu, Tăng chúng đều theo ngài học. Lúc này có một số người giải đãi, ngài soạn bài minh khuyên tấn họ. Trong đó có đoạn: “Gắng lên, gắng lên, chí đạo chẳng xa trùm khắp ba cõi, đồng mãnh đi hoại, giữ kỹ cấm giới, đạt chí vô vi, v.v...”

Có người tặng ngài con ngựa, ngài nhận nuôi và nói: “Ta yêu mến con tuấn mã này.” Có người tặng ngài con hạc, ngài thả bay đi và nói: Con vật vùng vẫy giữa trời xanh lẽ đâu bắt nó làm vui tai mắt mình! Người quân tử phải thấu đạt nhiều lẽ.”

Về sau, ngài xuống núi, lạng lẽ giảng kinh Duy-ma. Lúc này Hứa Tuân giảng kinh ở kinh đô có đến gạn hỏi ngài nhiều lần, ngài đối đáp ai nấy đều kính phục. Ngài thọ năm mươi ba. Đời Quỳ có lần ngang qua tháp ngài, rồi than: Âm đức chưa vang xa mà cổ thụ trên mộ đã sum suê thế này rồi! Mới hay lý mâu rạn vỡ đâu mất theo khí vận.

<i>Quý Tấn, Vĩnh Hòa năm thứ 10</i>	<i>Sứ: năm</i>	<i>Tiền Tần: Họ Phù, năm Hoàng Thỉ năm thứ 3</i>	<i>Tiền Lương: Tộ lên ngôi, niên hiệu Hòa Bình năm đầu</i>	<i>Tiền Yên năm thứ 2</i>	<i>Đại</i>
<i>Giáp Tấn, Vĩnh Hòa năm thứ 10</i>	<i>Dần: năm</i>	<i>Tiền Tần: Họ Phù năm Hoàng Thỉ năm thứ 4</i>	<i>Tiền Lương xưng vương năm Hòa Bình năm thứ 2</i>	<i>Tiền Yên năm Nguyên Tỹ năm thứ 3</i>	<i>Đại</i>

* Sa-môn Bạch Pháp Kiều tụng kinh tất tiếng, sám hối bảy ngày đêm cầu Quan Âm Bồ-tát hiển báo. Đến ngày năm thứ bảy, cổ họng ngài bỗng thông, từ đó ngài ngày đêm tụng niệm, âm thanh vang xa đến hơn một dặm. Tuổi ngoài chín mươi nhưng giọng đọc của ngài vẫn không thay đổi.

Ất Mão: Vĩnh Hòa năm thứ 11	Kiên mất, Sinh lên ngôi, Thọ Quang năm đầu	Tĩnh lên ngôi, Kiến Hưng năm đầu	Nguyên Tỷ năm thứ 4	
Bính Thìn: Vĩnh Hòa năm thứ 12	Thọ Quang năm thứ	Kiến Hưng năm thứ 2	Nguyên Tỷ năm thứ 5	
Đinh Tỵ: Thăng Bình năm đầu, Để cho Kiên lập Nguyên phục	Sinh mất, Vĩnh Hưng năm đầu	Kiến Hưng năm thứ 3	Dời đô về đất Nghiệp	Đại
Mậu Ngọ: Thăng Bình năm thứ 2	Vĩnh Hưng năm thứ 2	Kiến Hưng năm thứ 4	Quang Thọ năm thứ 2	
Kỷ Mùi: Thăng Bình năm thứ 3	Cam lộ năm đầu	Kiến Hưng năm thứ 5	Quang Thọ năm thứ 3	
Canh Thân: Thăng Bình năm thứ 4	Cam lộ năm thứ 2	Kiến Hưng năm thứ 6	Tuyển mất, Húy lên ngôi, Kiến Hy năm đầu	Đại

<i>Tân Dậu:</i> <i>Thăng Bình</i> <i>năm thứ</i> <i>năm, tháng</i> <i>năm Đế mất</i>	<i>Cam lộ năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Huyền Tĩnh</i> <i>theo Chánh</i> <i>Sóc của Tấn</i>	<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 2</i>	
--	-----------------------------------	--	-----------------------------------	--

* Ai Đế: Tên là Phi, con trưởng Thành Đế, được phong làm Lang Da Vương. Mục Đế không có con nối dõi, hoàng Thái hậu đưa ông lên nắm quyền và cho lên ngôi. Ông uống thuốc trường sinh, thuốc phát tác đến nỗi không lâm triều được, Chử Thái hậu lâm triều, ông thọ hai mươi lăm tuổi. Niên hiệu Long Hòa một năm, Hưng Ninh ba năm.

<i>Nhâm Tuất:</i> <i>Đế ở ngôi</i> <i>bốn năm</i>	<i>Cam lộ năm</i> <i>thứ 4</i>		<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Đại</i>
<i>Quý Hợi:</i> <i>Hưng Ninh</i> <i>năm đầu</i>	<i>Cam lộ năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Thiên Tích</i>	<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 4</i>	
<i>Giáp Tý:</i> <i>Hưng Ninh</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Cam lộ năm</i> <i>thứ 6</i>		<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 5</i>	
<i>Ất Sửu:</i> <i>Hưng Ninh</i> <i>năm thứ hai,</i> <i>tháng hai Đế</i> <i>mất</i>	<i>Kiến Nguyên</i> <i>năm đầu</i>		<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Đại</i>

Tấn, Vương Thản Chi sửa nhà, vườn thành chùa An Lạc, Thích Tuệ Thọ nhận trụ trì.

* Phế Đế: Tên là Dịch, em cùng mẹ với Ai Đế, Ai Đế không có con, Thái hậu cho ông nối dõi và lên ngôi. Hoàn Ôn có ý không phục nên nói khích với Thái hậu, Thái hậu phế ông xuống làm Đông Hải Vương, rồi phong làm Hải Tây Công, ông thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thái Hòa năm.

<i>Bính Dần:</i> <i>Đế ở ngôi</i> <i>sáu năm.</i> <i>Thái Hòa</i> <i>năm đầu</i>	<i>Tiền Tần:</i> <i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên:</i> <i>Vỹ, Kiến Hy</i> <i>năm thứ 7</i>	<i>Đại</i>
--	--	-------------------	--	------------

* Thập Tụng Giới Bản ba bộ, do, Sa-môn Đàm Ma Trì người tây vực(Hán dịch Pháp Hải) dịch vào đời Tần.

<i>Đình Mão:</i> <i>Tấn, Thái</i> <i>Hòa năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Tiền Tần:</i> <i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên:</i> <i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Đại</i>
--	--	-------------------	---	------------

* Sa-môn Trúc Đạo Du tức Bạch Đạo Du, đầu tiên ngài dừng chân ở núi Thạch Thành, Diêm sơn, năm ấy ngài lại dời qua Thai châu. Ngài ngồi thiền trong hang núi Xích Thành (nay là núi Thiên Thai), có bảy hổ ngồi xổm trước hang. Ngài tụng kinh, có một con hổ ngủ gục, ngài lấy gậy Như Ý gõ đầu nó và nói: “Tại sao không nghe kinh.” Tụng kinh xong, bảy hổ đi hết. Lát sau, có một con rắn to đến mười vi bò đến cuộn tròn rồi ngóc đầu về phía ngài. Nằm đến nửa ngày, con rắn bò đi. Ngày nọ có một thanh niên đến và nói với ngài: “Đệ tử là con của nhà vua Hạ ở đây đã hơn hai ngàn năm, hôm nay xin qua núi Hàn Thạch.” Nói xong người thanh niên ấy cúng dường hang đá của mình cho ngài, rồi hú lên, đầu mọc sừng và đặng vân đi mất. Đạo Du tịch vào năm Thái Nguyên năm thứ tám đời Đông Tấn Vũ Đế.

<i>Mậu Thìn:</i> <i>Thái Hòa</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên:</i> <i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 9</i>	<i>Đại</i>
---	--	-------------------	---	------------

* Thích Tuệ Thường dịch Tỳ-kheo ni truyện sáu quyển. Tấn An Tây tướng quân Hoàn Ôn, chủ bạ Vương Tuân và em là Dân đổi nhà thành chùa, đó là ngôi chùa ở Hổ Khâu, Bình Giang lộ.

* Y thuật: Sa-môn Vu Pháp Khai thị tịch trong năm này. Khai là đệ tử của Lan Công, ngài tinh thông kinh Phóng Quang Bát-nhã lại rất rành

y thuật. Mục Đế có lần triệu ngài vào cung chữa bệnh, ngài xem mạch biết ông ta không qua khỏi nên không chữa. Có người hỏi: Y thuật của thầy cao minh, đơn giản sao không lấy đó làm nghề? Ngài đáp: Thấu tỏ lục độ, trừ các bệnh của bốn ma, điều tiết cứu hâu để trị các chứng phong hàn, lợi mình lợi người, như thế không đáng chăng!

<i>Kỷ Ty:</i> <i>Thái Hòa năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Kiến Hy năm</i> <i>thứ 10</i>
<i>Canh Ngọ: Tấn</i> <i>Thái Hòa năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Tiền Tần</i> <i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 6</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Tiền Yên: Vỹ,</i> <i>Kiến Hy năm</i> <i>thứ 11, đất nước</i> <i>diệt vong</i>
<i>Đại</i>			

Tháng mười một năm Tân Mùi, Hoàn Ôn từ Quảng Lăng đến Kiến Khang xin Chủ Thái hậu phế vua, lập Thừa Tướng Cối Kê Vương Dục. Vua có chiếu tấn phong Thừa Tướng Hoàn Ôn làm Đại Tư mã rồi giữ lại kinh sư để phụ chánh. Ôn chối từ xin về giữ Cô Thục.

* Tiền Yên: Mộ Dung Hội là người Tiên Ty, Xương Lê, nhiều đời được nhà Tấn phong hiệu. Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ hai, Hội làm Đô đốc, đặc trách ở Đông Di. Tấn, Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ tám, Mộ Dung Hoàng lên ngôi, đến năm Đinh Dậu, Hoàng xưng vương. Hoàng rất giỏi văn chương, biết kính trên nhường dưới, giỏi giảng dạy tra cứu. Tháng mười một đời Tấn Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ tư, Hoàng mất, thế tử Tuyền lên ngôi liền sai sứ đến Kiến Khang báo tang. Tấn Đế hạ chiếu sai sứ giả Trần Quang đến bái phong Tuyền làm Yên Vương. Tuyền lấy năm Mậu Thân làm năm đầu. Năm Nhâm Tý Tuyền diệt Thạch Triệu, tháng mười một, Tuyền lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Nguyên Ty. Năm Đinh Ty, Tuyền dời đô về đất Nghiệp, đó là quốc đô Thạch Hổ, đổi niên hiệu Quang Thọ. Tháng giêng năm Canh Thân, Chiêu Đế Tuyền mất, đại Tư mã Mộ Dung Khác nhận di chiếu giúp Thái tử Vỹ lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hy, Vỹ chính là U Đế. Năm Kỷ Ty tức Kiến Hy thứ mười, Yên Thái phó Thượng Dung Vương, Mộ Dung Bình hiềm khích uy danh của Ngô Vương Mộ Dung Thùy, lại vì tranh nhau mà gây oán với Bình. Thái hậu

Khả Túc Hỗn thị ngấm bàn mưu với Bình để giết Thù. Thù đem vợ con em cháu chạy sang Tần. Tần Vương Phù Kiên vui mừng ra biên giới đón Thù rồi cho Thù làm quan quân tướng quân và phong hiệu Tân Tùng Hầu. Hồi ấy, Tấn đánh Yên, Yên cầu cứu với Tần, Bình cất đất từ Hồ Lao về Tây để hối lộ cho Tần. Đến khi quân Tấn rút lui, dân Yên muốn lấy đất lại, Tần chủ nổi giận dẫn binh đánh Yên. Tháng mười hai, Tần đến Lạc Dương. Tháng giêng năm Kiến Hy mười một Yên Kinh châu Thứ sử Vũ Uy Vương Trúc đem Lạc Dương hàng Tần. Tháng sáu Tần lại đánh Yên, Yên thua. Tháng mười một, Tần chủ Phù Kiên vào đất Nghiệp, Yên chủ Vỹ đem binh ra hàng. Tháng mười hai, Phù Kiên đưa Mộ Dung Vỹ cùng hậu phi, vương công và trăm quan của Yên về Trường An, phong Vỹ làm Tân Hưng Hầu, những người còn lại đều được phong. Mộ Dung Hội bắt đầu từ Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, Quý Hợi kết thúc vào Đông Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ năm Canh Ngọ, gồm bốn chủ, trị vì sáu mươi tám năm.

* **Thái Tông Giản Văn Đế:** Tên là Dục, con út của Nguyên Đế, được phong làm Cối Kê Vương. Khang Đế mất, Thái hậu sai ông nắm giữ mọi việc rồi phong ông làm Tư Đồ Thừa Tướng nắm việc của Thượng thư. Hoàn Ôn phế Hải Tây Công, theo lệnh Thái hậu, ông lên ngôi Hoàng Đế. Hoàn Ôn chuyên quyền, Đế lấy lòng khoan dung đối xử với Ôn. Ông thọ năm mươi ba tuổi, từng dựng chùa, đúc tượng, độ tăng. Ông dựng chùa Trường Can ở Kiến Khang, xây tháp Phật nguy nga, tráng lệ. Niên hiệu Hàm An có hai năm.

<i>Tân Mùi: Tấn, tháng mười một, Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Hàm An</i>	<i>Tiền Tần Phù Kiên thôn tính Trung Nguyên. Năm Kiến Nguyên năm thứ 7</i>	<i>Tiền Lương</i>
--	--	-------------------

* **Sa-môn Trúc Pháp Thái:** Sư ở chùa Ngõa Quan thuộc Kiến Khang, vua rất kính trọng. Sư giảng kinh Phóng Quang Bát-nhã, vua đích thân đến nghe, công khanh đều đến dự, tặng tục thầy kính ngưỡng. Đời Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười hai, Sư quy tịch, thọ sáu mươi tám tuổi. Vũ Đế hạ chiếu rằng: Pháp sư Thái đạo bửu tám phương, vôi vàng quy tịch, nay cấp mười vạn tiền, mọi việc tang lễ do Hữu Ty lo liệu.

<i>Nhâm Thân:</i> <i>Hàm An</i> <i>năm thứ hai,</i> <i>tháng 7, Đế</i> <i>mất.</i>	<i>Tiền Tần:</i> <i>Năm Kiến</i> <i>Nguyên năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Tiền Lương</i>		<i>Đại</i>
--	--	-------------------	--	------------

* Hứa Tuân: Tự Huyền Độ, Đế rất kính trọng, thường đàm đạo huyền với ông. Hậu thân của ông là vị Tăng tên là Đàm Ngạn. Tháp của Đàm Ngạn ở Thiệu Hưng, Chiết Đông, Ngạn thọ một trăm hai mươi tuổi.

Liệt Tông Hiếu Vũ Đế: Tên là Diệu, con năm thứ ba của Giản Văn Đế. Ông lên ngôi năm mười một tuổi, tháng giêng niên hiệu Thái Nguyên năm đầu ông lên ngôi Hoàng Đế, Thái hậu giao lại quyền chánh cho ông. Ông ở ngôi hai mươi bốn, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Ninh Khang ba năm, Thái Nguyên hai mươi một năm.

<i>Quý Dậu:</i> <i>Tấn, niên</i> <i>hiệu Ninh</i> <i>Khang năm</i> <i>đầu</i>	<i>Tần: Năm</i> <i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 9</i>	<i>Tiền Lương</i>		<i>Đại</i>
---	---	-------------------	--	------------

Tháng bảy, Nam quận Tuyên Vũ Công Hoàn Ôn bệnh nặng, sai em là Xung nhận lãnh mọi việc. Xung theo di mệnh đưa con út của Ôn là Huyền làm người kế thừa. Lúc này Huyền mới năm tuổi được tập phong làm Nam quận công. Xung thay Ôn gánh vác mọi việc, tận trung với vương thất. Tháng tám, Thái hậu lại lâm triều nhiếp chính.

<i>Giáp Tuất:</i> <i>Kiến Khang</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Kiến Nguyên</i> <i>năm thứ 10</i>	<i>Tiền Lương</i>		<i>Đại</i>
--	---	-------------------	--	------------

* **Sắc lệnh an táng Sa-môn:** Đời Ai Đế năm Kiến Khang năm thứ hai, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Trúc Tiềm vào giảng kinh Bát-nhã trong cấm thành. Tiềm mang cả dép vào điện, mọi người xúm nhau xem rồi khen đạo đức và phong thái cao vời của ngài. Có lần vua ép ngài làm quan, Tiềm từ chối trở về Diệm sơn. Sau đó Chi Độn gửi thư

muốn tìm mua một ngọn núi nhỏ ở Ốc châu để ở ẩn. Tiềm trả lời rằng: “Muốn đến thì cho ngay chứ chưa nghe việc mua núi làm tổ rồi mới về ở ẩn.” Pháp Tiềm thị tịch trong năm này, Vũ Đế hạ chiếu rằng: “Pháp sư tổ ngộ sâu xa, phong thái thanh cao, bỏ cái vinh Tể tướng, học cái hạnh Sa-môn, ở trên núi cao, vượt xa thế tục, dốc chí tu hành, chưa từng giải đãi, một lòng nêu đạo, giáo hóa quần sinh, nay đột nhiên quy tịch Trẫm đau xót vô cùng. Nay ban tặng cho mười vạn quan tiền, trợ giúp việc xây tháp”. Những Sa-môn Trung Quốc được vua ban lễ vật tống táng bắt đầu từ ngài.

<i>Ất Hợi: Tấn, năm Ninh Khang năm thứ 3</i>	<i>Tiền Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 11</i>	<i>Tiền Lương</i>	<i>Đại</i>
<i>Bính Tý: Tấn năm Thái Nguyên Năm đầu, mồng một tháng giêng Đế lên ngôi</i>	<i>Kiến Nguyên năm thứ 12</i>	<i>Tần diệt Lương. Lương tồn tại được 74 năm</i>	<i>Đại: Thác Bạt Khuê dựng thành ấp trong năm này.</i>

Tiền Lương: Trương Quỹ tự Sĩ Ngạn, người An Định (nay là Thiểm Tây, Trang Lăng lộ thuộc Ung châu, Kinh châu). Ông làm quan nhà Tấn giữ chức Tấn kỵ thường thị. Tuệ Đế tháng giêng niên hiệu Vĩnh Ninh năm đầu, ông làm Lương châu Thứ sử. Gặp lúc thời buổi nhiễu nhương, Quỹ ngầm nuôi chí chiếm cứ Hà Tây nên mới xin làm Thứ sử Lương châu. Năm Quý Hợi, Quỹ chiếm Lương châu. Mẫn Đế năm Kiến Hưng năm thứ hai, Quỹ xưng Lương châu mục Tây Bình công. Kiến Hưng năm thứ tư, Trương Thật kế ngôi. Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ tư em là Mậu kế ngôi. Tấn Minh Đế năm Thái Ninh năm thứ hai, con là Tuấn kế ngôi. Tấn Mục Đế niên hiệu Vĩnh Hòa năm đầu, Tuấn xưng vương. Tháng năm Vĩnh Hòa năm thứ hai, Tây Bình Trung Thành Vương Trương Tuấn mất, các quan đưa Thế tử Trùng Hoa làm Lương châu mục Tây Bình công giả Lương Vương. Tháng mười một năm Vĩnh Hòa năm thứ chín, Tây Bình Kính Liệt công Trương Hoa mất. Thế tử Diệu Linh lúc này mới mười tuổi, bọn Hữu Trường Sử, Triệu Trường kiến nghị lập Trường Ninh Hầu Tộ vốn là anh kế của Trùng

Hoa, phước Diệu Linh xuống làm Lương Ninh Hầu, đưa Tộ làm Lương châu mục, đổi niên hiệu Hòa Bình. Tháng giêng năm Vĩnh Hòa thứ mười, Trương Tộ tự xưng là Lương Vương, đặt ra trăm quan, tế giao tế tự, tế trời đất, dùng lễ nhạc của Thiên Tử. Vĩnh Hòa năm thứ mười một, Xung Công Trương Tịnh lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng, đến Tấn Ai Đế niên hiệu Hưng Ninh năm đầu, Lương Diệu Công Trương Thiên Tích giết Tịnh rồi tự lập. Đến lúc này là Vũ Đế năm Thái Nguyên năm đầu, bị Phù Tấn tiêu diệt. Nhà Lương tồn tại bảy mươi bốn năm. Lương châu thuộc Ung châu tỉnh Cam Túc ngày nay.

<i>Đình Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Sử: Tiên Tần năm Kiến Nguyên 13</i>	<i>Tấn Thư ghi: Đến lúc này đất trong chín châu thì Tần đã có đến 8, nhà Tấn chỉ còn một dải ở Đông Nam mà thôi.</i>	<i>Đại</i>
--	--	--	------------

+ Thích Tuệ Vĩnh ở chùa Tây Lâm, Lô Sơn: Ban đầu ngài cùng Pháp sư Tuệ Viễn tham học với Pháp sư Đạo An, đến lúc này ngài đến Tâm Dương trước, Thứ sử Đào Phạm giữ ngài ở lại Lô Sơn. Phạm cãi gia vi tự cho ngài ở, đó là chùa Tây Lâm, trên núi có một cái thất tên là Hương Cốc.

<i>Mậu Dân: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Tiền Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 14</i>	<i>Đại</i>
--	---	------------

* Đô Duy Na: Sa-môn Trúc Đạo Nhất theo học Pháp sư Thái, Tấn Giản Văn Đế rất kính trọng hai ngài. Sau đó, Đạo Nhất qua tại Hồ Khâu, Bình Giang, rồi qua trụ ở Nhã Da Khê ở Việt Châu. Mấy hôm sau, quận thú Vương Hội xây chùa Gia Tường thỉnh ngài trụ trì. Thời bấy giờ, người ta gọi ngài là Cửu Châu Đô Duy Na. Luật Tỳ-nại-da mười quyển do Pháp sư Trúc Pháp Niệm dịch hoàn tất trong năm này.

<i>Kỷ Mão: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 4</i>	<i>Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 14. Tần lấy được Tương Dương của Tấn và có được Pháp sư Đạo An, Tập Tạc Xi.</i>	<i>Đại</i>
<i>Canh Thìn: Thái Nguyên năm thứ 5</i>	<i>Kiến Nguyên năm thứ 16</i>	<i>Đại</i>

* Sa-môn Trúc Pháp Nghĩa là người mở mang vương đạo, kế thừa tông phong, kính trọng bạn bè. Vua từng sai sứ mời ngài vào điện giảng thuyết kinh điển, mỗi khi giảng thuyết Vũ Đế đều đến nghe. Ngài thị tịch trong năm này, vua ban mười vạn tiền, xây tháp an táng ở sườn núi Tân Đình, nay là chùa Thiên An.

<i>Tân Tỵ: Tháng giêng năm Thái Nguyên năm thứ sáu vua lập điện trong Tịnh xá thỉnh Sa-môn giảng đạo</i>	<i>Kiến Nguyên năm thứ 17</i>		<i>Đại</i>
<i>Nhâm Ngọ: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 7</i>	<i>Kiến Nguyên năm thứ 18</i>	<i>Lã Quang chiếm Cô Tang, tức Lương Châu</i>	<i>Đại</i>

Tiền Tần chủ Phù Kiên sai tả tướng quân Lã Quang đánh Quy Tư, đón Pháp sư Cưu-ma-la-thập. Lã Quang chiếm cứ Cô Tạn, tức Lương châu, lấy hiệu Hậu Lương.

<i>Quý Mùi: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 8</i>	<i>Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 19</i>			<i>Lã Quang</i>
--	---	--	--	-----------------

<i>Đại: Thát Bạt Khuê</i>				
<i>Giáp Thân: Năm Thái Nguyên năm thứ 9</i>	<i>Kiến Nguyên năm thứ 20</i>	<i>Hậu Tần Diêu Trành, niên hiệu Bạch Tước năm đầu</i>	<i>Tây Tần: Khất Phục Quốc Nhân chiếm Kim Thành</i>	
<i>Hậu Lương Mộ Dung Thùy năm đầu</i>		<i>Đại</i>		

Pháp sư Viễn Công ở Nhạn môn đến Lô Sơn, Giang châu trong năm này.

<i>Ất Dậu: Năm Thái Nguyên năm thứ 10</i>	<i>Kiên bị giết, con là Phi lên ngôi, Thái Bình năm đầu</i>	<i>Bạch Tước năm thứ 2</i>	<i>Tây Tần: Kiến Hynăm đầu</i>	<i>Lã Quang</i>
<i>Thùy chiếm cứ Trung Sơn, niên hiệu Kiến Hưng năm đầu</i>		<i>Đại: Thát Bạt Khuê</i>		
<i>Bính Tuất: Năm Thái Nguyên năm thứ 11</i>	<i>Phi mất, Đăng lên ngôi, niên hiệu Thái sơ năm đầu</i>	<i>Trành vào Trường An và lên ngôi, niên hiệu Kiến Sơ năm đầu</i>	<i>Kiến Hynăm thứ 2</i>	<i>Tam Hà Vương Lã Quang, niên hiệu Thái An năm đầu</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 2</i>		<i>Khuê lên ngôi Ngụy Vương, Đăng Quốc năm đầu</i>		
<i>Đình Hợi: Thái Nguyên năm thứ 12</i>	<i>Thái Sơ năm thứ 2</i>	<i>Kiến Sơ năm thứ 2</i>	<i>Kiến Hynăm thứ 3</i>	<i>Lân Gianăm đầu</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 3</i>		<i>Ngụy Vương Khuê: Đăng Quốc năm thứ 2</i>		

<i>Mậu Tý:</i> <i>Thái Nguyên</i> <i>năm thứ 13</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Kiến Sơ năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Kiến Hynăm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Lân Gianăm</i> <i>thứ 2</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 4</i>		<i>Đặng Quốc năm thứ 3</i>		

Tổ năm thứ 26: Tôn giả Bất-như-mật-đa.

Ngài là con thứ của vua Thiên Đức ở Nam Ấn. Sau khi xuất gia đắc pháp, ngài đến Đông Ấn hoằng hóa. Quốc vương xứ này tên là Kiên Cố, thờ ngoại đạo Trường Trảo Phạm chí. Nhà vua bỗng thấy luồng khí trắng xuyên suốt từ trên xuống dưới mới hỏi:

- Đây là điềm gì?

Phạm chí đáp:

Là điềm ma đến.

Phạm chí nhóm họp đồ chúng và hỏi:

Bất-như-mật-đa sắp vào thành đô, ai có thể chiết phục được ông ấy?

Đệ tử ông ta đáp:

Bọn đệ tử đều có chú thuật có thể làm chấn động trời đất, vào trong nước lửa thì còn lo gì!

Ngài đến, vua hỏi:

Thầy đến làm gì?

Ngài đáp:

Đến để độ sinh.

- Dùng pháp gì độ?

- Tùy theo mỗi loại mà độ họ.

Bấy giờ Phạm chí dùng huyền thuật hóa ra một trái núi lớn đè trên đỉnh đầu ngài. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay qua đè bọn Phạm chí. Phạm chí khiếp sợ lạy ngài xin tha. Ngài xót thương bọn họ, lấy tay chỉ, quả núi biến mất. Ngài liền nói pháp yếu cho vua nghe, ai nấy đều quy hướng Chân thừa.

Lúc ấy có một thanh niên con Bà-la-môn, khoảng hai mươi tuổi, chẳng biết tên họ là gì, có khi tự xưng mình là Anh Lạc, cho nên người ta gọi cậu là Đồng tử Anh Lạc. Một hôm vua cùng ngài xa giá đi ra thì gặp Anh Lạc. Ngài chỉ Anh Lạc và nói với nhà vua: chàng trai trẻ này chính là Bồ-tát Đại Thế Chí. Sau vị Thánh này sẽ xuất hiện hai người, một người giáo hóa ở Nam Ấn, một người có duyên với nước Chấn Đán. Do nguyên nhân xưa nên ngài đặt tên cho Anh Lạc là Bất-nhã Đa-la

và ngài nói: Nay ta đem Chánh pháp nhân tạng giao phó cho ông. Ngài nói kệ:

*Kho chân tánh tâm địa
Không đầu cũng không đuôi
Ứng duyên mà hóa vật
Phương tiện gọi là trí.*

Phó pháp xong, ngài từ biệt vua và nói: “Tôi sẽ quy tịch, mong nhà vua đừng quên ngoại hộ giáo pháp Tối Thượng thừa”. Nói xong ngài kiết già quy tịch, dùng lửa tự đốt thân. Nhà vua thâu lấy xá-lợi dựng tháp an táng. Bấy giờ là đời Đông Tấn Vũ Đế.

<i>Kỷ Sửu: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 14</i>	<i>Tiền Tần: Năm Thái Sơ năm thứ 4</i>	<i>Hậu Tần: Năm Kiến Sơ năm thứ 4</i>	<i>Tây Tần Càn Quy Thái Sơ năm đầu</i>	<i>Lã Quang: Lân Gian năm thứ 3</i>
<i>Hậu Yên: Thùy, năm Kiến Hưng năm thứ 5</i>		<i>Ngụy Vương: Năm Đăng Quốc năm thứ 4</i>		

* **Pháp sư Thích Đạo An:** ngài họ Vệ, người Phù Liễn, Thường Sơn. Vốn theo nghiệp Nho, từ nhỏ mồ côi cha mẹ, được anh họ nuôi nấng. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia, thờ Phật Đồ Trưng làm thầy. Ngài đọc sách, mỗi ngày thuộc cả vạn lời, biện tài lưu loát, bẩm tánh thông minh nhưng mặt mày rất xấu, bấy giờ có câu ngạn ngữ: “Đạo nhân đen như than, làm kinh động bốn phía.”

Đến khi Phật Đồ Trưng thị tịch, ngài dẫn đồ chúng vượt sông vào núi Lục Hồn, ăn rau cỏ, uống nước khe. Niên hiệu Ninh Khang năm đầu, đời Vũ Đế, ngài dựng chùa Đàn Khê ở Tương Dương, xây tháp, đúc tượng Phật bằng đồng. Vũ Đế nghe danh ngài liền hạ chiếu rằng: “Pháp sư đem đạo đức soi sáng trời người, làm cho đại pháp lưu hành, làm chỗ dựa cho sinh linh, nên mỗi ngày nhận bổng lộc như vương công, quan lại địa phương theo mùa mà cung cấp phẩm vật cho ngài vậy.” Nhưng ngài kiên quyết chối từ, không nhận.

Năm Kỷ Mão, tức Tấn Thái Nguyên năm thứ tư, tháng hai, Tần chủ Phù Kiên đánh chiếm Tương Dương, rước được ngài nên lòng vô cùng vui mừng. Kiên nói với Tả hữu: “Ta dùng mười vạn binh lấy Tương Dương, được một người rười mà thôi.” Tả hữu hỏi đó là ai, Kiên đáp:

“An Công là một người, Tập Tạc Xỉ là nửa người.”

Ngài đến Trường An, có hơn một vạn Sa-môn đều lấy họ của ngài. Ngài nói: Bậc thầy không ai bằng Phật Thế Tôn, Sa-môn nên lấy họ Thích làm họ của mình. Kinh Tăng Nhất A-hàm có ghi: “Bốn sông đổ ra biển, không còn tên gọi khác, bốn họ khi xuất gia đều gọi là họ Thích”, hễ phù hợp kinh điển, đời càng thêm kính trọng.

Ngày ba mươi tháng giêng năm Kỷ Sửu, ngài sai đồ chúng chuẩn bị tắm rửa cho mình, bỗng có một dị tăng xuất hiện đi tới đi lui nơi kê tường. Ngài hỏi vị Tăng mình sẽ sinh ở đâu, vị Tăng chỉ hướng Tây Bắc, nơi ấy bỗng nhiên mây trời rẽ ra, lâu đài nguy nga hiện ra như trong mộng. Vị Tăng nói: “Đó là trời Đâu-suất, đêm nay sẽ có vài trăm đồng tử tắm xong thì đi đến đó, ông cần biết trước để sau này kết duyên cùng những bạn bè Ứng Chân đó.

Ngày tám tháng hai, ngài kiệt già mà tịch. Mỗi lần chú sớ nghĩa kinh, ngài đều cầu Thánh chứng minh. Cánh tay trái của ngài có cục thịt vuông vức một tác nổi cao như cái ấn, nên người đương thời gọi ngài là Ấn Thủ Bồ-tát. Ngài trước tác Tăng ni Quỹ Phạm và Pháp Môn Thanh Thức gồm hai mươi bốn điều, ai nấy đều tuân theo.

Trong Biên Niên Luận của Tú Tử Chi ghi: “Sự hưng thịnh của Phật giáo từ Phật Đồ Trưng có được Đạo An, do Đạo An có được Viễn Công, hóa nghi của ba đại sĩ ấy đều dị kỳ, lớn lao.

<i>Canh Dần: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 15</i>	<i>Tiền tần, năm Thái Sơ năm thứ 5</i>	<i>Hậu Tần, năm Kiến Sơ năm thứ 5</i>	<i>Tây Tần, khát Phục, Thái Sơ năm thứ 2</i>	<i>Lã Quang, năm Lân Gia năm thứ 4</i>
<i>Hậu Yên: Kiến Hưng năm thứ 6</i>		<i>Ngụy: Đăng Quốc năm thứ 5</i>		

Đạo tràng niệm Phật Tịnh độ ở Lô Sơn bắt đầu từ năm này (xem hành trạng của Pháp sư Tuệ Viễn).

<i>Tân Mão:</i> <i>Thái Nguyên</i> <i>năm thứ 16</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Kiến Sơ năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Lân Gianăm</i> <i>thứ 5</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 7</i>		<i>Đặng Quốc năm thứ 6</i>		
<i>Nhâm Thìn:</i> <i>Thái Nguyên</i> <i>năm thứ 17</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Kiến Sơ năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Lân Gianăm</i> <i>thứ 6</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 8</i>		<i>Đặng Quốc năm thứ 7</i>		
<i>Quý Ty: Thái</i> <i>Nguyên năm</i> <i>thứ 18</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Trường mất,</i> <i>Thái tử Hưng</i> <i>lên ngôi</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Lân Gianăm</i> <i>thứ 7</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 9</i>		<i>Đặng Quốc năm thứ 8</i>		
<i>Giáp Ngọ:</i> <i>Thái Nguyên</i> <i>năm thứ 19</i>	<i>Phù Sùng</i> <i>diệt, Diên</i> <i>Hòa năm</i> <i>đầu</i>	<i>Hậu Tần</i> <i>H ư n g ,</i> <i>Hoàng Sơ</i> <i>năm đầu</i>	<i>Thái Sơ năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Lân Gianăm</i> <i>thứ 8</i>
<i>Kiến Hưng năm thứ 10</i>		<i>Đặng Quốc năm thứ 9</i>		

* **Tiền Tần:** Phù Kiện: Ông vốn họ Lược Dương, cha là Hồng, làm quan cho hậu Triệu giữ chức Đô đốc. Nhân họ Thạch nổi loạn, Hồng chiếm cứ Quan Hữu. Đông Tấn Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ sáu, Hồng mất, tháng mười một con năm thứ ba của ông là Phù Kiện vào Trường An, dân Di, Hạ của Ung châu, Tần châu đều về với Kiện. Tháng giêng năm sau, Kiện lên ngôi thiên vương, lấy quốc hiệu Đại Tần, xưng là đại Thiên Vu, lấy niên hiệu Hoàng Thỉ, sai sứ giả đi thăm hỏi dân tình, tiến cử bậc hiền tài, giảm nhẹ tô thuế, bãi bỏ những thứ vô dụng. Những chính sách hà khắc mà dân không kham nổi của nhà Triệu ông đều bỏ hết. Tháng giêng năm Nhâm Tý, Kiện lên ngôi Hoàng Đế. Năm Giáp Dần, Đông Hải Vương Hùng mất, con Hùng là Kiên lên kế vị. Kiên hiếu thảo, học rộng, đa tài. Tháng sáu năm Ất Mão, Kiện mất, thụy là Cảnh Minh Hoàng Đế, miếu hiệu Cao Tổ. Thái tử Sinh lên nối ngôi, đổi niên hiệu Thọ Quang. Sinh là kẻ bạo ngược, uống rượu quên ngày đêm, nhân lúc say giải quyết mọi việc nên giết hại rất nhiều người. Quần thần giữ được mạng sống trong một ngày cứ như trải qua mười năm. Tháng sáu năm Đinh Ty, Thái tử Lệnh Khang Quyền nói với Sinh: “Đêm qua xuất hiện ba mặt trăng, sao chổi nhập vào Thái Vi kéo

dài đến giếng phía Đông, sắp có họa kẻ dưới giết người trên.” Sinh nổi giận cho là nói gở liền đâm chết Khang Quyền. Đêm ấy Sinh nói với đám thị tỳ: “Anh em thằng Pháp cũng không đáng tin, ngày mai phải giết sạch đi!” Thị tỳ báo với Kiên và anh của Kiên là Thanh Hà Vương Pháp. Pháp cùng Đặc Tiến Lương Bình lão, Đặc Tiến Cường Ưng dẫn mấy trăm tráng sĩ lên vào Vân Long Môn, Kiên và Thượng thư Lã Bà Lâu dẫn hơn ba trăm thuộc hạ thúc trống theo sau. Túc vệ, tướng sĩ đều bỏ binh khí quy hàng Kiên. Binh của Kiên dẫn Sinh nhốt trong nhà riêng, lúc ấy Sinh còn chưa tỉnh rượu. Kiên phế Sinh làm Việt Vương rồi giết, thụy là Lệ Vương. Kiên nhường ngôi cho anh là Pháp, Pháp nói: “Em là dòng chính, lại hiền tài, nên lên ngôi.” Kiên bỏ hiệu Hoàng Đế, xưng là Đại Tần Thiên Vương, đổi niên hiệu Vĩnh Hưng, truy tôn cha là Hùng làm Văn Hoàn Hoàng Đế, mẹ là Cầu thị làm Hoàng Thái hậu, thế tử Hoằng làm hoàng Thái tử, phong anh là Thanh Hà Vương Pháp làm Đô đốc nắm giữ việc quân cơ, Thừa Tướng nắm việc Thượng thư, các vương đều giáng xuống tước công, phong em là Dung làm Dương Bình công, con là Phi làm Đương Lạc công, đưa bậc tài giỏi giữ những chức bị bãi. Ông dạy cách làm nông, thương kẻ khốn cùng, tế lễ trăm thần, mở ra trường học, nêu cao nghĩa tiết, kế tục muôn đời, muôn dân hân hoan. Năm Kỷ Mùi, ông đổi niên hiệu Cam Lộ. Năm Kỷ Sửu, đổi niên hiệu Kiến Nguyên. Năm Quý Mùi nhằm Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, tức Tần năm Kiến Nguyên năm thứ 19, ông đốc binh đánh Tấn, Kiên thua to dẫn tàn quân về. Tháng năm Kỷ Dậu, Tây Yên Mộ Dung Xung đánh Trường An, Kiên đích thân đốc chiến. Kiên bị tên cắm đầy người, máu me đầm đìa, Xung cho quân tàn phá Quan Trung, đường xá vắng ngắt, ngàn dặm chẳng thấy một ngôi nhà. Kiên chạy đến núi Ngũ Tướng, Hậu Tần Vương Diêu Trành sai phiêu kỵ tướng quân Ngô Chí Trung đến bắt Kiên, phong thụy cho ông trong ngôi chùa ở Tân Bình. Con của Kiên là Phi từ đất Nghiệp chạy đến Trường An, đến Tấn Dương thì mới biết Trường An thất thủ, Kiên đã chết, Phi bèn phát tang rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thái Bình, truy tôn Kiên thụy là Tuyên Chiêu Hoàng Đế, miếu hiệu Thế Tổ. Tháng chín năm Bính Tuất, Mộ Dung Vĩnh của Yên sai sứ qua Phi mượn đường đi về Đông, Phi không cho. Phi và Vĩnh đánh nhau ở Tương Lăng, Phi thua mới bàn đánh úp Lạc Dương. Bấy giờ ông bị Dương Uy tướng quân Bằng Cai từ đất Thiểm vây đánh và giết. Tháng mười một, Tần Nam An Vương Phù Đăng phát tang cho Phi rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thái Sơ, phong Phi thụy là Ai Bình Hoàng Đế, bấy giờ là năm

Giáp Ngọ tức Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười chín. Tháng bảy Hậu Tần chủ Diêu Hưng từ Thiểm Tây, Kinh châu đi Kinh Dương đánh nhau với Đãng ở Sơn Nam, bắt Đãng rồi giết. Thái tử của Đãng là Sùng chạy đến Hoàng Trung, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Diên Hòa, truy Đãng thụy là Cao Hoàng Đế. Sùng bị Hậu Tần họ Diêu tiêu diệt. Tiền Tần tồn tại cả thảy bốn mươi lăm năm.

<i>Ất Mùi: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 20</i>	<i>Hậu Tần họ Diêu, năm Hoàng Sơ năm thứ 2</i>	<i>Tây Tần khất phục, năm Thái Sơ năm thứ 7</i>	<i>Tam Hà Vương Lã Quang năm Lân Gia năm thứ 9</i>
<i>Hậu Yên Mộ Dung, Kiến Hưng năm thứ 11</i>		<i>Ngụy: Đãng Quốc năm thứ 10</i>	
<i>Bính Thân: Thái Nguyên năm thứ 21, tháng sáu vua bị giết</i>	<i>Hoàng Sơ năm thứ 3</i>	<i>Tây Tần khất phục</i>	<i>Hậu Vương lên ngôi Đại Vương, niên hiệu Long Phi năm đầu</i>
<i>Mộ Dung Bảo, Vĩnh Khang năm đầu</i>		<i>Ngụy: dựng cờ Thiên Tử, Hoàng Thỉ năm đầu</i>	

* **An Đế:** Húy Đức Tông, Thái tử của Vũ Đế. Ông lên ngôi vào tháng chín năm Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, ở ngôi hai mươi hai năm, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Long An năm, Nguyên Hưng ba năm, Nghĩa Hy mười bốn năm.

<i>Đình Dậu: Tấn, niên hiệu Long An năm đầu</i>	<i>Nam Yên: Mộ Dung Đức</i>	<i>Nam Lương: Ngốc-Phát-Ô-Co</i>	<i>Hậu Tần: họ Diêu, Hoàng Sơ năm thứ 4</i>	<i>Tây Tần khất phục</i>
<i>Tây Lương: Lý Cao</i>	<i>Hậu Lương: Lã Quang, Phi Long năm thứ 2</i>	<i>Hậu Yên: Vĩnh Khang năm thứ 2</i>	<i>Bắc Lương: Thư Cừ, Thần Ty năm đầu</i>	<i>Ngụy: Năm Hoàng Thỉ năm thứ 2</i>

Mậu Tuất: Chiếm đất Long An năm thứ 2	Vũ Đế: năm Đức Quang năm đầu	Chiếm cứ Quảng Vũ, Thái Sơ năm đầu	Hoàng Sơ năm thứ 5	Tây Tần
Tây Lương: chiếm đất Châm	Hậu Lương: họ Lã, Long Phi năm thứ 3	Hậu Yên: năm Kiến Bình năm thứ 3	Bắc Lương: năm Thân Tỷ năm thứ 2	Ngụy lên ngôi Vua, niên hiệu Thiên Hưng năm đầu

Ngụy: Thái Tổ khi hạ chiếu rằng: Từ Phật pháp hưng thịnh đến nay rất là sâu xa, công lao cứu đời bủa khắp kẻ còn người mất, dấu tích thần kỳ của đạo pháp lưu lại đáng để muôn dân tin tưởng, cậy nhờ. Trẫm nay ban lệnh quan Hữu Ty phải nghiêm sức tượng Phật. Sửa sang chùa viện trong kinh thành để người tín tâm có nơi nương tựa.” Thái tổ dựng tháp cao mười lăm tầng ở đất Ngu, dựng hai chùa Khai Thái và Định Quốc, chép nhiều Kinh Luận, đúc ngàn tượng vàng, mỗi ngày thết cúng ba trăm danh tăng.

Kỷ Hợi: Long An năm thứ 3	Chiếm cứ Quảng Cố	Nam Lương: Thái Sơ năm thứ 2	Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm đầu	Tây Tần Khất Phục
Tây Lương	Hậu Lương: Toản, Hàm Ninh năm đầu	Hậu Yên: Trường Lạc năm đầu	Bắc Lương: Thiên Tỷ năm đầu	Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 2
Canh Tý: Long An năm thứ 4	Nam Yên lên ngôi, Kiến Bình năm đầu	Nam Lương: Lợi Lộc Cô, Kiến Hòa năm đầu	Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm thứ 2	Tây Tần Khất Phục
Tây Lương: Lý Cảo	Hậu Lương: Hàm Ninh năm thứ 2	Hậu Yên: Trường lạc năm thứ 2	Bắc Lương: Năm Thiên Tỷ năm thứ 2	Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 3

<i>Tân Sửu:</i> <i>Tấn, Long</i> <i>An năm thứ</i> <i>5</i>	<i>Nam Yên:</i> <i>Kiến Bình</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Nam Lương:</i> <i>Kiến Hòa</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Họ Diêu</i> <i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Tây Tần</i> <i>Khất Phục</i> <i>năm thứ 3</i>
<i>Tây Lương:</i> <i>Lý Cảo năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>hậu Lương:</i> <i>Long, Thần</i> <i>Đỉnh năm</i> <i>đầu</i>	<i>Hậu Yên:</i> <i>Hy, Quang</i> <i>Thỉ năm đầu</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Mông Tống,</i> <i>Vĩnh An năm</i> <i>đầu</i>	<i>Nguy: Thạch</i> <i>Bạt, Thiên</i> <i>Hưng năm</i> <i>thứ 4</i>

* **Hậu Lương:** Lã Quang, vốn họ Lược Dương, làm quan cho Phù Tần, giữ chức tả tướng quân. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười một, Nguyên có tướng là Vương Mục chiếm cứ Tửu Tuyền của Túc châu, tự xưng là Lương châu mục. Quang tiến đánh lấy được Tửu Tuyền và ông lên ngôi làm Tam Hà Vương, lấy niên hiệu Thái An, rồi ông chiếm cứ Cô Tạng (Lương châu tỉnh cam Túc ngày nay), đổi niên hiệu là Lân Gia. Tháng sáu năm Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Tam Hà Vương Lã Quang lên ngôi Thiên vương, đó là Vũ Đế, lấy quốc hiệu Đại Lương, đổi niên hiệu Long Phi, đưa thế tử Thiệu làm Thái tử. Đến tháng mười hai năm Long An năm thứ ba đời Tấn, Quang mất, Thái tử Thiệu lên ngôi bị Đại Nguyên Công Toản giết. Toản lên ngôi Thiên Vương, đó là Linh Đế, đổi niên hiệu Hàm Ninh. Toản uống rượu, ưa đi săn, năm Long An năm thứ năm Lã Siêu giết ông rồi lập Lã Long, đổi niên hiệu Thần Đỉnh. Năm sau, Long hàng Hậu Tần, họ Diêu gồm ba chủ, trị vì cả thảy mười bảy năm.

* **Pháp sư Cừ-ma-la-thập:** Ngài người nước Quy Tư. Năm Đông Tấn Vũ Đế, niên hiệu Thái Nguyên năm thứ bảy, Tiên Tần Phù Kiên sai phiêu kỵ tướng quân Lã Quang đánh nước Quy Tư rước ngài về. Về đến nửa đường, Quang nghe Tần bị loạn, liền chiếm cứ Cô Tạng. Đến khi Hậu Tần Diêu Hưng diệt Lã Long xong mới đón ngài về. Thuở nhỏ, ngài mỗi ngày đọc thuộc ba vạn hai ngàn lời, rồi theo mẹ xuất gia, vân du khắp Tây Vực, thông suốt sử sách, rất giỏi Đại thừa. Khi còn ở Quy Tư, các quốc vương lán giềng họp nhau lại thỉnh ngài thuyết pháp. Mỗi lần như vậy, họ đều quì trước tòa thỉnh ngài bước trên vai họ mà thăng tòa. Ở Hậu Tần, ngài đại xiển dương Kinh Luận. Tần chủ tôn ngài làm Quốc sư, thờ ngài như thờ Thần. Ông đích thân dẫn đại thần, Sa-môn đến nghe ngài giảng, sau lại thỉnh ngài phiên dịch Kinh Luận của Tây Vực. Phạm Kinh Luận ở Chấn Đán do ngài dịch ra đến ba trăm

tám mươi quyển, dựng nhiều chùa tháp, người tọa thiền thường đến hơn ngàn người. Từ công khanh trở xuống ai nấy đều thờ Phật, các châu quận cũng vậy. Năm Quý Sửu, tức Tấn Đế năm Nghĩa Hy năm thứ chín, nhằm Tân niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ mười lăm, ngày mười ba tháng tư, ngài nhập diệt, thọ bảy mươi tuổi. Đệ tử của ngài gồm: Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ được gọi là Tứ thánh, thêm Đàm Ảnh, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán, Tăng Khế, Đạo Thường, Đạo Tiêu, đây gọi là Thập Triết. lại có Tăng Đạo, Tăng Nhân đều là những người nổi tiếng đương thời. Lúc sắp nhập diệt, ngài nói với đồ chúng: Kinh Luật ta dịch, chỉ có Thập tụng Luật là chưa san định, nếu nghĩa lý khế hợp tâm Phật thì lúc trà-tỳ lưỡi ta không cháy,” Nói xong, ngài quy tịch. Lúc trà-tỳ, quả nhiên lưỡi ngài không hoại, sáng đẹp như sen hồng. Ngài tên là Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ.

* **Thần Núi Cầu Giới:** Thích Đàm Ung ban đầu làm quan cho Phù Tần giữ chức vệ tướng quân, Kiên đánh phía nam bị bại, ngài theo Pháp sư Đạo An xuất gia, sau thờ Lô sơn Viễn Công, dựng am tranh tu tập ở phía Tây Lô Sơn, cùng đệ tử Đàm Quả tham thiền nhập định. Ngày nọ bỗng có một thanh niên phong độ tuấn tú dẫn theo hai mươi người đến xin ngài truyền Ngũ giới. Ngài biết đó là Thần núi, liền đốt hương truyền trao Tam quy, Ngũ giới, đồng thời diễn nói pháp yếu cho họ nghe. Thần dâng tặng ngài muổng dừa của ngoại quốc, lạy tạ rồi xin đi. Phút chốc ngài chẳng thấy bóng dáng họ đâu nữa.

<i>Nhâm Dần:</i> <i>Tấn, năm</i> <i>N g u y ế n</i> <i>Hưng năm</i> <i>đầu</i>	<i>Nam Yên:</i> <i>Kiến Bình</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Nam Lương:</i> <i>H o a ̣ n g</i> <i>Xương năm</i> <i>đầu</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Tây Tần:</i> <i>Khất Phục</i>
<i>Tây Lương:</i> <i>Cảo năm</i> <i>thứ 3</i>		<i>Hậu Yên:</i> <i>Quang Thỉ</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Vĩnh An năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Ngụy: Thiên</i> <i>Hưng năm</i> <i>thứ 5</i>
<i>Quý Mão:</i> <i>Tấn, năm</i> <i>N g u y ế n</i> <i>Hưng năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Nam Yên:</i> <i>Năm Kiến</i> <i>Bình năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Nam Lương:</i> <i>H o a ̣ n g</i> <i>Xương năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Tây Tần:</i> <i>Khất Phục</i>

<i>Tây Lương:</i> <i>Năm thứ 4</i>		<i>Hậu Yên:</i> <i>Quang Thỉ</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Vĩnh An năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Ngụy: Thiên</i> <i>Hưng năm</i> <i>thứ 6</i>
<i>Giáp Thìn:</i> <i>Tấn Nguyên</i> <i>Hưng năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Nam Yên:</i> <i>Kiến Bình</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Nam Lương:</i> <i>H o a ã n g</i> <i>Xương năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 6</i>	<i>Tây Tần:</i> <i>Khất Phục</i>
<i>Tây Lương</i> <i>năm thứ 5</i>		<i>Hậu Yên:</i> <i>Quang Thỉ</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Vĩnh An năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Ngụy: Thiên</i> <i>Tứ năm đầu</i>

Tấn năm Long An năm thứ ba, Nam quận công Hoàn Huyền (con đại Tư Đồ Hoàn Ôn) tung hoành chiếm được Kinh, Ung, dâng biểu xin lãnh hai châu là Kinh châu và Giang châu. Triều đình không thể trái ý. Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu, triều đình sai Thượng thư Lệnh Nguyên Hiễn, Trấn Bắc tướng quân Lưu Lao Chi Tiểu Tam Thượng Chi đem binh đánh Huyền ở Giang Lăng. Huyền thất kinh. Trưởng sử Biện Phạm Chi bàn bạc với Huyền, chỉnh đốn binh mã kéo đến Tân Đình. Binh của Nguyên Hiễn tan vỡ, Huyền vào kinh tổng quản trăm quan, chém bọn Nguyên Hiễn. Tháng hai năm thứ hai, triều đình phong Huyền làm đại tướng quân. Tháng chín thị trung Ân Trọng Văn, tán kỵ Thường Phạm Chi ngầm soạn văn cửu tích và sách mệnh đưa Huyền làm tướng quốc tổng quản trăm quan, phong cho mười quận, tước hiệu Sở Vương, gia phong cửu tích. Tháng mười một, hạ chiếu cho Sở Vương Huyền thực hành lễ nhạc của Thiên Tử. Biện Phạm Chi soạn chiếu nhường ngôi, sai Lâm Xuyên Vương Bảo ép Đế phải ký vào chiếu lệnh. Tư Đồ Vương Mật trao ngọc và đế vị cho Sở Đế rồi ra ở tại cung Vĩnh An, trăm quan đến Cô Thục (Giang Đông Đạo, Thái Bình lộ, Dương Châu). Tháng mười hai, Huyền lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu là Sở, lấy niên hiệu Vĩnh Thỉ, phong Đế làm Bình Cố Vương. Huyền vào cung Kiến Khang lên ngự tòa, ngự sàng bỗng bị ngã. Thị trung Ân Trọng Văn nói: “Do bệ hạ Thánh đức sâu nặng, đất không thể chở nổi.” Huyền rất vui. Huyền dời Đế vào Tầm Dương (Giang châu). Tháng hai năm Nguyên Hưng năm thứ ba, Thái thú Hạ Phì Lưu Dụ, Hà Vô Kỵ, Lưu Nghị, Thanh châu chủ bạ Mạnh Sưởng khôi phục lại nhà Tấn và đem quân vây Lạc Kiều. Huyền ngầm sai Ân Trọng Văn chuẩn bị thuyền

ở Thạch Đầu rồi trốn sang Giang Nam. Dụ vào Kiến Khang dẫn trăm quan đi tiếp xa giá, giết tông tộc của Huyền tại Kiến Khang. Huyền chạy đến Tầm Dương ép Đế lên phía tây. Tháng tư, Lưu Nghị, Hà Vô Kỵ đánh úp thành Tầm Dương, Huyền cấp Đế một mình một thuyền chạy về tây vào Giang Lăng rồi muốn trốn đến Hán Trung. Trong thành nổi loạn, Huyền chỉ kịp đến được thuyền, Kinh châu biệt giá Vương Khang Ngạn đưa Đế vào phủ xá ở Nam quận. Thái thú Vương Đằng Chi thống lĩnh văn võ làm thị vệ. Huyền vào đất Thục, đến Mai Hối châu, gặp phải Ninh châu Thứ sử Mao Phiên Tang đón đánh, tên rơi như mưa. Ích châu Đốc Hộ Phùng Thiên rút đao đánh và chém Huyền. Tháng hai niên hiệu Nghĩa Hy năm đầu Lưu Đài chuẩn bị xa giá đón Đế từ Giang Lăng đến Kiến Khang. Đế phong Lưu Dụ làm Đô đốc trung quân sự, Lưu Nghị làm tả tướng quân, Hà Vô Kỵ làm Dự châu Thứ sử, Lưu Đạo Quy làm Kinh châu Thứ sử. Tháng tư, Dụ trở về giữ trấn Kinh Khẩu. Tháng mười hai năm Nghĩa Hy năm thứ mười hai, Đế hạ chiếu cho Lưu Dụ làm Tướng quốc, tổng quản trăm quan, phong làm Dương châu mục cai quản mười quận, tước hiệu là Tổng công, nhận đủ lễ Cử tịch, nhưng Dụ không nhận.

<i>Át Ty: Tấn, năm Nghĩa Hy năm đầu</i>	<i>Nam Yên: Siêu, Thái Thượng năm đầu</i>	<i>Nam Lương: Năm Hoằng Xương năm thứ 4</i>	<i>Hậu Tần: Năm Hoằng Thi năm thứ 7</i>	<i>Tây Tần: Khất Phục</i>
<i>Tây Lương: Lý Cảo, Kiến Sơ năm đầu</i>	<i>Hậu Yên: Quang Thi năm thứ 5</i>	<i>Bắc Lương: Năm Vĩnh An năm thứ 5</i>	<i>Ngụy: Năm Thiên Tứ năm thứ 2</i>	

* **Tăng Chánh, Duyệt Chúng, Tăng Lục:** Đời Hậu Tần, Pháp sư Đạo Khế là đệ tử của La-thập phụng trì giới luật tinh nghiêm được Tần chủ rất kính trọng. Từ khi La-thập vào Quan Trung, lúc này Tăng ni lên đến hơn một vạn, nên đặt ra Tăng chánh. Đế hạ chiếu rằng: “Đại pháp truyền về đông, đến nay rất thịnh, Tăng ni vô kể nên đặt ra người đứng đầu, tuyên dạy phép tắc sâu xa để cứu những mối tệ. Pháp sư Khế từ nhỏ có học thức, về già lại có đức cao, đáng làm tăng chánh cho đất nước, cấp phát bổng lộc, chức quan ngang bằng quan thị trung, truyền

cho hai người kéo xe ngựa, hai người kéo xe dê. Lại cử Tăng Thiên, Thiên Tuệ làm duyệt chúng; Pháp Khâm, Tuệ Bản làm tăng lục, phẩm dật khác nhau, cấp cho mỗi vị ba mươi người ngày ngày hầu hạ cho đến lúc già yếu.”

<i>Bính Ngọ: Nghĩa Hy năm thứ 2</i>	<i>Thái Thượng năm thứ 2</i>	<i>H o a ã n g Xương năm thứ 5</i>	<i>Hoàng Thủ năm thứ 8</i>	<i>Tây Tần: Khất Phục</i>
<i>Kiến Sơ năm thứ 2</i>	<i>Hạ: Hách Liên, Long Thăng năm đầu</i>	<i>Hậu Yên: Quang Thủ năm thứ 6</i>	<i>Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 6</i>	<i>Nguy: Thiên Tư năm thứ 3</i>

* **Kinh Hoa Nghiêm:** Tôn giả Phật-đà Bạt-đà (Hán dịch Giác Hiền) người nước Kế Tân, Bắc Ấn, Thiên Trúc vân du đến Hoa Hạ. Năm Bính Ngọ, ngài đến Trường An. Cưu-ma-la-thập nghe tin vội vàng ra đón. Thập hận vì gặp ngài quá trễ. Tần Thái tử Diêu Hoàng mời ngài đến Đông Cung cùng luận nghị Phật pháp với La-thập. La-thập hỏi ngài:

Pháp thế nào là Không?

Ngài đáp: Nhiều vi trần tạo thành sắc, sắc không có tự tánh, nên sắc tức là không.

Lại hỏi: Phải dùng nhiều vi trần phá sắc không, sao lại nói phá một vi trần?

Đáp: Dùng một vi trần nên nhiều vi trần tức không, do nhiều vi trần nên một vi trần tức không.

Sa-môn Bảo Vân dịch mấy lời này nhưng không hiểu nghĩa lý, nên cho rằng vi trần mà Bạt-đà nói ấy vốn là thường và xin ngài giải thích. Bạt-đà nói: Pháp không tự sinh, duyên hợp nên sinh, duyên một trần cho đến có nhiều trần, vi trần không có tự tánh, như vậy pháp vốn không, lẽ đâu phải nói: “Chẳng phá một vi trần sao!” Bảo vân vẫn không khế ngộ.

Sau đó ngài vượt sông vào Khuông sơn gặp Viễn Công và hai ngài cùng nghị luận. Viễn công thỉnh ngài dịch mấy bộ kinh về Thiên, năm Mậu Ngọ tức Nghĩa Hy năm thứ mười bốn, ngài vừa đến Giang Lăng, Tống Vương Lưu Dụ thỉnh ngài về tại chùa Đạo Tràng của quan tư không họ Tạ ở kinh đô. Tháng ba Ngô quận nội sử Mạnh Khải v.v...

thỉnh ngài dịch Kinh Hoa Nghiêm thành 60 quyển ở ngay chùa này. Ngài dịch xong vào tháng sáu năm Canh Thân tức Tống Cao Tổ niên hiệu Vĩnh Sơ năm đầu. Lúc dịch kinh thường có hai đồng tử mặc áo xanh cứ sáng sớm từ trong ao trước đình đi ra, đốt hương đèn, hầu nước, chẳng lia chỗ ngài ngồi. Tối thì hai đồng tử ấy lại vào trong ao. Dịch kinh xong chẳng ai còn thấy hai đồng tử ấy nữa.

* **Kinh Pháp Hoa:** Tháng năm này, Pháp sư La-thập dịch xong bộ Pháp Hoa gồm bảy quyển, kinh Duy-ma ba quyển, kinh Hoa Thủ mười ba quyển, lại dịch kinh Phạm Võng hai quyển tại chùa Thảo Đường.

<i>Đình Mùi:</i> <i>Tấn, Nghĩa</i> <i>Hy năm thứ</i> <i>3</i>	<i>Nam Yên:</i> <i>Năm Thái</i> <i>Thượng năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Nam Lương:</i> <i>H o a ã n g</i> <i>Xương năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Hoàng Thi</i> <i>năm thứ 9</i>	<i>Tây Tần:</i> <i>Khất Phục</i>
<i>Tây Lương:</i> <i>Năm Kiến</i> <i>Sơ năm thứ</i> <i>3</i>	<i>Hạ: Bột Bột,</i> <i>năm Long</i> <i>Thăng năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Hậu Yên:</i> <i>Chánh Thi</i> <i>năm đầu</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Vĩnh An năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Ngụy: Thiên</i> <i>Tư năm thứ</i> <i>4</i>

* **Hậu Yên:** Mộ Dung Thùy là con năm thứ năm của Tiên Yên Chủ Mộ Dung Hoàng, được phong Ngô Vương ở Yên. Ông thông minh trí dũng ngày một vang danh. Thái phó Mộ Dung Bình vốn vì tranh cãi và hiềm khích ông, Thái hậu ngầm bàn mưu với Bình để giết Thùy. Đông Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ tư, Thùy cùng em, con, cháu chạy trốn sang Tần. Tần chủ Phù Kiên mừng rỡ ra tận biên giới đón họ, cho Thùy làm Quán quân tướng quân, phong tước Tân Tùng Hầu. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, Tần Chủ Phù Kiên bị quân Tấn đánh bại. Kiên về đến Thăng Trì, Thùy nói với Kiên: “Ngu dân phía Bắc nghe binh nhà vua không thắng tất xem thường mà nổi loạn, Thần xin mang chiếu thư đến trấn giữ, vỗ an họ.” Thùy đến An Dương (Nghệ quận, Tương châu ngày xưa) ngầm cùng bề tôi cũ của Yên bàn mưu khôi phục nhà Yên. Gặp lúc Đinh Linh, Địch Bân phản Tần, tháng giêng năm sau, bọn Bân tôn Thùy làm minh chủ. Năm Ất Dậu, Ngô Vương Thùy mới định đô ở Trấn Định, Phủ Trung Sơn (xưa là Định Châu) rồi lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Kiến Hưng. Lúc này Thát Bạt Ngụy phản Yên, xâm chiếm các bộ tộc nằm ở biên giới của

Yên. Bính Thân, Tấn Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, tháng ba Yên chủ Mộ Dung Thùy đích thân đánh Ngụy. Tháng tư, ông mất ở Thư Dương, Thượng Cốc nhưng về đến Trung Sơn mới phát tang. Thái tử Bảo lên ngôi lấy hiệu Mẫn Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Khang. Năm Mậu Tuất, Vũ Đế Mộ Dung Thanh lên ngôi, lấy niên hiệu Kiến Bình, năm sau đổi niên hiệu Trường lạc. Năm Tân Sửu tức Chiêu Đế Hy niên hiệu Quang Thỉ năm đầu. Lúc này là năm Đinh Mùi, Ý Đế Cao Vân lấy niên hiệu Chánh Thỉ, nước loạn, bị Phùng Bạt soán diệt. Hậu Yên tồn tại hai mươi bốn năm, Phùng Bạt lên ngôi lấy quốc hiệu Bắc Yên.

* **Phật-đà Da-xá:** Tôn giả là người Thiên Trúc, (Phật-đà Da-xá, Hán dịch là Giác Minh), ngài đến Cô Tạng (nay là Túc châu lộ, Ung châu), Hậu Tần năm Hoàng Thỉ năm thứ chín, Tần chủ sai sứ mời ngài Đến Trường An. Ông đích thân ra biên cương đón và dựng riêng Tịnh Viện cho ngài ở, cúng dường, hầu hạ chẳng khác kính vua, nhưng ngài chẳng nhận gì cả. Cứ đến giờ ngọ, ngài ôm bát khát thực mà thôi. Ngài tinh thông Tỳ-bà-sa Luận, hơn nữa râu ngài màu đỏ, nên người ta gọi ngài là Xích Tu Tỳ-bà-sa. Sau, ngài qua đất Tấn, vân du ở Khuông Sơn, Viễn Công rất kính trọng ngài. Năm Giáp Dần, tức Tấn Nghĩa Hy thứ mười, Tôn giả tự vác sắt lên đỉnh Tử Tiêu Phong rồi dựng tháp, đem xá-lợi Chân thân Như Lai an trí trong đó. Lúc này, Tôn giả Phật-đà Bạt-đà cũng dựng tháp ở phía Bắc chùa Đông Lâm, Lô Sơn an trí năm hạt xá-lợi Phật. Tháp và xá-lợi đến nay vẫn còn.

<i>Mậu Thân: Tấn, năm Nghĩa Hy năm thứ 4</i>	<i>Nam Yên: Thái Thượng năm thứ</i>	<i>Nam Lương: Gia Bình năm đầu</i>	<i>Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm thứ 10</i>	<i>Tây Tần</i>
<i>Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 4</i>	<i>Hạ Hách Liên: Năm Long Thăng năm thứ 3</i>	<i>Bắc Yên, Bắc Lương chiếm cứ Xương Lê, năm Vĩnh An năm thứ 8</i>	<i>Ngụy: Thiên Tứ năm thứ 5</i>	

* **Luật sư:** Tôn giả Tỳ-ma La-xoa (Hán dịch Vô Cấu Nhân) người Thiên Trúc đến Tần được mấy năm. Lúc này ngài vân du sang Quan Tả xiển dương Tỳ-ni. Thập Tụng Luật, Giới Bốn Luật Tạng mà Cưu-ma-

la-thập dịch sở dĩ được truyền rộng là nhờ công sức của ngài. Trong ấy Nội Ngoại Cấm Kinh Trọng gồm hai quyển lưu hành ở đời. Tôn giả vốn mắt xanh, nên người ta gọi ngài là Thanh Nhân Luật Sư.

<i>Tấn: Năm Nghĩa Hy năm thứ 5</i>	<i>Nam Yên bị diệt vong</i>	<i>Nam Lương: Năm Gia Bình năm thứ 2</i>	<i>Hậu Tần: Năm Hoàng Thĩ năm thứ 11</i>	<i>Tây Tần: Năm Canh Thĩ năm đầu</i>
<i>Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 5</i>	<i>Hạ Hách Liên: Long Thăng năm thứ 4</i>	<i>Bắc Yên: Phùng Bạt, Thái Bình năm đầu</i>	<i>Bắc Lương: Năm Vĩnh An năm thứ 9</i>	<i>Ngụy: Tự, năm Vĩnh Hưng năm đầu</i>

* **Nam Yên:** Mộ Dung Đức là con út của Tiên Yên chủ Mộ Dung Hoàng. Ông chiếm cứ Quảng Cố (xưa là Biện Nhật, nay là Thanh châu), lấy năm Mậu Tuất làm năm đầu. Năm Canh Tý, Đức lại lấy tên là Bị Đức rồi lên ngôi Hoàng Đế (tức Vũ Đế), lấy niên hiệu Kiến Bình. Năm Ất Ty, là niên hiệu Thái Thượng năm đầu của Nam Yên chủ Mộ Dung Siêu. Năm Kỷ Dậu tức Tấn Nghĩa Hy năm thứ năm, Tấn Từ châu Thứ sử Lưu Dự dâng biểu xin đánh Nam Yên. Tháng giêng năm sau, Yên Thượng thư Duyệt Thọ khuyên Siêu hàng nhưng Siêu không nghe. Duyệt Thọ mở cổng thành nộp thành cho quân Tấn. Siêu trốn chạy, bị bắt đưa về Kiến Khang, Nam Yên được bình định, tồn tại mười ba năm.

* **Ngụy:** Thái Tổ Đạo Vũ Đế Khuê bị con út là Thiệu giết chết, Thái Tông Minh Nguyên Đế lên nối ngôi. Đế ra lệnh cho kinh, áp khắp nước dựng tượng Phật, mời Sa-môn dạy dỗ muôn dân.

<i>Canh Tuất: Nghĩa Hy năm thứ 6</i>		<i>Gia Bình năm thứ 3</i>	<i>Hoàng Thĩ năm thứ 12</i>	<i>Cánh Thĩ năm thứ 12</i>
<i>Kiến Sơ năm thứ 6</i>	<i>Long Thăng năm thứ 5</i>	<i>Thái Bình năm thứ 2</i>	<i>Vĩnh An năm thứ 10</i>	<i>Vĩnh Hưng năm thứ 2</i>

<i>Tân Hợi:</i> <i>Nghĩa Hy</i> <i>năm thứ 7</i>		<i>Gia Bình</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 13</i>	<i>Cánh Thỉ</i> <i>năm thứ 13</i>
<i>Kiến Sơ năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Long Thăng</i> <i>năm thứ 6</i>	<i>Thái Bình</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Vĩnh An năm</i> <i>thứ 11</i>	<i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm thứ 3</i>
<i>Nhâm Tý:</i> <i>Nghĩa Hy</i> <i>năm thứ 8</i>		<i>Gia Bình</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 14</i>	<i>Xí Bàn: Vĩnh</i> <i>Khang năm</i> <i>đầu</i>
<i>Kiến Sơ năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Long Thăng</i> <i>năm thứ 7</i>	<i>Thái Bình</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Dời đò,</i> <i>Nguyễn Thỉ</i> <i>năm đầu</i>	<i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm thứ 4</i>

* **Thiền định trong cổ thụ:** Thích Tuệ Trì là em của Tuệ Viễn ở Lô sơn. Nhà Tấn năm Long An năm thứ hai, ngài từ biệt Viễn Công vào đất Thục, dừng lại ở chùa Long Uyên thuộc Gia châu. Tăng tục rất cung kính ngài, bước lên chỗ ngài ở, người ta đều nói là lên Long Môn. Năm Nghĩa Hy năm thứ tám, ngài dặn dò môn nhân rồi nhập định trong hốc cây ở chùa Long Uyên. Đến nhà Tống, năm Chánh Hòa năm thứ ba, gió đánh gãy cây, ngài mới xuất định. Huy Tông có ba bài kệ tán thán ngài (xem trong năm Chánh Hòa)

<i>Quý Sửu:</i> <i>Tấn, Nghĩa</i> <i>Hy năm thứ</i> <i>9</i>		<i>Nam Yên:</i> <i>Gia Bình</i> <i>năm thứ 6</i>	<i>Hậu Tần:</i> <i>Hoàng Thỉ</i> <i>năm thứ 15</i>	<i>Tây Tần</i> <i>Khất Phục,</i> <i>Vĩnh Khang</i> <i>năm thứ 2</i>
<i>Tây Lương:</i> <i>Năm Kiến</i> <i>Sơ năm thứ</i> <i>9</i>	<i>Hạ Hách</i> <i>Liên:</i> <i>Phu, ng</i> <i>Tường năm</i> <i>đầu</i>	<i>Bắc Yên:</i> <i>Thái Bình</i> <i>năm đầu</i>	<i>Bắc Lương:</i> <i>Nguyễn Thỉ</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Ngụy:</i> <i>Vĩnh Hưng</i> <i>năm thứ 5</i>

* **Dựng đá nghe giảng:** Đạo Sinh là đệ tử của Pháp sư La-thập, hỏi ấy phẩm sau của kinh Niết-bàn chưa có ở Trung Quốc, nhưng ngài đã đọc thuộc từ lâu và nói: “Nhất-xiển-đề cũng sẽ thành Phật”, chỉ là kinh ấy có mặt ở đây chưa trọn bộ. Lúc này những giảng sư khác đều công kích ngài, cho ngài là đem tà thuyết tuyên truyền, dựa vào luật tẩn xuất ngài. Đạo Sinh từ biệt đến đất Tấn, ngài vào Hồ Khâu, Bình Giang dựng đá làm thính chúng rồi giảng kinh Niết-bàn. Đến đoạn “Xiển-đề có Phật tánh”. Ngài hỏi: Nghĩa mà ta giảng có khế hợp tâm Phật không? Cả dãy đá đều gật đầu đồng ý. Về sau, ngài vân du đến Khuông Sơn, ở ngọn Tỏa Cảnh, nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại phẩm sau của kinh Niết-bàn ở Bắc Lương, ngài đến Nam Kinh, quả nhiên trong phẩm ấy có nói “Xiển-đề đều có Phật tánh” ngài hoan hỷ vô cùng.

<i>Giáp Tân: Năm Nghĩa Hy năm thứ 10</i>		<i>Nam Lương bị diệt vong</i>	<i>Hoàng Thi năm thứ 16</i>	<i>Vĩnh Khang năm thứ 3</i>
<i>Kiến Sơ năm thứ 10</i>	<i>P h u . n g Tường năm thứ 2</i>	<i>Thái Bình năm thứ 6</i>	<i>Nguyễn Thi năm thứ 3</i>	<i>Thần Thụy năm đầu</i>

* **Nam Lương:** Ngốc Phát Ô Cô người Tiên Ty, Hà Nam, lúc này là đời Tấn Đế niên hiệu An Nguyên năm đầu, ông chiếm cứ Quảng Vũ, lấy hiệu là Nam Lương (nay là Tây, Cửng Xương lộ, Lan Châu, xưa là đất của Ung châu). Năm Mậu Tuất, lấy niên hiệu Thái Sơ. Năm Canh Tý, Lợi Lộc Cô vào niên hiệu Kiến Hòa năm đầu, tháng giêng, ông muốn xưng Đế, An quốc tướng quân Thâu Vật Du nói: “Nước ta từ trước đến nay để tóc dài, áo choàng qua vai trái, không đội mũ mang đai, dọn đất dời đô không có thành quách nhà cửa, nên hay hùng cường, nhìn sa mạc mà chống chọi với Trung Hạ”. Lợi Lộc Cô nghe theo, liền xưng lại Hà Tây Vương, lấy niên hiệu Kiến Hòa, cho Quảng Vũ Công Nốc Đàn làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự Lương châu mục. Năm Nhâm Dần, Cảnh Vương Nốc Đàn lên ngôi, lấy niên hiệu Hoàng Xương. Tháng tư năm Mậu Thân, Hậu Tần chủ Diêu Hưng muốn bắt Nốc Đàn nên sai Thượng thư Lang Vy Tông qua dò xét. Nốc Đàn luận về thời cuộc đương thời, ngang dọc vô cùng. Tông trở ra than rằng: “Bậc kỳ tài anh hùng đâu cần phải là Hoa Hạ, kẻ thông minh bác học

đâu cần phải đọc sách, ngày nay ta mới biết ngoài chín châu, ngoài năm kinh lại có người như thế này!” Tông trở về cho Hưng biết, rằng chưa thể tính chuyện thôn tính Lương châu. Hưng không nghe bèn kéo quân đánh úp Nóc Đàn. Binh của Hậu Tần thua to. Tháng mười một, Nóc Đàn xưng là Lương Vương, đại xá thiên hạ, lấy niên hiệu Gia Bình, đặt ra trăm quan. Năm Giáp Dần, tức Tấn Nghĩa Hy thứ mười, Nóc Đàn bị Tây Tần Khất Phục Sí Bàn giết, Nam Lương diệt vong, cả thủy ba chủ, trị vì mười tám năm.

Át Mãn: Tấn, Nghĩa Hy năm thứ 11			Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm thứ 17	Tây Tần: Năm Vĩnh Khang năm thứ 4
Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 11	Hạ: Phụng Tường năm thứ 2	Bắc Yên: Năm Thái Bình năm thứ 7	Bắc Lương: Năm Nguyên Thỉ năm thứ 14	Ngụy: Năm Thần Thụy năm thứ 2

* **Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn:** Ngài húy là Tuệ Viễn, họ Giả, người Nhạn Môn, thuở nhỏ là Nho sinh, đọc khắp sách sử, rất rành Chu Dịch Trang, Lão, từng cùng em là Tuệ Trì đến nghe Pháp sư Đạo An giảng pháp xuất thế. Nghe xong, ngài vui mừng và than: “Chín phái của Nho gia chỉ là trấu cám”, Thế rồi ngài xuất gia. Đồ chúng của Đạo An đến vài ngàn người, ngài là bậc thượng thủ. Đạo An từng nói: “Làm cho dòng đạo chảy tràn nước phía đông có phải là Viễn này chăng!” Năm Giáp Thân, tức Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ chín, nước Tiền Tần loạn, ngài qua Tấn. Khi đến Gianh Tây, thấy Lô sơn cảnh đẹp, ngài dừng lại dựng Long Tuyền tịnh xá ở Giang châu. Sau ngài qua trú ngụ ở chùa Tây Lâm của Tuệ Vĩnh, rồi về Sơn Đông dựng chùa Đông Lâm. Trong lúc khởi công, thần núi giáng điềm linh, nguyện giúp sức để người người dốc lòng tin. Đêm ấy sấm chớp mù trời, mưa lớn trút xuống. Sáng hôm sau, ngài nhìn xem thì thấy không biết bao cây gỗ tốt ngổn ngang trên đất. Lúc ấy, Tấn tướng quân Hoàn Y vừa đến nhậm chức, thấy việc như vậy kinh ngạc cho là thần dị, nên tấu xin lập chùa. Năm Bính Tuất, chùa dựng xong. Đời nhà Tấn, những bậc kỳ tài trong thiên hạ phần nhiều mai danh ẩn tích không ra làm quan, khi nghe Lô Sơn Viễn Công mở đạo, họ đều tiến tu học theo ngài. Năm Canh Dần

ngài nói với những người như Lưu Trình Chi rằng: Nếu các ông dụng tâm vân du ở Tịnh độ thì cần phải gắng sức. Thế rồi ngài cùng họ đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ phát chí nguyện, trai giới lập thế quyết chí cầu sinh Tịnh độ. Lúc này Tăng tục đã lên đến một trăm hai mươi ba người. Họ cùng phát nguyện đặt tâm ngoài vật. Tạ Linh Vận đã đào hai mươi ba cái ao ở Đông Lâm và thả sen. Mỗi khi tiễn khách, ngài không đi ra quá Hồ Khê. Năm Canh Tuất tức Nghĩa Hy năm thứ sáu, Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh rủ Đào Uyên Minh vào núi gặp ngài. Lúc đưa về, ba người cầm tay nói chuyện đến nỗi vượt quá Hồ Khê. Ba người nhìn nhau rồi cười vang, ngày nay người ta vẽ lại cảnh ấy lấy tên là Tam Tiểu Đồi. Uyên Minh vốn rất mê uống rượu, chịu không nổi đàn hương xuống núi. Ngày sáu tháng tám năm Ất Mão, ngài chấp tay, quay mặt về Tây mà tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, Tạ Linh Vận soạn văn bia. Đồi chúng trong Liên xã đến vài ngàn người, trong đó có mười tám người rất nổi tiếng.

* **Liên Hoa Lộ:** (Dùi thủng hoa sen cho nước xuống chậm chậm, nước đầy thì thẻ tre ghi thời khắc nổi lên, xem mực nước cao thấp mà biết giờ giấc sớm hay muộn): Tăng Tuệ Yếu là đệ tử của Viễn Công. Yếu lo trong núi này không có khắc lậu để biết giờ giấc nên sư mới dựng một hoa sen gồm mười hai cánh ngay trong ao, nhờ sóng làm nó di chuyển để ấn định mười hai giờ (tức hai mươi bốn giờ đồng hồ). Nó quay rất chính xác so với bóng mặt trời. Ngày nay người ta gọi cái này là Viễn công liên hoa lậu.

<i>Bính Thìn: Năm Nghĩa Hy năm thứ 12</i>			<i>Hoàng lên ngôi, năm Vĩnh Hòa năm đầu</i>	<i>Tây Tân: Vĩnh Khang năm thứ 5</i>
<i>Tây Lương Tán, Gia Hưng năm đầu</i>	<i>Hạ: Phụng Tường năm thứ 4</i>	<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ tám</i>	<i>Bắc Lương: Nguyễn Thỉ năm thứ 5</i>	<i>Nguy: Thái Thường năm đầu</i>
<i>Đình Ty: Nghĩa Hy năm thứ 13</i>			<i>Vĩnh Hòa năm thứ 2</i>	<i>Vĩnh Khang năm thứ 6</i>
<i>Gia Hưng năm thứ 2</i>	<i>P h u . n g Tường năm thứ 5</i>	<i>Thái Bình năm thứ 9</i>	<i>Nguyễn Thỉ năm thứ 6</i>	<i>Thái Thường năm thứ 2</i>

* **Hậu Tần:** Họ Diêu, tên Trần, tự Cảnh Mậu, con năm thứ hai mươi bốn của Đặc Trọng, người ở Xích Đĩnh. Anh ông là Tướng đánh trận chết, Trần dẫn hết em sang đầu hàng Tần rồi làm tướng của Tần. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, Tần chủ Phù Kiên đánh Tấn, phong Duyệt châu Thứ sử Diêu Trần làm Long kỵ tướng quân nắm giữ việc quân của Ích châu, Lương châu. Kiên thua trận, Mộ Dung Thùy bàn mưu khôi phục nhà Yên. Tháng ba năm sau, Trưởng sử Mộ Dung Hoàng trấn ở đất Bắc của Tần nổi lên làm phản rồi trốn đến Quan Đông, Tần sai Tả tướng quân Đậu Xung làm Trưởng sử, Long kỵ tướng quân Diêu Trần làm Tư mã khởi binh đánh Hoàng và đánh Bình Dương Thái thú Mộ Dung Xung. Binh Tần thua to. Trần hoảng sợ chạy lên Vị Bắc. Bọn Mã Mục, Thiên Thủy, Y Vy, Y Tường, Nam An, Bàng Diễn kêu gọi dân giàu ở đất Khương, quản lý hết số người này, có đến hơn năm vạn nhà về với Diêu Trần, suy tôn Trần làm minh chủ, Trần tự xưng là Hậu Tần Vương, lấy niên hiệu Bạch Tước. Tháng tư năm Bính Tuất, tức Đông Tấn Thái Nguyên năm thứ mười một, Trần từ Thiểm Tây Phụng Tường Trang lãng lộ, Kinh châu vào Trường An, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Sơ, lấy quốc hiệu Đại Tần, đặt chức quan khác với Hậu Tần, lập con là Hưng làm Thái tử, đặt ra trăm quan. Tháng hai năm Quý Tỵ, Kiến Sơ năm thứ tám, Trần mất, Thái tử Hưng giấu kín không phát tang, tự xưng đại tướng quân, dẫn quân đánh Tần. Tần chủ Phù Đăng thua to. Tháng năm sau, Hưng mới phát tang rồi lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Hoàng Sơ, truy phong Trần thụy là Chiêu Hoàng Đế. Năm Kỷ Hợi, tức Tấn An Đế năm Long An năm thứ ba, tháng chín, Hưng thấy tai hoạn xảy ra hoài nên giáng xuống làm Tần Vương, đổi niên hiệu Hoàng Thỉ. Tháng giêng năm Bính Thìn tức Hoàng Thỉ năm thứ mười tám, Hưng mất. Thái tử Hoàng lên ngôi, lấy niên hiệu Vĩnh Hòa. Tấn đánh Tần, tháng năm Nghĩa Hy năm thứ mười ba, Hoàng đem vợ con, quần thần đầu hàng Tấn, Hậu Tần gồm ba chủ, trị vì ba mươi bốn năm.

<i>Mậu Ngộ: Tấn Nghĩa Hy năm thứ 14</i>				<i>Tây Tần Khất Phục Vĩnh Khang bảy năm</i>
<i>Tây Lương: Gia Hưng năm thứ 3</i>	<i>Hạ: Xương Vũ năm đầu</i>	<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 10</i>	<i>Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 7</i>	<i>Ngụy: Thái Thường năm thứ 3</i>

* **Cung Đế:** Húy Đức Văn, tự Đức Văn, em cùng mẹ với An Đế, được phong làm Lang Da Vương. Tháng mười hai năm Nghĩa Hy năm thứ mười bốn, Tống Công Lưu Dụ sửa di chiếu đưa ông lên ngôi. Ông ở ngôi hai năm, nhường ngôi cho Tống, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Nguyên Hy hai năm.

Kỷ Mùi: Nguyên Hy năm đầu				Vĩnh Khang năm thứ 8
Gia Hưng năm thứ 4	Chân Hưng năm đầu	Thái Bình năm thứ 7	Nguyên Thỉ năm thứ 8	Thái Thường năm thứ 4

* **Sa-môn Pháp Quả:** Ngụy Thái Tông rất kính trọng ngài, phong cho chức quốc phụ Nghi Thành tử Trung Tín Hầu, hiệu là Tăng Thống nhưng ngài cố tình không nhận. Thái Tông xa giá đến nơi ngài ở, thấy cửa ngõ chật hẹp, vua liền cho mở rộng ra. Ngài nhập diệt năm Kỷ Mùi, thọ tám mươi ba tuổi. Thái Tông đến viếng ba lần, truy tặng hiệu lão thọ tướng quân Triệu Hồ Linh Công.

+ Tháng bảy, Tống Công Lưu Dụ được phong tước vương, năm sau, Đế nhường ngôi cho Tống Vương. Dụ đưa Đế xuống làm Linh Lăng Vương, sau sai người giết. Tây Tấn, Đông Tấn cả thảy mười lăm Đế Vương, trị vì một trăm năm mười lăm năm. Riêng Đông Tấn có mười một chủ, trị vì một trăm lẻ ba năm, vận nước về nhà Tống.

* **Nam Bắc triều:**

+ Tống: Họ Lưu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Cao Tổ Vũ Hoàng Đế, Thiếu Đế, Thái Tổ Văn Đế, Vũ Đế, Phế đế, Thái Tổ Minh Đế, Phế Đế, Thuận Đế, cả thảy tám chủ rồi nhường ngôi cho Tề.

* Cao Tổ Vũ Đế: Húy là Dụ, tự Đức Dư, người Bành Thành (Từ châu) hậu duệ của Hán Sở Nguyên Vương Lưu Giao. Tháng sáu năm Canh Thân, ông nhận ngôi từ nhà Tấn, ở ngôi ba năm, thọ sáu mươi bảy tuổi. Niên hiệu Vĩnh Sơ ba năm.

Canh Thân: Tống, Vĩnh Sơ năm đầu. Tháng sáu đổi niên hiệu	Tây Tấn: Thái Tổ, Kiến Thỉ năm đầu	Tây Lương: Vĩnh Kiến năm đầu	Hạ: Chân Hưng năm thứ 2
---	--	---------------------------------	-------------------------------

<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 13</i>	<i>Bắc Lương: Thà Cừ, Nguyên Thỉ năm thứ 9</i>	<i>Ngụy: Thái Thường năm thứ 5</i>	
<i>Tân Dậu: Vĩnh Sơ năm thứ 2</i>	<i>Kiến Thỉ năm thứ 2</i>	<i>Vĩnh Kiến năm thứ 2</i>	<i>Chân Hưng năm thứ 3</i>
<i>Thái Bình năm thứ 13</i>	<i>Nguyên Thỉ năm thứ 10</i>	<i>Thái Thường năm thứ 6</i>	
<i>Nhâm Tuất: Vĩnh Sơ năm thứ ba, Đế mất, Thiếu Đế lên ngôi</i>	<i>Kiến Thỉ năm thứ 3</i>	<i>Vĩnh Kiến năm thứ 3</i>	<i>Chân Hưng năm thứ 4</i>
<i>Thái Bình năm thứ 14</i>	<i>Nguyên Thỉ năm thứ 11</i>	<i>Thái Thường năm thứ 7</i>	

* **Tây Lương:** Lý Cao, tự Huyền Thạnh. Năm Bính Thân (Tấn Vũ Đế Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt), ông chiếm Cô Tạng (nay là tỉnh Cam Túc, Tây Lương châu). Năm Canh Tý (Tấn An Đế, Long An năm thứ tư), Cao lấy làm năm đầu. Năm Ất Tỵ (Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm đầu), Tây Lương Công Lý Cao dời đô về Tửu Tuyên (nay là tỉnh Cam Túc, Túc Châu lộ) lấy niên hiệu Kiến Sơ. Năm Bính Thìn (Tấn Nghĩa Hy năm thứ mười hai) Lương chủ Lưu Hâm lên ngôi, đổi niên hiệu Gia Hưng. Tống Cao Tổ, Vĩnh Sơ năm đầu, Lương chủ Lý Tuân lấy niên hiệu Vĩnh Kiến năm đầu. Đến Vĩnh Kiến năm thứ ba, ông bị Bắc Lương tiêu diệt ở ngôi cả thảy hai mươi hai năm. Lý Cao từng tự tay viết lệnh dạy các con ông rằng: “Kẻ làm theo chánh sự phải thận trọng trong thưởng phạt chớ vì yêu ghét, gần người trung chánh xa kẻ gian nịnh, chớ để Tả hữu trộm làm mưa làm gió vì đó là nguyên nhân phá hủy danh dự. Gặp khen chê, phải xét rõ hư thực; nghe kiện cáo, áp dụng hình phải nhu hòa mà quyết định, cẩn thận chớ trái nghịch với nhiều người, chớ coi thường thanh sắc, cần phải hỏi han, chớ tự chuyên quyền. Ta lo việc năm, tuy chưa thể lo yên cho dân, nhưng chôn được cái tệ, giấu được cái xấu, sớm vì giặc loạn, chiều lo xã tắc, bên ngoài không cô phục kẻ mới người cũ, làm việc công bình, đối xử như nhau. Trước không lo thì điều hay tất mất, tính gần thì hay thiếu hụt, lo xa thì

hay dư thừa. Được vậy mới ngộ hầu không hổ thẹn với tiền nhân.

* **Thiếu Đế:** Doanh Dương Vương tên Nghĩa Phù, con trưởng của Vũ Đế, có tang nhưng không biết giữ lễ, Tư không Từ Tiệp phế ông rồi giết. Ông ở ngôi một năm, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Cảnh Bình một năm.

<i>Quý Hợi: Tống, Cảnh Bình năm đầu</i>	<i>Tây Tân: Kiến Thỉ năm thứ 4</i>	<i>Hạ: Hách Liên, Chân Hưng năm thứ 5</i>	<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 15</i>
<i>Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 5</i>	<i>Ngụy xây trường thành, Thái Tông mất</i>		

* **Ngụy:** Đạo sĩ Khâu Khiêm Chi ở Tung Sơn tu theo thuật của Trương Thiên Sư, tự nói mình từng gặp Lão Tử giáng xuống trao cho thuật tích cốc khinh thân và Khoa giới hai mươi quyển, sai ông làm trong sạch lại Đạo giáo. Khiêm Chi mang sách này dâng cho Ngụy chủ. Trong triều, ngoài dân chưa ai dám tin, chỉ một mình Tả quang lộc đại phu Thôi Hạo tôn thờ Khiêm Chi, đi theo học thuật này. Hơn nữa Thượng thư tán thán việc đó, nên Ngụy chủ vui mừng sai sứ đem vàng ngọc lụa trâu bò đến tế ở Trung Nhạc rồi rước Khiêm Chi về.

* **Thái Tổ Văn Đế:** Tên Nghĩa Long, con năm thứ ba của Vũ Đế, được phong làm Nghi Đô Vương. Thiếu Đế bị phế xong, bọn Từ Tiệp Chi đưa ông lên ngôi ở Giang Lăng, ông ở ngôi ba năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Niên hiệu Nguyên Gia ba mươi năm. Ông lập chùa Thiên Linh cúng dường ngàn tăng. Sa-môn Bôi Độ thị tịch vào tháng tám năm Bính Dần, an táng ở Phú Chu Sơn, Kiến Khang. Bôi Độ sinh trưởng ở Ký Châu, hoàng hóa hơn bốn mươi năm.

<i>Giáp Tý: Tống, Nguyên Gia năm đầu</i>	<i>Tây Tân: Kiến Thỉ năm thứ 5</i>	<i>Hạ: Hách Liên, Chân Hưng năm thứ 6</i>	<i>Bắc Yên: Năm Thái Bình năm thứ 16</i>
<i>Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 13</i>	<i>Ngụy: Thọ lên ngôi, Thỉ Quang năm đầu</i>		

* Tháng tám, Thổ Cốc Hồn Uy Vương A Sài mất. Ông có hai mươi người con, lúc bị bệnh ông gọi hết hai mươi người con lại và dặn: Ta chết rồi, các người phải đưa Mộ Khôi lên làm chủ. (Khôi là em cùng mẹ với A Sài). Ông bảo các con ông mỗi người đưa ra một mũi tên, ông lấy một mũi đưa cho em là Mộ Lợi Diên và sai bẻ, sau lấy mười chín mũi bó lại thành một bó sai bẻ thì chẳng ai bẻ được. A Sài nói: Đơn độc thì dễ gãy, họp lại thì khó bẻ, các người phải dốc hết sức đồng lòng mới có thể giữ yên được nước nhà. Nói xong thì ông mất. Mộ Khôi vỗ yên, thu nhận số dân thất nghiệp của Tần, Lương, bộ lạc trở nên hùng mạnh. Tục Hậu Hán Thư chép: A Sài là hậu duệ ba đời của họ Khương là họ khác của họ Khương (không phải rợ Khương).

<i>Át Sửu: Tống, Nguyên Gia năm thứ 2</i>	<i>Tây Tân: Năm Kiến Thỉ năm thứ 6</i>	<i>Hạ: Xương, Thừa Quang năm đầu</i>	<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 17</i>
<i>Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 14</i>	<i>Ngụy: Thái Vũ Đế, Thỉ Quang năm thứ 2</i>		
<i>Bính Dần: Nguyên Gia năm thứ 3</i>	<i>Kiến Thỉ năm thứ 7</i>	<i>Thừa Quang năm thứ 2</i>	<i>Thái Bình năm thứ 18</i>
<i>Nguyên Thỉ năm thứ 15</i>	<i>Thỉ Quang năm thứ 3</i>		
<i>Đinh Mão: Nguyên Gia năm thứ 4</i>	<i>Kiến Thỉ năm thứ 8</i>	<i>Thừa Quang năm thứ 3</i>	<i>Thái Bình năm thứ 19</i>
<i>Nguyên Thỉ năm thứ 16</i>	<i>Thỉ Quang năm thứ 4</i>		

* **Tĩnh Tiết Tiên Sinh:** Đào Nguyên Lượng ở đất Tấn có tên là Uyên Minh, ở Tống tên là Tiềm, đời gọi ông là Tĩnh Tiết Tiên Sinh. Ông là tăng tôn của Khản, bên nhà ông có trồng năm cây liễu, và ông soạn Ngũ Liễu Tiên Sinh truyện để tự kể về mình. Ông làm huyện lệnh ở Bành Trạch, mất trong năm này, thọ sáu mươi ba tuổi. Ông ở làng Lật,

núi Sài Tang, huyện Đức Hóa, lộ Giang châu. Ông từng soạn *Sưu Thần Lục* ghi lại những dấu tích linh diệu của Phật. Ông có năm người con là Nghiễm, Sĩ, Phần, Dật, Đồng. Ông nội ông tên Mậu làm Vũ Xương Thái thú, cha ông làm Tư Thành Thái thú, sử hay chép nhầm tên ông.

<i>Mậu Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 5</i>	<i>Tây Tần: Vĩnh Hoằng năm đầu</i>	<i>Hạ: Xương, năm Định Thắng năm đầu</i>	<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 20</i>
<i>Bắc Lương: Thừa Huyền năm đầu</i>	<i>Ngụy: Thái Vũ Đế Thần Gia năm đầu</i>		

* **Tây Tần:** Khất Phục Quốc Nhân, người Tiên Ty, làm quan cho Phù Tần. Tháng bảy, Đông Tấn Vũ Đế, Thái Nguyên năm thứ tám, Quý Mùi, Tần chủ Phù Kiên thua Tấn, dùng Quốc Nhân làm tiền tướng quân, gặp lúc thúc phụ của Quốc Nhân là Bộ Đồi làm phản ở Lũng Tây, Kiên sai Quốc Nhân trở lại đánh họ. Quốc Nhân, Bộ Đồi cùng chiếm một phương, binh đông đến hơn mười vạn. Năm Giáp Thân, Quốc Nhân chiếm kinh thành (Lan châu, Củng Xương lộ, Thiểm Tây). Năm Ất Dậu lấy quốc hiệu là Tần (Tây Tần), lấy niên hiệu Kiến Nghĩa. Năm Kỷ Sửu, Tây Tần Vũ Nguyên Vương Càn trở về, lấy niên hiệu Thái Sơ. Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ mười lăm, Kỷ Dậu, Tây Tần lấy niên hiệu Cảnh Thỉ. Năm Nhâm Tý, Tây Tần chủ là Thái Tổ Sĩ Bàn lấy niên hiệu Vĩnh Khang. Tống Cao Tổ niên hiệu Vĩnh Khang năm đầu, Tây Tần lấy niên hiệu Kiến Thỉ. Lúc này là Nguyên Gia năm thứ năm, Toàn Mạt lấy niên hiệu Vĩnh Hoằng, và bị Hách Liên nhà Hạ diệt, gồm bốn châu, trị vì bố mười lăm năm.

* **Đại Hạ:** Hậu duệ của Hung Nô Tả Hiền Vương tên là Bột Bột. Năm Bính Ngọ (Đông Tấn An Đế Nghĩa Hy năm thứ hai) Ông chiếm Sóc Phương lấy quốc hiệu Đại Hạ. Năm sau lấy niên hiệu Long Thăng. Năm Quý Sửu, Hạ chủ Bột Bột dùng Thác Can A Lợi lãnh tướng làm Đại giám phát động mười vạn dân Di Hạ ở Lĩnh Bắc dựng Đô Thành ở Sóc Châu (thuộc Hà Đông, Sơn Tây đạo, Tây Kinh lộ, tên quận là Mã Ấp). Ông nói: “Trẫm mới thống nhất thiên hạ, làm vua vạn bang, nên gọi thành mới xây là Thống Vạn”, đổi niên hiệu Phụng Tường. Bột Bột tự nghĩ, ông nội mình lấy họ mẹ là họ Lưu là không đúng lễ, tộc họ từ xưa chưa từng đổi họ Hách Liên. Ông cho rằng Đế Vương là con trời,

đó là Hách nối liền với Thiên.

Đến Tống Nguyên Gia năm thứ hai (Ất Sửu), Xương lên ngôi, lấy niên hiệu Thừa Quang. Thừa Quang năm thứ ba, Nguyên Ngụy Hề Cân và Hạ Bình Nguyên Công Định cùng giữ Trường An. Năm Mậu Thìn, Xương đổi niên hiệu Định Thắng. Ngụy Đế Thọ thừa lúc sơ hở đánh Tống Vạn thành. Bình của Hạ chủ Xương tan vỡ, Xương chạy lên Thượng Khuê. Ngụy chủ vào Tống Vạn bắt công khanh, hậu phi, cung nhân của nhà Hạ đến hơn vạn người, trâu ngựa bò dê đến mấy vạn con, của báu kho đụn thì không đếm xiết. Tháng hai, Tống Nguyên Gia năm thứ năm, Ngụy Bình Bắc tướng quân úy Quyển đánh Xương ở Thượng Đô và bắt sống đưa về Bình Thành. Ngụy chủ cho Xương ở trong Tây Cung, chu cấp ngựa xe vật dụng, gả em là Sơ Bình công chúa cho Xương, phong tước Cối Kê công. Nhà Hạ tồn tại hai mươi bốn năm thì mất nước. Họ hách Liên chính là Khuất Tín.

<i>Kỷ Tỵ: Nguyên Gia năm thứ 6</i>			
<i>Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 21</i>	<i>Bắc Lương: Thừa Huyền năm thứ 2</i>	<i>Ngụy: Thần Gia năm thứ 2</i>	
<i>Canh Ngọ: Nguyên Gia năm thứ 7</i>			
<i>Thái Bình năm thứ 22</i>	<i>Thừa Huyền năm thứ 3</i>	<i>Thần Gia năm thứ 3</i>	
<i>Tân Mùi: Nguyên Gia năm thứ 8</i>			
<i>Bắc Yên: Hoàng, Đại Nhã năm đầu</i>	<i>Bắc Lương: Nghĩa Hòa năm đầu</i>	<i>Thần Gia năm thứ 4</i>	

* Tổng Đế hạ chiếu đón Tôn giả Cầu-na Bạt-đề vào kinh. Tháng giêng ngài đến Kiến Khang gặp Đế. Văn Đế ân cần hỏi thăm sức khỏe ngài và hỏi Phật pháp. Một hôm Đế hỏi:

- Quả nhân thường muốn trì trai không sát sinh, nhưng bản thân gặp việc thường sinh trở ngại, mong thầy chỉ dạy phải làm sao?

Tôn giả đáp:

Đạo ở nơi tâm chứ không phải ở việc làm, pháp do chính mình chứ không phải do người khác. Vả lại cách tu của Đế vương không giống kẻ thất phu. Thất phu nếu không khắc khổ hành trì thì làm sao dùng được. Còn như đế vương lấy bốn biển làm nhà, lấy muôn dân làm chính, phát ngôn một lời hay thì quan dân đều vui mừng, ban bố một việc tốt thì người thân đều hân hoan, dùng hình nhưng không lấy mạng họ, sai dịch nhưng không vét sức họ thì mưa thuận gió hòa, lúa trái sum suê. Cứ thế mà trì trai đã lợi ích lắm rồi, do không sát sinh, lợi lạc vô kể, chứ đâu phải đợi ngay trong bữa ăn, bảo toàn được một mạng sống, rồi sau mới cứu tế cùng khắp? Thế nhưng phải thật cần kiệm.

Đế nghe xong vỗ ghế khen:

Thế tục mê diệu lý, tăng ngưng trệ trong giáo điều trước mắt, còn những lời của thầy thật đáng cùng trời người đàm luận.

Từ đó Đế tôn ngài làm thầy, thỉnh ngài ở chùa Kỳ Hoàn, cung cấp rất hậu hỷ. Ngài giảng kinh Pháp Hoa, Thập Địa Phẩm tại chùa, ngày nào Đế cũng dẫn công khanh đến dưới tòa nghe giảng. Pháp tịch hưng thịnh như thế này chưa từng có.

<i>Nhâm Thân: Tổng, Nguyên Gia năm thứ 9</i>	<i>Bắc Yên: Đại Nhã năm thứ 2</i>	<i>Bắc Lương: Nghĩa Hòa năm thứ 2</i>	<i>Ngụy: Thái Vũ Đế, Diên Hòa năm đầu</i>
<i>Quý Dậu: Nguyên Gia năm thứ 10</i>	<i>Đại Nhã năm thứ 3</i>	<i>Mục Kiền: Thừa Hòa năm đầu</i>	<i>Diên Hòa năm thứ 2</i>
<i>Giáp Tuất: Nguyên Gia năm thứ 11</i>	<i>Đại Nhã năm thứ 4</i>	<i>Thừa Hòa năm thứ 2</i>	<i>Diên Hòa năm thứ 3</i>

<i>Ất Hợi:</i> <i>Nguyên Gia năm</i> <i>thứ 12</i>	<i>Đại Nhã năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Thừa Hòa năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Thái Diên năm</i> <i>đầu</i>
<i>Bính Tý:</i> <i>Nguyên Gia năm</i> <i>thứ 13</i>	<i>Đại Nhã năm</i> <i>thứ sáu diệt</i> <i>vong</i>	<i>Thừa Hòa năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Thái Diên năm</i> <i>thứ 2</i>

* **Bắc Yên:** Phùng Bạt, người Ký châu (Yên Nam, Hà Bắc đạo, Chân Định lộ, Ký châu, Tín quận) làm quan cho Hậu Yên. Năm Đinh Mùi (Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ ba) nước Hậu Yên loạn, Bạt liền soạn diệt rồi chiếm Xương Lê, lấy hiệu Bắc Yên (nay là Bình Loan lộ, quận Bắc Bình) Năm Kỷ Dậu, là niên hiệu Thái Bình năm đầu. Đến Tống Đế Nguyên Gia năm thứ tám, Bắc Yên Chiêu Đế Hoảng lên ngôi, lấy niên hiệu Đại Nhã. Đại Nhã năm thứ sáu, bị Nguyên Ngụy diệt. Bắc Yên tồn tại hai mươi tám năm.

<i>Đình Sửu:</i> <i>Nguyên Gia năm</i> <i>thứ 14</i>		<i>Bắc Lương:</i> <i>Thừa Hòa năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Ngụy:</i> <i>Thái Diên năm</i> <i>thứ 3</i>
<i>Mậu Dần:</i> <i>Nguyên Gia năm</i> <i>thứ 15</i>		<i>Thừa Hòa năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Thái Diên năm</i> <i>thứ 4</i>

* **Tống:** Văn Đế bảo bề tôi của mình là Đoàn Dương Doãn Hà Thượng Chi rằng: “Vừa rồi trăm thấy Nhan Diên Chi, Tông Bính soạn luận, phát huy pháp Phật rất có nghĩa lý, đồng thời khuyến hóa lòng người. Nếu làm cho những người làm quan cảm nhận sự giáo hóa này thì Trẫm khoan tay mà thiên hạ cũng thái bình rồi, ta còn lo việc gì nữa!”

Hà Thượng Chi nhân đó tâu: Một làng có trăm nhà, mười người giữ Ngũ giới thì mười người ấy là những người thuần lương. Trong ấp có ngàn nhà trăm người tu Thập thiện thì trăm người ấy hòa kính, hiếu

thuận. Nếu đem lễ lối ấy truyền dạy khắp nước thì trong ức ngàn nhà sẽ có trăm vạn người có nhân đức. Hễ làm một việc lành thì bỏ đi một việc ác, bỏ được một việc ác thì dứt được một hình phạt. Một nhà dứt một hình phạt thì cả nước dứt được vạn hình phạt. Đó là điều mà hoàng thượng gọi là ngôi yên mà khiến thiên hạ thái bình là thế.

<i>Kỷ Mão: Nguyên Gia năm thứ 16</i>		<i>Bắc Lương: Thừa Hòa năm thứ bảy, diệt vong</i>	<i>Thái Diên năm thứ 3</i>
--	--	---	--------------------------------

* **Bắc Lương:** Giả Mông người Hồ, Đông Tấn An Đế niên hiệu Long An năm đầu (Đinh Dậu), ông chiếm Trương Dịch, lấy quốc hiệu là Bắc Lương, xưng là Hà Tây Vương, lấy niên hiệu Thần Tỹ. Năm Kỷ Hợi đổi niên hiệu Thiên Tỹ. Năm Tân Sửu, Vũ Tuyên Vương Thư Cừ Mông Tồn lên ngôi, đổi niên hiệu Vĩnh An. Năm Nhâm Tý ông dời đô về Cô Tạng, đổi niên hiệu Nguyên Thỉ, năm Mậu Thìn đổi niên hiệu Thừa Huyền. Năm Canh Ngọ, Mông Tồn sai người sang triều cống Nguyên Ngụy, năm Tân Mùi đổi niên hiệu Nghĩa Hòa. Năm Nhâm Thân, Nguyên Ngụy sai Tây an tướng Quân Lý Thuận đi sứ nước Lương rồi về, Ngụy chủ hỏi việc của Lương thế nào, Thuận đáp: Mông Tồn trải qua gian nan, am tường quyền biến. Nhưng lẽ là sự hưng thịnh của đức, kính là gốc của thân, Mông Tồn không có lễ kính, theo Thần thấy, không tồn tại bao lâu nữa. Năm Quý Dậu, Mông Tồn mất, con là Thái thú Đôn Hoàng Mục Kiền lên ngôi là Hà Tây Vương, đổi niên hiệu Thừa Hòa. Mục Kiền bên ngoài tuy tu chỉnh lễ của bề tôi, nhưng trong lòng thì trái nghịch. Tháng ba năm Kỷ Mão, Ngụy chủ đánh Lương. Tháng sáu Ngụy chủ đến Cô Tạng. Tháng chín, con người anh Mục Kiền là Vạn Niên đem quân ra hàng Ngụy, thành Cô Tạng thất thủ. Mục Kiền dẫn hơn nửa vạn văn võ tự trời xin hàng. Ngụy chủ mở trời tiếp đãi họ. Trương Dịch ngày nay là Cam Châu lộ. Cô Tạng là Lương châu. Đôn Hoàng là Lương Châu lộ, thuộc tỉnh Cam Túc, Ung châu.

<i>Canh Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 17</i>	<i>Ngụy: Thế Tổ Thái Vũ Hoàng Đế, Thái Bình Chân Quân năm đầu.</i>
<i>Tân Tỵ: Nguyên Gia năm thứ 18</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 2</i>

<i>Nhâm Ngọ: Nguyên Gia năm thứ 19, Tây Vực dâng cho vua Ca-sa, vua tự mặc</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 3</i>
<i>Quý Mùi: Nguyên Gia năm thứ 20</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 4</i>
<i>Giáp Thân: Nguyên Gia năm thứ 21, Thái tử sai Hà Thừa Thiên soạn lịch mới</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 5</i>
<i>Ất Dậu: Nguyên Gia năm thứ 22</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ sáu, Ngụy tàn diệt Phật giáo</i>
<i>Bính Tuất: Nguyên Gia năm thứ 23</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 7</i>
<i>Bính Tuất: Nguyên Gia năm thứ 23</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 7</i>
<i>Đinh Hợi: Nguyên Gia năm thứ 24</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 8</i>
<i>Mậu Tý: Nguyên Gia năm thứ 25</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 9</i>
<i>Kỷ Sửu: Nguyên Gia năm thứ 26</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 10</i>
<i>Canh Dần: Nguyên Gia năm thứ 27</i>	<i>Thái Bình Chân Quân năm thứ 11</i>
<i>Tân Mão: Nguyên Gia năm thứ 28</i>	<i>Chánh Bình năm đầu, tháng hai năm Chánh Bình năm thứ hai, Thái Vũ bị giết.</i>

* **Bạch Túc Sa-môn:** Sư húy Đàm Thỉ, còn có tên là Tuệ Thỉ. Trong Ngụy Thư Phật Lão Chí ghi: Sa-môn Tuệ Thỉ họ Trương, người Thanh Hà, thầy sư là Pháp sư Cửu-ma-la-thập. Lưu Dụ nhà Tấn tiêu diệt Hậu Tần, lại Hạ Hách Liên Khuất Tín đuổi đến Trường An, tăng tục bị giết hại, nhưng sư dao chém chẳng bị thương. Khuất Tín nổi giận, triệu sư đến rồi cầm gươm đeo bên mình tự tay chém, nhưng vẫn chẳng làm tổn thương sư. Khuất Tín thất kinh lạy tạ, sám hối. Trăm dân nhờ sức từ của Sư nên tránh được tai họa. Ngụy Thái Vũ bình định Hách Liên Xương, Sư về với Ngụy. Ngụy năm Chân Quân Thái Bình năm thứ sáu, Thái Vũ Đế thảo phạt giặc loạn Cái Ngô, đến Trường An thấy trong chùa có binh khí, Vũ Đế nổi giận. Tư Đồ Thôi Hạo nhân đó khuyên Thái Vũ Đế giết hết Sa-môn, hủy đốt kinh tượng. Thái Bình Chân Quân năm thứ

mười một, Thôi Hạo cậy mình tài lược liền soạn Quốc sử ghi những việc đời trước của Ngụy rồi dựng ở ngã tư đường, khắc bia đá ở Giao Đàn. Người phương Bắc đều phẫn nộ. Thái Vũ cho Hạo cả gan phôi cái xấu của đất nước, nổi giận sai Hữu Ty định tội Hạo và các quan bí thư lang lại, gồm một trăm hai mươi tám người phải bị tru di năm họ. Lúc này Sư đến gặp Thái Vũ Đế, Vũ nổi giận sai người chém nhưng Sư chẳng hề tổn thương, Vũ Đế rút kiếm đeo bên mình ra chém, cũng không làm Sư bị thương. Vũ Đế sai nhốt Sư vào chuồng cọp, bầy cọp thấy Sư đều phủ phục xuống. Vũ Đế thất kinh, mời Sư lên điện lạy tạ sám hối, hết lòng tôn kính. Trước đây, Thái tử Cảnh Mục là người trị chánh rất sáng suốt, trung thường thị Tông Ái bản tánh xấu xa, không theo phép nước, gièm pha Thái tử. Thái tử lo buồn mà chết. Thái Vũ Đế dần dần biết được việc này, hối hận vô cùng. Tông Ái sợ bị giết, nên tháng hai năm Chánh Bình năm thứ hai, Ái giết Vũ Đế. Thượng thư Nguyên Hạ Lục Lộc dẫn quân truy giết Ái, đưa hoàng tôn Duệ lên ngôi, đổi niên hiệu. Sư đi trên bùn nhưng chân vẫn sáng sạch, nên người ta gọi ngài là Bạch Túc Sa-môn.

<i>Nhâm Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 29</i>	<i>Ngụy: Cao Tông Văn Thành Hoàng Đế Duệ con của Thái tử Cảnh Mục. Niên hiệu Hưng An năm đầu</i>
---	--

Ngụy: Niên hiệu Hưng An năm đầu, quần thần đều khuyên vua khôi phục lại Phật giáo, vua hạ chiếu: Phàm là đế vương phải noi theo phép tắc sáng suốt, tỏ rõ được nhân nghĩa. Vua phải thương ban huệ cho muôn dân, làm lợi ích cho mọi loài. Tuy ngày xưa vẫn còn những chính sách hà khắc, vì vậy mà Xuân Thu thích lễ tôn sùng sự sáng suốt, Tế điển ghi những dòng tộc có công, hướng gì Phật giáo! Công Đức của Như Lai trùm khắp đại thiên, ân huệ của Như Lai chảy tràn đại địa. Những người truy nguyên nguồn gốc sinh tử đều khen là pháp quán thấu đáo, những người đọc văn nghĩa thì quý bởi cửa ngõ nhiệm mầu. Luật cấm nhằm giúp vua thống trị, tánh thiện nhằm lợi ích kẻ trí người nhân, bài bác tà ngụy, khai diễn chánh giác. Bởi vậy từ xưa đến nay không ai mà chẳng tôn sùng ưa chuộng. Hơn nữa, Phật giáo là tôn giáo mà nước ta tôn thờ. Nay lệnh cho khắp châu quận, nơi nào có dân ở phải xây một ngôi chùa. Những ai, mến mộ Phật pháp thích làm Sa-môn thì cho phép xuất gia. Châu lớn cho phép năm mươi người, châu nhỏ cho phép bốn

mười người xuất gia.”

Bấy giờ khắp nước những chùa tháp trước đây bị đập phá đều được trùng tu lại. Đế còn lệnh cho Hữu Ty phải đúc tượng Phật bằng đồng trong những chùa lớn năm cấp do Thái Tổ trở xuống đến năm Đế Vương đã xây dựng. Mỗi tượng cao một trượng sáu thước. Đế đích thân xuống tóc cho Sa-môn Sư Hiền cùng năm người khác, phong Sư Hiền làm người quản lý Tăng (Đạo nhân thống).

<i>Quý Ty: Tháng hai năm Nguyên Gia năm thứ 30, Thái tử Thiệu bàn mưu giết Vũ Đế, Vũ Lăng Vương đánh và giết Thiệu</i>	<i>Ngụy: Hưng An năm thứ 2</i>
--	--------------------------------

* **Thế Tổ Hiếu Vũ Đế:** Tên là Tuấn, con năm thứ ba của Văn Đế, được phong làm Vũ Lăng Vương, Thứ sử Giang châu. Tháng ba ông họp binh đánh Nguyên hung Thiệu. Tháng tư ông lên ngôi Hoàng Đế ở Tân Đình, ở ngôi mười một năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Ông là người học rộng, xét đọc thư tấu rất kỹ. Niên hiệu Hiếu Kiến ba năm, Đại Minh tám năm.

<i>Giáp Ngọ: Hiếu Kiến năm đầu (tháng giêng đổi niên hiệu)</i>	<i>Ngụy: Hưng Quang năm đầu</i>
--	---------------------------------

Tống: Chia Dương châu, Triết Đông thành năm quận, đặt Đông Dương Châu để cai quản Cối Kê, phân Kinh, Tương, Giang, Dự châu thành tám quận, đặt Trình Châu để cai quản Giang Hạ.

<i>Ất Mùi: Hiếu Kiến năm thứ hai, chiếu thỉnh Sa-môn Đạo Tù làm Pháp chủ chùa An Trấn</i>	<i>Thái An năm đầu</i>
<i>Bính Ngọ: Hiếu Kiến năm thứ 3</i>	<i>Thái An năm thứ 2</i>

* **Hoa Nghiêm Kinh Thích Sở:** Nhà Ngụy diệt Phật giáo, Thích Nguyên Sướng về với Tống. Ngài đến Dương châu, ngụ ở chùa Minh Nhân, soạn Hoa Nghiêm Kinh Thích Sở, truyền giảng đến ngày nay đều bắt đầu từ ngài.

<i>Định Dụ: Đại Minh năm đầu</i>	<i>Ngụy: Thái An năm thứ 3</i>
----------------------------------	--------------------------------

Tổ năm thứ 27: Tôn giả Bát-nhã-đa-la.

Ngài sinh trưởng ở Đông Ấn, sau khi đắc pháp với Tôn giả Bát-như-mật-đa, ngài hoằng hóa đến vùng Nam Ấn. Quốc vương xứ này tên là Hương Chí, là vị vua rất sùng kính Phật pháp, đón ngài về cung kính cúng dường, dâng ngài bảo châu vô giá. Nhà vua có ba người con, là Nguyệt Tịnh Đa-la, Công Đức Đa-la và Bồ-đề-đa-la.

Một hôm ngài đưa bảo châu ra và hỏi ba vương tử:

- Hạt châu này tròn sáng, có vật gì sánh bằng nó không?

Wương tử thứ nhất và năm thứ hai đều đáp:

Hạt châu này quý nhất trong tất cả châu báu, không vật gì hơn nó được.

Wương tử năm thứ ba là Bồ-đề-đa-la đáp:

Hạt châu này là bảo trân thế gian nhưng chưa phải là tối thượng. Trong các năm thứ báu thì Pháp mới là tối thượng. Hạt châu này là ánh sáng thế gian, chưa phải là ánh sáng tối thượng. Trong các thứ ánh sáng, ánh sáng của trí mới là tối thượng. Hạt châu này là thứ ánh sáng sạch của thế gian chưa phải là thứ ánh sáng sạch tối thượng. Trong các thứ ánh sáng sạch thì ánh sáng của tâm mới là tối thượng. Ánh sáng của hạt châu không thể tự soi, mà phải nhờ ánh sáng của trí mới phân biệt được. Khi phân biệt được thì mới biết đó là hạt châu, biết được hạt châu mới thấy sự quý giá của nó. Khi thấy rõ sự quý giá của nó, thì vật báu ấy chẳng tự biết nó quý báu. Khi phân biệt được hạt châu, thì hạt châu này chẳng tự biết nó là hạt châu. hạt châu chẳng tự biết mình là hạt châu mà phải nhờ hạt châu của trí để phân biệt được hạt châu của thế gian. Vật báu chẳng tự biết nó là vật báu mà phải nhờ vật báu của trí để thấy rõ vật báu của pháp. Bởi vậy, Thầy có đạo, có của báu thì nó liền hiện, chúng sinh có đạo thì vật báu của tâm cũng vậy.

Tổ khen tài trí biện luận của vương tử và hỏi tiếp:

- Trong tất cả các vật, vật gì không tương?

- Trong tất cả các vật, không khởi là không tương.

- Trong tất cả các vật, vật gì là tối cao?

- Trong tất cả các vật, nhân ngã là tối cao.

- Trong tất cả các vật, vật gì là tối đại?

- Trong tất cả các vật, pháp tánh là tối đại.

Đến khi phụ vương Hương Chí băng hà, mọi người gào khóc thảm thiết, chỉ có Bồ-đề-đa-la ngồi nhập định suốt bảy ngày trước linh cữu.

An táng vua cha xong, vương tử xuất gia và thọ đại giới. Ngài nói với Vương tử: Như Lai đem chánh pháp nhân giao phó cho Đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta. Nay ta giao phó cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

*Đất tâm sinh các giống
Từ sự lại sinh lý
Quả mãn Bồ-đề viên
Hoa nở, sinh thế giới.*

Phó pháp xong, ngài đứng thẳng trên tòa, duỗi thẳng hai tay, từ mỗi cánh tay phóng hai mươi bảy đạo hào quang ngũ sắc, quang minh sáng lòa. Toàn thân ngài bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân mình. Từ trên không, xá-lợi của ngài tuôn xuống như mưa, tứ chúng thâu lấy dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Tống Hiếu Vũ Đế.

Ngài từng được quốc vương Đông Ấn thỉnh cúng dường, nhân đó quốc vương hỏi ngài: Ai nấy đều đọc kinh, thầy tại sao không đọc? Ngài đáp: Bần đạo thờ ra thì không theo muôn duyên, hít vào thì không ở trong cảnh trói buộc, thường chuyển trăm ngàn vạn ức quyển kinh như vậy, chứ không phải một, hai quyển.

<i>Mậu Tuất: Tống, năm Đại Minh năm thứ 2</i>	<i>Ngụy: Thái An năm thứ tư, cấm uống rượu, ai phạm liền bị chém, hai việc kết hung nổi lên rầm rộ.</i>
<i>Kỷ Hợi: Đại Minh năm thứ 3</i>	<i>Thái An năm thứ 5</i>
<i>Canh Tý: Đại Minh năm thứ tư, Lộ Châu Hoàng Thái hậu dựng xong tượng Phổ Hiền</i>	<i>Hòa Bình năm đầu</i>
<i>Tân Sửu: Đại Minh năm thứ 5</i>	<i>Hòa Bình năm thứ 2</i>
<i>Nhâm Dần: Đại Minh năm thứ 6</i>	<i>Hòa Bình năm thứ 3</i>
<i>Quý Mão: Đại Minh năm thứ 7</i>	<i>Hòa Bình năm thứ 4</i>
<i>Giáp Thìn: Đại Minh năm thứ tám, tháng năm Đế mất, Thái tử lên ngôi</i>	<i>Hòa Bình năm thứ 5</i>

* **Phế Đế:** Tống Thái tử húy Tử Nghiệp, mười sáu tuổi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Cảnh Hòa, sau lại đổi thành Vĩnh Quang. Tháng

mười một năm Ất Tỵ ông bị bọn Chủ Y Nguyễn Điền Phu, Khương Sản Chi giết. Ông ở ngôi một năm, Tương Đông Vương Hoặc lên ngôi.

* **Thái Tông Minh Đế:** Tên là Hoặc, con năm thứ mười một của Văn Đế, được phong làm Tương Đông Vương. Sau khi bọn Thọ Tịch giết Phế Đế, họ đưa ông lên ngôi. Ông ở ngôi bảy năm, thọ ba mươi bốn tuổi. Thái Thỉ bảy năm, Thái Dự một năm.

<i>Ất Tỵ: Tống, Thái Thỉ năm đầu, tháng mười một đổi niên hiệu tức năm Vĩnh Quang của Phế Đế</i>	<i>Ngụy: Hòa Bình năm thứ sáu, tháng năm Đế mất. Ông độ hơn 3.000 Tăng ni, chấn hưng Phật giáo, trùng tu chùa cũ.</i>
<i>Bính Ngọ: Thái Thỉ năm thứ 2</i>	<i>Hiển Tổ Hiến Văn Hoàng Đế Hoằng, con trưởng Cao Tông, lên ngôi lúc mười hai tuổi, Phùng Thái hậu lâm triều thính chính. Thiên An năm đầu, tháng sáu lệnh hết cấm uống rượu.</i>

Sau khi Tương Đông Vương lên ngôi Hoàng Đế, Viên Khải dâng biểu khuyên Tấn An Vương Tử Huân lên ngôi. Kiến Nha ở Tang Vĩ truyền hịch về Kiến Khang. Lúc này Lưu Uyển thống lãnh các tướng giúp ông lên ngôi, và Tấn An Vương Tử Huân lên ngôi Hoàng Đế ở Tầm Dương, đổi niên hiệu Nghĩa Gia. Bốn phương hào sĩ đều theo về Tầm Dương, triều đình chỉ còn mấy quận ở Đan Dương, Hoài Nam. Triều đình sai Kiến An Vương Hư Nhân Đô đốc nắm giữ việc quân, Thẩm Du Chi làm Tầm Dương Thái thú đem quân đánh Tử Huân. Sau đó Lưu Uyển bị Kinh châu tiến quân trưởng sử Trương Duyệt phản trặc giết ông. Các đạo quân đến Tầm Dương, chém Tấn An Vương Tử Huân, đem đầu về Kiến Khang, lúc đó Huân mới mười một tuổi.

* **Đại sĩ Bảo Công:** Ngài húy là Bảo Chí, người đời gọi Bảo Công là tổ ý kính trọng ngài. Móng tay móng chân ngài giống như móng chim ưng. Hồi ấy vợ một người dân họ Dương là Chu thị ở phía Đông Kiến Khang nghe trong tổ chim có tiếng con nít khóc, bà leo lên nhặt về nuôi, coi như con ruột. Đứa trẻ ấy chính là ngài. Năm bảy tuổi ngài theo Tăng Kiện ở Chung Sơn xuất gia, chuyên tu Thiền quán, đến năm này ngài bắt đầu du hóa. Ngài buộc phất tử dài hơn một thước vào đầu gậy rồi vác đi vào trong xóm làng. Có lần gặp người ăn nem cá, ngài xin ăn,

người kia vẫn cho nhưng tỏ ý khinh bỉ. Ngài liền mửa vào trong nước, nem cá bỗng biến thành cá sống bơi lội, nay chính là loài cá Hồi ở các sông. Cuộc đời của ngài có rất nhiều điều thần dị. Ngày tám tháng mười hai năm Thiên Giám năm thứ mười ba đời Lương Vũ Đế, ngài thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Lương Vũ Đế đem hai mươi vạn lượng vàng đổi gò Độc Long ở Chung sơn, Kiến Khang để an táng ngài, dựng tháp năm tầng bên trên, ban lệnh cho Vương Quân soạn bia. Ngày an táng vua xa giá đến cúng, tăng tục đều thờ ngài. Ngài là người có điềm lành ứng hiện đứng vào bậc nhất thiên hạ. Tất cả thi kệ ngài trước tác phần nhiều được chép trong Nam Sử. Ngài soạn Đại Thừa Tán mười thiên, Khoa Tụng mười bốn thiên, cùng những bài ca về mười hai thời, rất thịnh hành ở đời. Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, Đế sai sứ đến thiết trai cúng dường ở Chung sơn, vua đích thân soạn văn tán tưởng niệm, trong ấy có câu: “Từ nay phải nêu cao Thánh tích của ngài, ban hiệu Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát.”

* **Pháp sư Đàm Tông thị tịch:** Ngày một tháng Giêng năm Đại Minh năm thứ hai, Tống Vũ Đế hỏi Đàm Tông: Trẫm có tội gì mà phải nhọc khanh sám hối? Đàm Tông đáp: Vua Thuấn nói: “Ta trái với sự giúp đỡ của ông.” Vua Vũ nói: “Muôn phương có tội đều do mình ta.” Lê đầu bệ hạ khác hai vua ấy chăng? Vũ Đế nghe xong rất vui.

<i>Đình Mùi: Thái Thỉ năm thứ 3</i>	<i>Hoàng Hưng năm đầu</i>
-------------------------------------	---------------------------

Ngụy: Năm Đình Mùi: Phùng Thái hậu giao lại triều chính, Ngụy chủ mới đích thân nắm chánh sự, đổi niên hiệu, chăm lo quốc sự, thưởng phạt công minh, đề bạt người liêm khiết, loại trừ bọn tham ô, nước Ngụy thái bình. Ông dựng chùa Vĩnh Ninh ở Bắc Đài, Trường An, tháp đến bảy tầng, cao ba mươi trượng, lại đúc tượng Phật ở chùa Thiên Cung, cao đến bốn mươi ba thước, dùng hết bảy vạn cân đồng, sáu trăm cân vàng ròng.

<i>Mậu Thân: Thái Thỉ năm thứ tư, Đế dựng xong chùa Thiên Cung</i>	<i>Hoàng Hưng năm thứ 2</i>
<i>Kỷ Dậu: Thỉ Thỉ năm thứ 5</i>	<i>Hoàng Hưng năm thứ 3</i>
<i>Canh Tuất: Thái Thỉ năm thứ 6</i>	<i>Hoàng Hưng năm thứ 4</i>

<i>Tân Hợi: Thái Tử năm thứ 7</i>	<i>Ngụy: Cao Tổ Hiếu Văn Hoàng Đế Hoằng, con trưởng Hiến Văn đế, năm tuổi nhận ngôi, Diên Hưng năm đầu.</i>
-----------------------------------	---

Ngụy: Tháng sáu năm Tân Hợi, Hiến Tổ Hiếu Văn Hoàng Đế Tên là Hoằng là người thông tuệ, mưu lược, cương nghị, quyết đoán, rất thích học thuyết của Nho, Lão, Phật, thường có tâm để lại cho đời, muốn nhường ngôi cho thúc phụ trung đô đại quan Kinh Triệu vương tử Thôi, nhậm thành ương Vân vốn là em của Tử Thôi. Vân nói: Cha truyền cho con, là phép xưa nay, nếu giao cho người trong tộc, sợ rằng trái với ý của Tiên đế. Thế rồi, ông đem ngọc tử của Tiên đế truyền ngôi cho Thái tử Hoằng. Lúc này Thái tử năm tuổi, đổi niên hiệu Diên Hưng. Quần thần tâu: “Xưa Hán Cao Tổ xưng Hoàng Đế, phong cha làm Thái Thượng hoàng, không còn cai quản thiên hạ. Nay Hoàng Đế còn trẻ nhỏ, muôn việc chánh sự vẫn do bề hạ nắm, chỉ truy tôn hiệu Thái Thượng hoàng Đế”. Ông dời về ở trong cung Sùng Quang. Cung này nằm phía Bắc Uyển Trung, dựng tháp Lộc Dã ở Tây sơn của Uyển Trung, ông cùng với tăng, ngày ngày luận lý Thiền.

<i>Nhâm Tý: Thái Dục năm đầu, tháng tư Đế mất, Thái tử lên ngôi, lúc này mới mười tuổi.</i>	<i>Diên Hưng năm thứ hai, Thượng hoàng chinh phạt rợ Nhuyễn Nhuyễn.</i>
---	---

* Tống Minh Đế đúc tượng Phật vàng cao một trượng sáu, buổi sáng thường ăn chay, ngày tụng kinh Bát-nhã, cảm được xá-lợi hiện, ông dựng chùa Hoàng Phố.

* **Thương Ngô Vương:** Tên là Dục, Thái tử của Minh Đế, mười tuổi lên ngôi, trị vì năm, nhiều lần xuất cung du hành. Từ nhỏ ông đã có tính ngỗ nghịch lại thích giết hại. Một ngày không giết hại thì ông bực không vui, lên điện xét việc thường hoảng hốt, ăn xong thường ói mửa. Đêm Mậu Tý tháng bảy năm Đinh Ty, ông sai Tả hữu Dương Ngọc Phù rình xem hễ có cô thợ dệt qua sông là lập tức về báo cho mình, nếu không gặp tất bị ông giết. Đêm đó Ngọc Phù rình xem ông ngủ say mới cùng Dương Vạn Niên giết ông. Ông thọ mười lăm tuổi. Hữu vệ tướng quân Tiêu Đạo Thành theo lệnh Hoàng Thái hậu truy phong ông làm Thương Ngô Vương, đón An Thành Vương Chuẩn lên ngôi Hoàng Đế,

lúc này Chuẩn mới chín tuổi. Niên hiệu Nguyên Huy năm.

<i>Quý Sửu: Nguyên Huy năm đầu</i>	<i>Ngụy: Diên Hưng năm thứ 3</i>
<i>Giáp Dần: Nguyên Huy năm thứ 2</i>	<i>Diên Hưng năm thứ 4</i>

Ngụy: Có người bị cầm tù trong ngục nhiều năm, Quần thần thắc mắc, Thượng hoàng nói: Giam trong ngục thật ra không phải khéo trị, nhưng không phải hơn vôi vàng định tội bữa bãi đó ư? Con người hễ lo khổ thì nghĩ đến điều thiện, người trí lấy nhà tù làm nhà phước, Trầm lao tâm khổ tứ vì họ, muốn cho họ hối cải, càng thêm thương xót, tha thứ cho họ mà thôi.

<i>Ất Mão: Nguyên Huy năm thứ 3</i>	<i>Diên Hưng năm thứ 5</i>
<i>Bính Thìn: Nguyên Huy năm thứ 4</i>	<i>Vĩnh Minh Năm Đầu, Tháng hai Thái Thượng hoàng mất, Phùng Thái hậu lâm triều thính chính</i>

Ngụy: Hiến Tổ Hiến Văn Hoàng Đế dựng chùa Kiến Minh ở Vân Trung, chùa viện bốn phương đến hơn ngàn ngôi, độ bảy mươi bảy vạn Tăng ni.

* **Thuận Đế:** Tên là Chuẩn, tự Trọng Mưu, con năm thứ ba của Minh Đế, được phong làm An Thành Vương. Ông lên ngôi lúc chín tuổi, dùng Tiêu Đạo Thành làm tư không nắm việc Thượng thư. Ông ở ngôi ba năm, thọ mười hai tuổi, niên hiệu Thăng Minh ba năm.

<i>Đình Tỵ: Tống, Thăng Minh năm đầu, Nguyên Huy năm thứ năm, tháng bảy đổi niên hiệu Thăng Minh</i>	<i>Ngụy: Thái Hòa năm đầu</i>
<i>Mậu Ngọ: Thăng Minh năm thứ 2</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 2</i>

Thăng Minh năm thứ hai, hữu trưởng sử Vương Kiệm biết ý của Tiêu Đạo Thành nên báo nghị sứ trung thư xá nhân Ngụ Chính soạn chiếu, phong Đạo Thành làm Hoàng Việt đại Đô đốc trung ngoại chư quân sự Thái phó Lĩnh Dương châu mục. Tháng ba năm Kỷ Mùi phong Thái phó Tiêu Đạo Thành làm tướng quốc, thống lãnh trăm quan, ban

cho mười quận, phong làm Tề Công, sau lại ban cửu tích, tứ hộ (một trong bốn xá nhân, mỗi người ở một tỉnh) phong tước Vương, hạ chiếu phải nhường ngôi cho Tề vương. Tống Đế không chịu ra khỏi cung, Vương Kính Tắc dẫn binh vào điện đường đưa xe tù vào rước Đế. Đế khóc mà nhường ngôi và thề rằng, nguyện kiếp sau, đời đời, chớ sinh lại vào nhà Thiên vương. Trong cung ai nấy gào khóc. Đế ngôi Hòa luân xa đến Đông Đế. Bọn tư không Chử Uyên đem ngọc tử đến Tề Cung, khuyên Tề Vương lên ngôi Hoàng Đế ở Nam Giao, đưa Tống Thuận Đế xuống làm Nhữ Âm Vương, dựng cung Đan Dương đặt quân canh giữ, tin vệ sĩ giết ông mau chóng lan xa. Nhà Tống gồm tám chủ, trị vì năm mười chín năm rồi nhường ngôi cho Tề.

* **Nhà Tề:** Họ Tiêu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Thái tổ Cao Hoàng Đế, Vũ Đế, Uất Lâm Vương, Hải Lăng Vương, Minh Đế, Đông Hôn Hầu, Hòa Đế, cả thảy bảy chủ, trị vì hai mươi ba năm.

- **Thái tổ Cao Hoàng Đế:** Húy Đạo Thành, tự Thiệu Bá, người Lan Lăng, là cháu hai mươi bốn đời của Tiêu Hà nhà Hán. Ông nhận ngôi từ nhà Tống, trị vì bốn năm, thọ năm mươi sáu tuổi, Niên hiệu Kiến Nguyên bốn năm.

<i>Kỷ Mùi: Tề, Kiến Nguyên năm đầu, tức Tống Thảng Minh năm thứ ba, tháng sáu đổi niên hiệu.</i>	<i>Ngụy: Thái Hòa năm thứ 3</i>
<i>Canh Thân: Kiến Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 4</i>
<i>Tân Dậu: Kiến Nguyên năm thứ ba</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 5</i>
<i>Nhâm Tuất: Kiến Nguyên năm thứ tư, tháng ba Đế mất</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 6</i>

Tề Đế trì tụng Bát-nhã, biên chép kinh Pháp Hoa, ngày tám tháng tư ông đúc tượng Phật bằng vàng, rằm tháng bảy ông cúng dường chư tăng khắp các chùa, dựng hai chùa Trắc Dĩ và Chánh Quán.

* **Thế Tổ Vũ Đế:** Húy là Di, tự Tuyên Viễn, con trưởng Cao Đế. Tháng ba năm Nhâm Tuất, ông lên ngôi, trị vì mười một năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Niên hiệu Vĩnh Minh mười một năm.

<i>Quý Hợi: Vĩnh Minh năm đầu</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 7</i>
<i>Giáp Tý: Vĩnh Minh năm thứ 2</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 8</i>

Tề phong Cánh Lăng Vương Tử Lương làm hộ quốc tướng quân kiêm chức Tư Đồ, lãnh binh trấn giữ Tây châu. Tử Lương là người liêm khiết lại còn dốc lòng tìm cầu nhân tài, sùng kính Phật giáo. Hằng ngày ông thường mời Tăng chúng đến luận bàn Phật pháp, vô cùng kính tín Phật pháp. Xưa nay ở Giang Tả chưa từng có ai như ông. Ông từng tự mình nấu cơm, gánh nước cho Tăng chúng.

<i>Ất Sửu: Tề, Vĩnh Minh năm thứ 3</i>	<i>Ngụy: Thái Hòa năm thứ 9</i>
<i>Bính Dần: Vĩnh Minh năm thứ 4</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 10</i>
<i>Đinh Mão: Vĩnh Minh năm thứ 5</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 11</i>
<i>Mậu Thìn: Vĩnh Minh năm thứ 6</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 12</i>
<i>Kỷ Tỵ: Vĩnh Minh năm thứ 7</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 13</i>
<i>Canh Ngọ: Vĩnh Minh năm thứ 8</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 14</i>
<i>Tân Mùi: Vĩnh Minh năm thứ 9</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 15, Văn Minh Phùng Thái hậu mất, Đế theo lễ xưa để tang ba năm</i>
<i>Nhâm Thân: Vĩnh Minh năm thứ 10</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 15</i>

* Ngụy Đế sai quần thần luận về năm thứ tự của Ngũ hành, Trung thư giám Cao Gián Nghị cho rằng, “Đế vương đều lấy Trung Nguyên làm chánh thống, không theo số vận ở đời, lấy việc đoạt thiên ác làm thị phi. Bởi vậy Kiệt Trụ vô cùng bạo ngược nhưng vẫn không bỏ lịch của nhà Hạ nhà Thương; Lệ, Tuệ là hôn quân nhưng vẫn không hại sách mệnh của Chu, Tấn. Tấn nổi nghiệp Ngụy là Kim, Triệu nổi nghiệp Tấn là Thủy, Yên nổi nghiệp Triệu là Mộc, Tần nổi nghiệp Yên là Hỏa. Tần diệt vong, Ngụy mới khởi nghiệp, lập ra Chánh Sóc, hơn nữa Ngụy được mang họ vốn xuất phát từ Hiên Viên. Thần ngu muội cho rằng nên lấy Thổ đức.” Bí thư thừa Lý Bưu, trứ tác lang Thôi Quang v.v... cho rằng, “Thần Nguyên và Tấn Vũ xưa nay kết thân với nhau, đến đời Hoàn, Mục, có chí phụ giúp nhà Tấn, bởi vậy Tư mã Tộ mất ở Giáp Nhục thì Thát Bạt nhận ngôi ở Vân Đại. Xưa Tần thôn tính thiên hạ,

Hán vẫn còn họ Cung Công để sách, cuối cùng kế nghiệp nhà Chu, lấy hiệu Hỏa Đức, hưởng gì họ Lưu, Thạch, Phù đất hẹp vận ngắn, Ngụy cũng vương phải cái tề này, lẽ đâu bỏ Tấn mà lấy Thổ Đức chẳng!”

Từ không Mục Lượng v.v... đều xin Ngụy Đế theo lời bàn của bọn Bưu, và Ngụy Đế hạ chiếu theo nhà Tấn lấy hiệu Thủy Đức. Năm Bính Tý, Ngụy Thái Hòa năm thứ hai mươi, đế hạ chiếu cho rằng người phương Bắc bảo Thổ Đức là họ Thát họ Bạt, tiên tổ của Ngụy xuất phát từ Hoàng Đế, theo Thổ Đức Vương nên là họ Thát Bạt. Phàm Thổ là màu trong màu vàng (Hoàng) là cội nguồn của vạn vật, nên đổi thành họ Nguyên. Các công thần cựu tộc mang họ từ đời trước hoặc họ kép nay đều đổi hết. Thế rồi Ngụy Đế bắt đầu đổi họ Bạt Bạt thành họ Trường Tôn, đổi Lệ Hê thành họ Hê, đổi Ất Chiên thành Thúc Tôn, Khâu Mục Lãng thành họ Mục, Bộ Lục Cô thành họ Lục, Hạ Lại thành họ Hạ, Độc Cô thành họ Lưu, Hạ Lô thành họ Lô, Vật Nữ Vu thành họ Vu, Uất Trì thành họ Uất, những họ còn lại đều được đổi nhiều không kể hết. Đến Tây Ngụy Cung Đế Quách bỏ niên hiệu chỉ đọc lấy năm, lấy lại họ Thát Bạt, chín mươi chín họ trước đây được đổi thành họ đơn (chỉ lấy một chữ) nay đều khôi phục lại như cũ. Năm Giáp Tuất, Ngụy Đế về Nam, ngang qua mộ của Tỷ Can, dùng lễ Thái lao tế, tự soạn văn tế trong đó có câu: “Than ôi! Giới Thát lẽ đâu chẳng phải bề tôi của ta!”

<p><i>Quý Dậu: Tề: Vĩnh Minh năm thứ 11, tháng bảy Đế mất</i></p>	<p><i>Ngụy: Thái Hòa năm thứ mười bảy, Đế thấy Bình Thành lạnh, tháng sáu lại có tuyết rơi; tháng mười một ông đến đất Nghiệp bàn việc dời đô. Lạc Dương Bình Thành nay là Tây Lương lộ.</i></p>
---	--

Tề: Uất Lâm Vương húy Chiêu Nghiệp, cháu Hoàng Thái Tổ, con trưởng của Thái tử Văn Tuệ. Tháng bảy năm Quý Dậu, ông lên ngôi, tháng giêng năm Mậu Tuất ông đổi niên hiệu Long Xương. Ông không lo liệu triều chính, phóng túng vô độ, Tây Xương Hầu Loan can gián nhưng ông không nghe lại còn muốn giết Loan. Tháng bảy Loan dẫn quân vào Vân Long Môn giết ông ở Tây Lộng, theo lệnh Thái hậu truy phế ông xuống chức Uất Lâm Vương, đón con năm thứ hai của Văn Tuệ là Tân An Vương Chiêu Văn lên ngôi Hoàng Đế. Lúc này văn mười lăm tuổi, đổi niên hiệu Diên Hưng, phong Loan làm Tuyên Thành quận

công, tước Thái phó Tuyên Thành Vương. Tháng mười, Thái hậu ra lệnh, Thái phó Tuyên Thành Vương nên vào nhận ngôi báu, phế Văn làm Hải Lăng Vương. Tháng mười một, Hải Lăng Vương Mất.

* **Cao Tông Minh Đế:** Tên là Loan, anh của Thái Tổ. Hồi ấy con của An Chân Vương từ nhỏ mồ côi, Cao Đế nuôi nấng coi như con mình, phong ông làm Tây Xương Hầu, ông ở ngôi năm, thọ bốn mươi tuổi. Niên hiệu Kiến Vũ bốn năm, Vĩnh Thái một năm.

<i>Giáp Tuất: Kiến Vũ năm đầu, tháng mười đối niên hiệu</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 18, tháng mười một Đế đến Lạc Dương</i>
<i>Ất Hợi: Kiến Vũ năm thứ 2</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 19</i>

Ngụy Đế đi Lễ cúng tế Khổng Tử, chọn một người trong con cháu Khổng Tử phong làm Sùng Thánh Hầu để tế tự Khổng Tử. Vua xa giá đến chùa Bạch Tháp ở Từ Châu. Chùa có pháp sư Đạo Đăng nhập diệt, đế hạ chiếu viếng tang, ban cấp ngàn tấm lụa, cúng dường tất cả tăng, mở đạo tràng kỳ siêu bảy ngày ở kinh thành.

<i>Bính Tý: Kiến Vũ năm thứ 3</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 20, Ngụy đổi họ Nguyên</i>
-----------------------------------	--

Tề: Thích Tuệ Cơ được Minh Hoàng Đế hai lần hạ chiếu thỉnh nhưng ngài không vào cung mà đến Quy Sơn, Hội Ấp dựng tinh xá Bảo Lâm. Ngài từng soạn Pháp Hoa Sơ Nghĩa cho Văn Tuyên Vương. Tháng mười một, ngài nhập diệt, thọ tám mươi lăm tuổi.

<i>Đinh Sửu: Kiến Vũ năm thứ 4</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 21, Đế lập con là Kháp làm hoàng Thái tử</i>
------------------------------------	--

Ngụy: Thiên sư Phật-đà (Hán dịch Giác Thủ) người Trung Ấn, Tây Trúc. Sư rất thích cảnh trí Tung nhạc, Đế liền cho dựng chùa Thiếu Lâm trên Thiếu Thất sơn để Sư ở. Đệ tử của Sư có Tăng Trù, Tuệ Quang.

<i>Mậu Dần: Vĩnh Thái năm đầu, tháng bảy Đế mất</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 22</i>
---	----------------------------

Tề Đế khi còn ở ngôi thường trì trai, tu Thập thiện, tụng kinh Pháp Hoa, Bát-nhã, dựng chùa Quy Y, đúc ngàn tượng Phật bằng vàng, chép kinh Phật

* **Đông Hôn Hậu:** Tên Bảo Quyển, con năm thứ ba của Minh Đế. Tháng mười, niên hiệu Kiến Vũ năm đầu, ông được lập làm hoàng Thái tử rồi lên ngôi Hoàng Đế, nhưng ông không có đức, ở ngôi hai năm, sau bị giết, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Vĩnh Nguyên hai năm.

<i>Kỷ Mão: Vĩnh Nguyên năm đầu</i>	<i>Thái Hòa năm thứ hai mươi ba, tháng tư Hiếu Văn Đế mất</i>
------------------------------------	---

Ngụy Đế dựng chùa An Dương ở đất nghiệp, cúng dường trai tăng. Trong Lục cung những thị tỳ giữ lục trai, tinh tấn tụng kinh, mến mộ Phật đạo đều cho xuất gia. Đế độ cả thầy một vạn bốn ngàn người.

<i>Canh Thìn: Tề: Vĩnh Nguyên năm thứ hai, tháng mười hai Đế bị giết</i>	<i>Ngụy: Thế Tông Tuyên Vũ Đế Kháp, con năm thứ hai của Hiếu Văn Đế lên ngôi. Cảnh Minh năm đầu.</i>
--	--

Lúc này Thôi Tuệ cảnh chiếm cứ Quảng Lăng và làm phản, Kinh châu Thứ sử Tiêu Ý đem quân đến đánh giết Tuệ Cảnh. Đế phong Ý làm Thượng thư lệnh. Bọn sủng thần Nhự Pháp Trân ghét quyền uy của Ý nên gièm pha Ý với Đế. Tháng mười, Đế ban cho Ý phải chết. Ý nói: “Em của thân ở Ung châu, rất lo lắng cho triều đình”. Em của Ý là Tiêu Diễn làm Thứ sử trong Ung châu, hôm đó tại Tương Dương nghe tin anh chết, liền triệu tập quân ở Kiến Nha, Đế sai Tiêu Dĩnh Vị đem quân đến đánh họ. Dĩnh Vị liền kết hợp với Diễn, tháng ba năm sau, họ đưa Nam Khang Vương lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, đổi niên hiệu Trung Hưng, phong Tiêu Diễn làm chinh Đông đại tướng quân Đô đốc chinh thảo chư quân sự, cầm cờ tiết búa việt đến thẳng Kiến Khang. Tháng mười hai, Đế bị giết. Diễn theo lệnh Tuyên Đức Thái hậu phế đế xuống làm Đông Hôn Hậu.

* **Hòa Đế:** Húy Bảo Dung, con năm thứ tám của Minh Đế được làm Nam Khang Vương, ra làm Kinh châu Thứ sử. Tháng ba năm Tân Ty, ông lên ngôi Hoàng Đế. Tháng giêng năm Nhâm Ngọ, ông hạ chiếu cử đại Tư mã Tiêu Diễn làm tướng quốc quản lý trăm quan, rồi được

phong Dương châu mục ban mười quận, tước Lương Công, lại ban cho cửu tích. Tháng giêng Diễn được phong Vương. Đế về đông, đến Cô Thục (Giang Đông, Thái Bình lộ) hạ chiếu nhường ngôi cho Lương Vương. Lương Vương lên ngôi Hoàng Đế, đưa Đế xuống làm Ba Lăng Vương. Sau đó thì giết. Ông ở ngôi một năm, thọ mười sáu tuổi.

<i>Tân Ty: Trung Hưng năm đầu, tháng ba Đế lên ngôi, tháng hai năm sau nhường ngôi cho Lương</i>	<i>Ngụy: Cảnh Minh năm thứ 2</i>
--	----------------------------------

Nhà Tề gồm bảy chủ, trị vì tổng cộng hai mươi ba năm rồi nhường ngôi cho Lương.

* Lương: Họ Tiêu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Cao Tổ Vũ Đế, Thái Tông Giản Văn Đế, Thế Tổ Nguyên Đế, Kính Đế.

* **Cao Tổ Vũ Đế:** Húy là Diễn, tự Thúc Đạt người Lan Lăng, làm quan cho Tề, được phong Lương Vương, nhận ngôi từ Tề, ở ngôi bốn mươi tám năm thọ tám mươi sáu tuổi. Niên hiệu Thiên Giám mười tám năm, Phổ Thông bảy năm, Đại Thông hai năm, Trung Đại Thông sáu năm, Đại Đồng mười một năm, Trung Đại Đồng một năm, Thiên Thanh ba năm.

<i>Nhâm Ngọ: Lương, Thiên Giám năm đầu, tháng hai đổi niên hiệu, hạ chiếu cho Đại Sĩ Bảo Công hoàng hóa, không ngăn cấm nữa</i>	<i>Ngụy: Cảnh Minh năm thứ 3</i>
<i>Quý Mùi: Thiên Giám năm thứ 2</i>	<i>Cảnh Minh năm thứ 4</i>

* Pháp sư Vân Quang ở chùa Pháp Vân, Kiến Khang, lúc giảng kinh thường có hoa trời tuôn xuống như tuyết. Đế đốt sớ trong trận Hàm Quang để thỉnh Vân Quang Chí Công. Sáng hôm sau, Chí Công đến. Đế hạ chiếu gọi ngài là Đại sĩ Bảo Chí và nói: Dấu tích còn trong trần ai nhưng thần thức dạo chơi trong cõi minh tịch, nước chẳng nhận chìm, lửa chẳng đốt cháy, rắn cạp không thể tổn hại ngài được. Bàn về Phật lý thì từ Thanh văn trở lên, luận về kẻ ẩn thì từ độn tiên lên nữa, lẽ đâu có thể đem thế tục pháp, tình tâm thường mà nghi kỵ ngài chẳng! Từ nay cho phép ngài mặc tình hoàng hóa.

* **Từ Bi Sát Pháp:** Lương Đế lúc còn làm Ung châu Thứ sử, phu

nhân Hy thị là người tánh hay đổ ky, sau khi chết, bà hóa thành con mãng xà to bò vào trong hậu cung, báo mộng cho Đế tìm cách cứu thoát mình. Đế đọc kinh Phật, chế Đạo Tràng Từ Bi Sám Pháp mười quyển thỉnh tăng sám lễ. Phu nhân thoát ác báo thiên sinh, từ trong không bà tạ ơn Đế rồi đi. Sám pháp ấy lưu hành ở đời, đó là Lương Hoàng Sám.

<i>Giáp Thân: Thiên Giám năm thứ 3</i>	<i>Ngụy: Chánh Thử năm đầu</i>
--	--------------------------------

Ngày tám tháng tư, Lương Đế triệu tập đạo tục trong điện Trùng Vân bày tỏ ý nguyện cầu sám của mình. Ông tự tay soạn văn phát nguyện, phụng Phật Tam bảo, dựng chùa Quang Trạch ngay phủ đệ này, đúc tượng Phật lớn bằng vàng, đồng phụng thờ ở đây.

<i>Ất Dậu: Lương, Thiên Giám năm thứ 4</i>	<i>Ngụy: Chánh Thử năm thứ 2</i>
--	----------------------------------

* **Đại trai đàn Thủy lục ở Kim Sơn:** Hồi ấy, Lương Đế nằm mộng thấy vị Tăng đến nói với mình: “Bốn loài chúng sinh trong sáu đường chịu đại khổ não, sao ông chẳng mở đại trai đàn Thủy Lục để cứu vớt chúng nó?” Đế tỉnh dậy, hỏi chư Sa-môn, Bảo Chí nói: “Cứ tìm kinh mà đọc thì ắt biết cách.” Đế lật kinh ra đọc chí thành rồi soạn ra nghi thức bặt độ, ba năm mới xong. Đêm ấy ông cầm nghi thức đứng trước đèn rồi bạch Phật: “Nếu lý trong nghi này hợp với phép tắc của Thánh nhân thì nguyện khi con lạy xong, đèn này tự sáng. Nếu nghi thức chưa tinh tường, thì đèn vẫn tắt như cũ”. Nguyện xong ông lạy một lạy, quả nhiên đèn đuốc tự sáng. Đến ngày mười lăm tháng hai năm này, ông mở Đại trai đàn trong chùa Kim Sơn, Trấn Giang ngày nay. Đế ngồi dưới đàn tràng, tuyên chiếu thỉnh Luật sư Hựu đọc nguyện văn nghi thức. Lễ bặt độ lợi lạc khắp hữu tình trong u minh. Nghi thức ấy đến nay chư Tăng vẫn duy trì.

<i>Bính Tuất: Thiên Giám năm thứ năm, Lương Thái tử Thống mới năm tuổi nhưng đã đọc khắp Ngũ Kinh</i>	<i>Chánh Thử năm thứ 3</i>
<i>Đinh Hợi: Thiên Giám năm thứ 6</i>	<i>Chánh Thử năm thứ 4</i>

Lương Đế nhờ thần lực của Bảo Chí thấy được nỗi khổ trong địa ngục, ông hỏi Bảo Chí dùng cách gì để cứu khổ ấy, Bảo Chí đáp: “Chỉ khi nghe được tiếng chuông, nỗi khổ chúng sinh mới được tạm nghỉ.” Thế rồi, ông hạ chiếu cho khắp tự viện trong nước đánh đại hồng chung phải thật chậm và lâu.

<i>Mậu Tý: Thiên Giám năm thứ 7</i>	<i>Vĩnh Bình năm đầu</i>
<i>Kỷ Sửu: Thiên Giám năm thứ 8</i>	<i>Vĩnh Bình năm thứ 2</i>

Ngụy: Ngụy Đế hạ chiếu thỉnh Tây Trúc Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi (Hán dịch là Giác Hy) ở trong điện Tử Cực để dịch luận. Ngụy Đế giảng kinh Duy-ma trong điện Thức Càn. Lúc này triều Ngụy rất kính tín Phật giáo. Ở Lạc Dương, ngoài Sa-môn Trung Quốc ra, còn có hơn ba ngàn Sa-môn từ Tây Vực sang. Đế dựng riêng chùa Vĩnh Minh lập hơn ngàn phòng ốc để họ ở. Trong niên hiệu Diên Xương, các châu quận có đến một vạn ba ngàn ngôi chùa, hai trăm vạn Sa-môn.

<i>Canh Dần: Thiên Giám năm thứ chín, Đế thỉnh Sa-môn Bảo Xương soạn Danh tạng truyện gồm 81 quyển</i>	<i>Ngụy: Vĩnh Bình năm thứ 3</i>
--	----------------------------------

Lương Đế dựng chùa Đại Ái Kính ở Chung Sơn, cúng dường cả ngàn tăng để cầu phước cho Thái tử Văn Hoàng Đế. Hiến Thái hậu dựng chùa Đại Trí Độ ở bờ Tây Thanh Khê để chư ni giảng đọc Kinh Luận trong bốn mùa.

<i>Tân Mão: Thiên Giám năm thứ 10</i>	<i>Vĩnh Bình năm thứ 4</i>
---------------------------------------	----------------------------

Lương Vũ Đế sai Hác Khiên v.v... sang Tây Trúc rước tượng Phật bằng Chiên-đàn. Vua xứ này mô phỏng tượng rồi khắc cho Khiên một pho. Năm này Khiên về Kiến Khang, Đế nghinh tượng an trí trong điện Thái cực, lập trai đàn độ Tăng, đại xá tử tội. Từ đó Vũ Đế ăn chay, đoạn nghiệp dâm.

<i>Nhâm Thìn: Thiên Giám năm thứ 11</i>	<i>Diên Xương năm đầu</i>
---	---------------------------

* **Phó Đại Sĩ:** Ngài sinh trưởng trong nhà Phó Tuyên Từ ở làng Song Lâm huyện Ô Nghĩ, Vụ châu, vào ngày tám tháng năm niên hiệu Kiến Vũ năm thứ tư đời Tề Minh Đế. Ngài tên là Hấp, tự Huyền Phong, hiệu Thiện Tuệ. Năm Nhâm Thìn này ngài tròn mười sáu tuổi. Vợ ngài họ Lưu, có hai người con là Phổ Kiến và Phổ Thành. Nhà Lương, niên hiệu Phổ Thông năm đầu, ngài hai mươi bốn tuổi, một lần nhân xách nước bên bờ đê Khế Đình, Tây Vực Sa-môn Tung Đầu-đà dẫn ngài xuống bên sông soi mặt, ngài thấy mình có hào quang bao phủ, đệ tử rất đông, nhân đó tâm tỉnh ngộ bèn lên ngọn Tung sơn vào nơi rừng rậm dựng am mà ở, lấy tên là Song Lâm, lấy hiệu là Song Lâm Thọ Hạ Đường Lai Giải Thoát Thiện Tuệ Đại Sĩ. Ngài trồng rau dưa, làm thuê cho người khác, ban đêm về cốc cùng vợ là Diệu Quang luận bàn Phật pháp, cứ thế khổ hạnh suốt bảy năm. Đến năm Đại Thông năm thứ hai, đệ tử mỗi ngày một đông, Đại sĩ muốn giáo hóa chúng sinh, nên giáo hóa vợ con bán mình để mở đại hội. Niên hiệu Trung Đại Thông năm thứ sáu, Đại Sĩ sai đệ tử Phó Vãng vào cung dâng thư. Lương Vũ Đế hạ chiếu mời ngài vào. Tháng mười hai nhuận, ngài đến Kiến Khang, Đế nghe Đại Sĩ là người thần dị, bèn ra lệnh khóa hết cửa. Đại Sĩ dùng chày gõ gõ vào một cửa, các cửa khác đều mở toang ra, vào thẳng Thiện Ngôn điện. Đế hỏi:

- Thầy thờ thầy nào?

Ngài đáp:

Theo người chẳng có gì để theo, thầy chẳng có gì làm thầy, thờ chẳng có gì để thờ.

Đế đãi cơm ngài xong, lên chùa Định Lâm ở Chung sơn hạ chiếu chu cấp cho ngài. Đại Đồng năm thứ năm, Đại sĩ lại vào kinh đô. Tháng ba Đế triệu ngài vào điện Thọ Quang cùng luận chân đế. Đại sĩ nói: “Dứt mà không diệt”. Đế lại thỉnh ngài giảng kinh Kim Cang, Đại sĩ vỗ bàn một cái rồi đứng dậy. Đế không hiểu, thỉnh giảng tiếp. Đại sĩ liền đập bàn rồi thăng tòa xưng bốn mươi chín bài tụng rồi đi. Những bài tụng ấy nay vẫn còn lưu hành.

Một hôm Đại sĩ đội mũ, đắp y, mang giày. Đế hỏi: Ông là tăng ư? Ngài lấy tay chỉ lên mũ. Đế hỏi: Ông là đạo ư? Ngài lấy tay chỉ xuống giày. Đế hỏi: Ông là tục ư? Ngài lấy tay chỉ nạp y rồi cáo từ về núi. Đại Đồng thứ mười, Đại sĩ mở Đại pháp hội nhằm sám hối tội khổ cho hết thảy chúng sinh, mau được giải thoát. Đại sĩ cho rằng kinh Phật quá nhiều, phần đông khó ai xem hết, nên dựng một cái khám to, chính giữa là một trụ lớn, mở rộng tám phía (nhà Bát Giác) rồi chất đầy kinh trong

đó, lấy tên là Luân Tạng. Đại Sĩ lập nguyện: Người lên cửa tạng ta, đời đời kiếp kiếp không mất thân người, người phát tâm Bồ-đề hay xô ngã Luân Tạng thì công đức ngang bằng với người trì tụng kinh. Ngày nay trong Luân tạng dựng tượng Đại sĩ khởi nguyện từ đó.

Tháng tư niên hiệu Đại Kiến năm đầu, đời Trần Tuyên Đế, Đại Sĩ dặn dò hai Pháp sư Phổ Kiến, Phổ Thành: Ta từ cõi trời năm thứ tư xuống đây vì độ chúng sinh, các ông phải cẩn thận ba nghiệp, siêng tu lục độ, thực hành pháp sám hối, khởi đạo trong tam đồ. Đến ngày hai mươi bốn, Đại sĩ nhập diệt, thọ bảy mươi ba tuổi, trà-tỳ thâu xá-lợi an táng ở Song Lâm, ngày nay thành Đại đạo tràng. Những kệ ngữ của ngài đều lưu hành ở đời. Ngài từng soạn bài minh nói về Tâm Vương. Trong ấy ghi:

*Quán tâm không vương
Mâu nhiệm khó lường
Không danh không tướng
Có đại thần lực.
Hay diệt ngàn ương
Thành tựu muôn đức
Thể tánh tuy không
Hay bày phép tắc.
Quán thì không hình
Gọi thì không tiếng
Là tướng đại pháp
Tâm giới truyền kinh.
Vị mặn trong nước
Màu xanh trong keo
Nhất định là có
Nhưng chẳng thấy hình.
Tâm vương cũng vậy
Ở ngay trong thân
Vào ra nơi mặt
Ứng vật tùy hình.
Tự tại không ngại
Làm nên mọi thứ
Rõ gốc tâm thức
Biết tâm thấy Phật.
Tâm này là Phật
Phật này là tâm*

Niệm niệm Phật tâm
Phật tâm niệm Phật.
Muốn tâm thành tựu
Giới tâm tự luật
Tịnh luật tịnh tâm
Tức tâm là Phật.
Ngoài tâm vương này
Không có Phật khác
Muốn cầu thành Phật
Chớ nhiễm một vật.
Tâm tánh tuy không
Thể tham sân thật
Vào pháp môn này
Ngồi ngay thành Phật.
Đến bờ kia rồi
Được Ba-la-mật
Chân sĩ mộ đạo
Tự quán thân mình.
Biết Phật ở trong
Chẳng tìm bên ngoài.
Ngay tâm là Phật
Ngay Phật là tâm
Tâm sáng biết Phật
Biết rõ thức tâm.
Lìa tâm chẳng Phật
Lìa Phật phi tâm
Phi Phật chẳng lường
Chẳng gì gánh vác.
Chấp không trệ tịch
Vì thế trầm luân
Chư Phật Bồ-tát
Tổ nên an tâm.
Đại sĩ sáng tâm
Ngộ huyền âm này
Tánh thân tâm diệu
Dùng không thể đổi.
Cho nên người trí
Buông tâm tự tại

Chớ nói tâm vương
 Rỗng không thể tánh.
 Hay khiến sắc thân
 Tọa tà làm chánh
 Chẳng có chẳng không
 Ẩn hiển bất định.
 Tâm tánh tuy không
 Hay tạo phàm Thánh
 Vì thế khuyên nhau
 Gắng mà giữ gìn.
 Sát-na tạo tác
 Trở lại trầm luân
 Thanh tịnh tâm trí
 Chẳng khác vàng ròng.
 Pháp tạng Bát-nhã
 Điều trong thân tâm
 Pháp tạng vô vi
 Không sâu không cạn.
 Chư Phật Bồ-tát
 Rõ bản tâm này
 Người có duyên gặp
 Chẳng xưa, nay, sau.

Quý Tỵ: Lương, Thiên Giám năm thứ 12	Ngự: Diên Xương năm thứ 2
Giáp Ngọ: Thiên Giám năm thứ 13	Diên Xương năm thứ 3
Ất Mùi: Thiên Giám năm thứ 14	Ngự: Diên Xương năm thứ tư, tháng giêng Đế mất, Thái tử Hủ lên ngôi mới sáu tuổi, mẹ tôn Hồ thị làm Hoàng Thái hậu lâm triều thính chính

* **Tụng kinh kéo dài tuổi thọ:** Pháp sư Thích Trí Tạng hồi ấy vân du đến Kiến Khang, Lương Đế cho triệu kiến rất kính lễ ngài. Lương Vũ Đế lập chùa tháp Khai Thiện cho Bảo Chí và mời ngài đến đó ở. Trí Tạng gặp dị nhân nói với mình: “Thầy chỉ thọ ba mươi một tuổi.” Tạng bèn dốc tâm tu tập, chuyên tụng kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Đến năm phải chết, ngài lại nghe trong hư không có tiếng nói: “Nhờ sức của Bát-nhã, Thầy thọ gấp đôi.” Quả nhiên Trí Tạng thọ sáu mươi hai tuổi. Lương Vũ Đế hạ chiếu an táng ngài bên trái chùa Bảo Công trên Độc Long Sơn. Từ đó, đạo tục ở Giang Tả đều trì tụng kinh Kim Cang Bát-nhã.

<i>Bính Thân: Thiên Giám năm thứ 15</i>	<i>Ngụy: Túc Tông Hiếu Minh Đế Hử con năm thứ hai của Tuyên Vũ Đế lên ngôi. Hy Bình năm đầu</i>
---	---

Ngụy: Thế Tông Tuyên Vũ Đế dựng chùa Diệu Quang chưa xong, năm này Hồ Thái hậu dựng chùa Vĩnh Ninh, cả hai chùa đều ở bên cung. Thái hậu lại dựng chùa Thạch Quật ở Y Khuyết Khẩu, đúc mười tượng vàng cao một trượng sáu, mười tượng cao bằng người thường, hai tượng bằng ngọc, lập tháp chín tầng, cao chín mươi trượng, trên có mái cao mười trượng đêm khuya tiếng kinh tiếng mõ vang xa đến mười dặm. Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tháp miếu hưng thịnh chưa lúc nào bằng lúc này.

* **Tượng Đá:** Tượng Phật bằng đá cao mười trượng ở chùa Ân Nhạc, Việt châu nhà Lương. Hồi ấy trong năm Kiến Vũ đời Tề Minh Đế, Tăng, Hộ phát thảo làm, đục hoàn thành khuôn mặt thì ngài mất. Kế đó có Tăng Thục làm tiếp nhưng vẫn chưa hoàn thành. Đến năm này, Kiến An Vương bỏ vàng ra ủy thác cho Tăng Hựu hoàn thành pho tượng.

<i>Đình Dậu: Thiên Giám năm thứ 16</i>	<i>Ngụy: Hy Bình năm thứ 2</i>
--	--------------------------------

* **Phật Danh:** Lương Vũ Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tăng Thiệu soạn Chúng Kinh Mục Lục bốn quyển, thỉnh Sa-môn Bảo Xướng soạn Tỳ-kheo ni truyện bốn quyển, lại soạn Chúng Kinh Phật Danh ba quyển.

Tháng ba Lương Vũ Đế hạ chiếu cấm thợ may cuốn vải có hoa văn gấm, cấm cắt đứt hình người, thú, chim muông. Vì làm vậy là trái với đạo nhân thứ.

Cúng chay: Tháng tư Lương Vũ Đế hạ chiếu: Tông miếu dùng sinh vật cúng tế càng làm lụy thêm oan linh, nên dùng bột nặn hình mà cúng. Bát tòa trong triều đều bàn lấy đại bô (thịt luộc chín, nêm) để thay thế Nhất Nguyên Đại Vũ. Tháng mười Đế hạ chiếu cho Tông miếu còn dùng thịt chín cúng tế là không được phải đổi luôn, thế là dùng đại bình (bánh bột) thay thế đại bô, còn các thứ khác đều dùng rau quả. Ngày nay ai muốn luận về ăn chay ăn mặn đều căn cứ ở đây.

<i>Mậu Tuất: Thiên Giám năm thứ 17</i>	<i>Thần Quy năm đầu</i>
--	-------------------------

* **Hoàng Minh Tập:** Nhà Lương, Luật sư Tăng Hựu hoàng hóa Lu-ật tạng từ đời Tề, đến lúc này Đế rất cung kính ngài. Ngài cao tuổi chân bị bệnh, nên Đế sai người dìu ngài vào trong điện truyền giới cho Lục cung. Ngài tịch ngày hai mươi sáu tháng năm, thọ bảy mươi bốn tuổi. Những tác phẩm do ngài soạn gồm: Tam Tạng Ký, Pháp Uyển Ký, Thế Giới Ký, Thích-ca Phổ, Hoàng Minh Tập v.v... đều lưu hành ở đời.

<i>Kỷ Hợi: Thiên Giám năm thứ 18</i>	<i>Thần Quy năm thứ 2</i>
--------------------------------------	---------------------------

* **Biệt hiệu của Pháp sư Tuệ Ước:** Lương Đế nói: Đạo nhờ người hoàng hóa, lý không phải trao sông, giáo hóa phải tận tâm, dân tin mới đứng vững được. Pháp sư Tuệ Ước, đức vượt người đời, đạo trùm U Minh. Ngày tám tháng tư thỉnh Sư vào điện Đăng Giác để truyền Bồ-tát giới, đồng thời mở vô giá pháp hội.

Từ khi thọ giới xong, Vũ Đế ngày ăn một bữa, chỉ ăn rau dưa, nơi ông ở ngủ thanh tịnh như Sa-môn. Năm Phổ Thông năm thứ tư, Đế ra lệnh cho mọi người không được gọi đích danh của ngài, mà vua ban cho một biệt hiệu là Trí Giả. Chư tăng có biệt hiệu bắt đầu từ ngài. Ngày sáu tháng chín niên hiệu Đại Đồng năm đầu, Trí Giả Tuệ Ước Quốc Sư tịch thọ tám mươi bốn tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ. Đế mặc đồ tang đến điếu, khóc thương, không thiết triều bảy ngày. Ngày hai mươi chín tháng đó, Đế hạ chiếu an táng ngài bên trái mộ Bảo Chí ở Độc Long Sơn. Hơn bốn vạn tám ngàn người theo ngài thọ giới đã mặc tang phục

khóc than đưa tiễn. Năm Đại Đồng năm thứ hai, Đế hạ chiếu đổi nơi ngài ở là làng Trúc Sơn thành làng Trí Giả.

* **Cao Tăng Truyện:** Lương Vũ Đế sai ngự sử Bùi Tử Dã soạn Danh Tăng Truyện hai mươi quyển. Thích Tuệ Hạo ở Cối Kê soạn Cao Tăng Truyện mười bốn quyển, bắt đầu từ năm Vĩnh Bình nhà Hán kết thúc trong năm này cả thảy hơn bốn trăm năm mươi năm, có hai trăm năm mươi bảy người, thêm vào đó có thêm hai trăm người nữa, được nhập Đại Tạng lưu hành.

+ **Ngụy:** Hồ Thái hậu ra lệnh cho các châu, mỗi châu dựng tháp năm tầng, các vương hầu quý tộc mỗi người phải dựng chùa ở Lạc Dương. Thái hậu rất siêng năng lập hội trai cúng thí.

<i>Canh Tý: Lương, Phổ Thông năm đầu</i>	<i>Chánh Quang năm đầu</i>
--	----------------------------

Ngụy Đế: Đế đội mũ miện, thỉnh Sa-môn Đàm Vô Tối, Đạo sĩ Khương Bân giảng đạo trong cung.

Tổ năm thứ hai mươi tám Tây Thiên, Sơ tổ của Đông bộ: Bồ-đề Đạt-ma.

Ngài thuộc dòng họ Sát-đế-lợi, con năm thứ ba của quốc vương Hương Chí người Nam Thiên Trúc. Ngài vốn tên là Bồ-đề-đa-la. Tổ năm thứ hai mươi bảy Bát-nhã Đa-la đến nước này, được phụ vương Hương Chí cúng dường một hạt châu. Tổ đem hạt châu này để nghiệm trí của ngài. Tổ bảo ngài: Đối với pháp, ông đã được thông lượng, phàm Đạt-ma có nghĩa là thông đại, nên đặt tên ông là Bồ-đề Đạt-ma.

Ngài hỏi Tổ:

Sau khi đắc pháp, con sẽ đến nước nào làm Phật sự? Tổ đáp: Tuy ông đắc pháp nhưng chưa thể đi xa, nên ở lại Nam Thiên đợi ta diệt độ sáu mươi bảy năm rồi hãy qua nước Chấn Đán mở đại pháp lạc, người được Bồ-đề thật không kể hết.

Thế rồi ngài theo Tổ thọ học giáo nghĩa, chuyên tâm hầu hạ suốt bốn mươi năm. Sau khi Tổ quy tịch, ngài hoằng hóa ở nước này. Bấy giờ có hai Đại sư, một người tên Phật Đại Tiên, người kia tên Phật Đại Thắng Đa đều theo học thiền quán Tiểu thừa với Phật-đà Bạt-đà. Phật-đà Tiên đã gặp Tôn giả Bát-nhã-đa-la, bỏ Tiểu thừa quy hướng Đại thừa, cùng hoằng hóa với Đạt-ma, được gọi là “Hai cửa Cam lồ.” Nhưng Phật Đại Thắng Đa lại chia đồ chúng làm sáu tông là Hữu tướng

tông, Vô tướng tông, Định tuệ tông, Giới hạnh tông, Vô đắc tông, Tịch tĩnh tông. Mỗi tông đều đề cao kiến giải của mình, tự xiển dương giáo nghĩa của mình. Đạt-ma than sáu tông ấy rơi vào tà kiến, lần lượt đến từng tông khai hóa họ. Sáu chúng tỏ ngộ, phát nguyện quy y. Bảy giờ quốc vương Di Kiến vốn là cháu ngài, ban đầu tin theo ngoại đạo, Đạt-ma giáo hóa khiến quốc vương cải tà quy chánh. Sau đó, ngài nghĩ nhân duyên qua Chấn Đán hoàng hóa đã đến, nên từ biệt quốc vương. Quốc vương sắm thuyền to, chất đầy trân bảo, thuyền vượt biển khơi. Qua ba lần chịu nóng chịu rét thuyền mới đến Nam Hải. Bảy giờ nhằm ngày hai mươi mốt tháng chín niên hiệu Phổ Thông năm đầu, nhà Lương. Quảng châu Thứ sử Tiêu Ngang đón tiếp ngài và tâu về triều. Lương Vũ Đế xem tấu biểu xong sai sứ đến thỉnh. Ngày một tháng mười năm sau, ngài đến Kiến Khang, Đế hỏi ngài:

Từ khi lên ngôi đến nay Trẫm dựng chùa, chép kinh, đong không kể hết, vậy có công đức gì?

Ngài đáp:

Đây chỉ là tiểu quả trời người, như bóng theo hình, tuy có nhưng không thật.

Đế hỏi:

Thế nào là công đức chân thật?

Ngài đáp:

Tịnh trí diệu viên, thể tự rỗng rang vắng lặng.

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

- Rỗng rang không Thánh.

- Đối diện Trẫm là ai?

- Không biết.

Đế không lãnh ngộ, ngài biết căn cơ không khế hợp, nên ngày mười chín tháng đó, ngài lên đến Giang bắc, ngày hai mươi ba tháng mười một thì đến Lạc Dương, nhằm niên hiệu Chánh Quang năm thứ hai đời Ngụy Hiếu Minh Đế, ngụ ở chùa Thiếu lâm trên Tung Sơn, cả ngày ngồi quay mặt vào vách. Ngụy Minh Đế ba lần hạ chiếu thỉnh ngài nhưng ngài không đến. Đế sai người mang tặng ca-sa, ngài cũng không nhận, sứ đi đi về về đến ba lần, Đế ép ngài nhận.

Bảy giờ có tăng Thần Quang là người đọc khắp sách sử, giỏi luận lý mâu, nghe ngài ở đây liền đến tham học. Đêm chín tháng mười hai năm đó, tuyết phủ đầy trời, Quang đứng mãi trước sân, đến sáng tuyết ngập quá gối. Ngài thấy vậy xót thương hỏi:

Ông đứng mãi trong tuyết như vậy là muốn cầu việc gì?

Quang khóc thưa:

“Mong Hòa thượng Từ bi mở cửa Cam lồ độ khắp chúng sinh”
Thần Quang đã chặt cánh tay mình tỏ ý tha thiết cầu pháp. Ngài nhân đó đổi tên Thần Quang thành Tuệ Khả.

Khả thưa:

Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho.

- Dem tâm ra đây ta an cho!

Khả im lặng giây lâu rồi thưa:

Con tìm hoài nhưng chẳng được.

Ngài nói:

Vậy là ta đã an tâm cho ông rồi đó!

Thế rồi ngài giảng nói sơ lược bốn hạnh để vào Đại thừa cho Tuệ Khả. Ngài nói: “Con đường vào đạo có nhiều lối, nhưng tóm lại không ngoài hai thứ là Lý nhập và Hạnh nhập.

Lý nhập nghĩa là nhờ giáo ngộ tông, tin chắc hàm linh đồng một chân tánh, chỉ vì bị khách trần vọng tưởng che khuất nên không thể hiển rõ được. Nếu bỏ vọng về chân, vắng lặng như tường vách, không mình không người, phàm thánh như nhau, trụ vững không dời, lại không chạy theo văn giáo. Đó là ngầm hợp với diệu lý, không có phân biệt vắng lặng vô vi, đó là Lý nhập.

Hạnh nhập nghĩa là: Hạnh có bốn thứ:

1. Báo oán hạnh: Phàm người tu tập nếu lúc chịu khổ phải nghĩ rằng trong vô lượng kiếp về trước ta bỏ gốc theo ngọn, trầm luân trong các nẻo, tạo bao oán ghét, gây hại vô cùng. Ngày nay tuy không phạm cấm giới nhưng vẫn chịu khổ là do túc nghiệp chín muồi, không phải trời người có thể thấy được, cam tâm nhẫn chịu, không chút oán hận. Lúc khởi tâm quán chiếu như thế, tương ứng với Lý, nhờ thấu hiểu oán mà tiến tu nên gọi là báo oán hạnh.

2. Tùy duyên hạnh: Chúng sinh vô ngã đều do duyên nghiệp đẩy đưa khổ vui đều nhận, đều từ duyên sinh. Nếu được phước báo thù thắng, những việc vinh dự, đều do nhân trong quá khứ chiêu cảm, duyên hết lại trở về không, có gì vui đâu! Được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt, gió vui chẳng động, thâm hợp với đạo, đó là Tùy duyên hạnh.

3. Vô sở cầu hạnh: Người thế tục u mê, cứ mãi tham đắm, người trí ngộ được lẽ chân, an tâm vô vị, vạn hữu đều không, chẳng chút hy vọng, ở mãi trong ba cõi giống như nhà lửa, có thân thì có khổ, ai được yên đâu! Thấu được điều này thì dứt niệm không cầu cho nên kinh ghi: “Có cầu đến khổ, không cầu mới vui”, bởi vậy không cầu mới thật là

đạo hạnh, nên gọi là vô sở cầu hạnh.

4. Xứng pháp hạnh: Lấy lý của tánh tịnh làm pháp, lý này các tướng đều không, không nhiễm không trước, không đây không kia. Kinh ghi: “Pháp không có ngã vì lìa ngã cấu.” Người trí tin hiểu lý này, phải nên xứng pháp mà hành. Thể của pháp không tham tiếc, nên đối với thân mạng, tiền của thực hành xả thí ba-la-mật, tâm không hề tham tiếc, thấu tỏ tam luân vốn không (người bố thí, người nhận, vật bố thí) không nương không chấp, chỉ vì vô cấu xứng hóa chúng sinh chẳng hề chấp tướng. Đó là hạnh của mình mà cũng chính là làm lợi ích cho người khác trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã như vậy thì năm độ còn lại cũng thế. Vì trừ vọng tưởng, tu hành Lục độ nhưng kỳ thực chẳng làm gì cả, đó gọi là Xứng pháp hạnh.

Sau đó, ngài lại muốn về lại Tây Trúc nên bảo với đồ chúng:

- Ta sắp đi rồi, các ông mỗi người hãy trình sở đắc ta xem!

Khi đó các đệ tử thân cận đều trình chỗ thấy của mình, sau cùng Tuệ Khả bước ra đánh lễ ba lạy rồi lui về đứng im chẳng nói lời nào. Ngài nhìn Tuệ Khả và nói:

- Xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn phước cho Đại sĩ Ca-diếp truyền trao mãi đến ta, nay ta đem phước cho ông, ông gắng hộ trì. Ta cũng trao cho ông ca-sa để làm pháp tín, mỗi vật có một tác dụng ông cần phải biết.

Tuệ Khả thưa:

Xin thầy chỉ dạy.

Ngài nói:

Trong truyền pháp ấn để khế chứng với tâm, ngoài trao ca-sa để định ra tông chỉ. Ta lo đời sau khởi tâm nghi ngờ bảo ta là người Tây Thiên, ông là người Trung Quốc dựa vào đâu mà đắc pháp, lấy gì làm bằng chứng. Nay ông nhận y pháp này, nếu ngày sau gặp trở ngại ấy thì chỉ cần đưa y và bài kệ truyền pháp của ta ra để làm minh chứng, lúc ấy chẳng còn trở ngại gì. Sau khi ta diệt độ hai trăm năm thì không truyền y nữa, vì lúc đó pháp đã lan rộng khắp nơi, người thấu đạo thì nhiều, người thông lý lại ít, có đến hơn ngàn vạn người thâm hợp ngầm chứng ông phải xiển dương chớ khinh người chưa ngộ, chỉ một niệm hồi tâm là đồng với tánh giác, nghe ta nói kệ:

*Ta vốn đến cõi này
Truyền pháp cứu kẻ mê
Một hoa nở năm cánh
Kết quả tự nhiên thành.*

Ngài nói tiếp: Bộ Lăng-già bốn quyển này là pháp yếu bậc nhất mà Như Lai diễn nói, có thể lấy đây khai thị cho hành giả ngộ nhập, nay ta cũng giao phó cho ông. Ta rời Nam Ấn qua đây mục đích là tìm người phó pháp, trong lúc chưa khế hợp, ta giả như người ngu người vụng, nay tìm được ông để truyền trao là ta đã mãn nguyện.

Thế rồi ngài dẫn đồ chúng qua Vũ Môn, trụ ở chùa Thiên Thánh ba ngày. Thái thú thành này là Dương Huyền Chi hỏi ngài:

- Thầy kế thừa làm Tổ ở năm xứ Tây Thiên, vậy Tổ như thế nào?

Ngài đáp:

Rõ Phật tâm tông, hành giải tương ứng thì gọi là Tổ.

- Ngoài ra thì thế nào?

- Phải thấu tâm người, biết khắp xưa nay, chẳng chán có không, chẳng chấp thủ pháp, chẳng hiền chẳng ngu, chẳng mê chẳng ngộ, nếu hiểu được như vậy thì gọi là Tổ.

- Đệ tử quy y Tam bảo cũng nhiều năm rồi, vừa nghe Thầy nói mờ mịt chẳng hiểu, xin Thầy từ bi chỉ cho tông chỉ.

Ngài biết Thái thú khẩn cầu tha thiết, nên nói bài kệ:

*Cũng đừng thấy ác mà sinh ghét
Cũng đừng thấy thiện mà siêng làm
Lại đừng bỏ trí mà gần ngu
Cũng đừng bỏ mê mà đến ngộ.
Đạt đạo lớn chừ quá lượng Thông
Phật tâm chừ siêu xuất Chẳng
cùng phàm thánh đồng cỡi Siêu
xuất thì gọi là Tổ.*

Huyền Chi nghe bài kệ vui mừng không xiết thưa:

Xin thầy ở lâu nơi đời giáo hóa quần sinh.

Ngài nói:

Ta sắp đi, không thể ở lâu được.

Huyền Chi nghe vậy lay tạ lui về. Ngài an nhiên thị tịch. Lúc Ngụy ấu chủ Lưu Dụ lên ngôi, Hiếu Trang Đế bị phế chính là ngày năm tháng mười niên hiệu Đại Thông năm thứ hai, nhà Lương. Ngày hai mươi tám tháng mười hai năm đó, ngài được an táng ở núi Hùng Nhĩ, Tung Châu, Lạc Dương tháp dựng ở chùa Định Lâm. Ngụy báo tin ngài tịch cho Lương, Lương Vũ Đế liền ban gấm quý và triệu hết vương tôn tông tộc tế lễ cúng dường ngài. Thái tử soạn điệu văn, trong ấy ghi: “Lớn thay! Đại sư đứng đầu trong hàng Thánh, nhận lãnh trí ẩn của Như

Lai, nương lỵc thông mà qua biển, vận bi trí ở đất Phạm, cứu tai nguy ở đất Hoa.”

Ba năm sau, Ngụy sứ Tống Vân phụng chiếu đi sứ Tây Vực về, gặp Tổ nơi ngọn Thông Lãnh, tay quảy chiếc dếp, một mình đi thoản thoắt, Vân hỏi đi đâu, Tổ đáp: “Về Tây Thiên”. Vân về triều thuật lại mọi việc, môn nhân mở tháp, thấy quan quách trống không, chỉ còn lại một chiếc hài. Đế hạ chiếu thỉnh chiếc hài ấy về an trí chùa Thiếu lâm mà cúng dường. Lương Đế Vũ nghe Tổ thị tịch thần dị như vậy, đích thân soạn văn bia. Đến thời Hoàng Đế Đường Đại Tông, vua ban ngài thụy Viên Giác Đại Sư, tháp hiệu Không Quán.

<i>Tân Sửu: Phổ Thông năm thứ hai, tháng chín Đế dựng chùa Đồng Thái</i>	<i>Ngụy: Chánh Quang năm thứ hai, Đế dựng chùa Đại giác ở Nghiệp Đô</i>
<i>Nhâm Dần: Phổ Thông năm thứ 3</i>	<i>Chánh Quang năm thứ ba, ban hành lịch Chánh Quang</i>

Ngụy: Năm Bính Thân tức Bình Hy năm đầu, Hồ Thái hậu sai Tống Vân dẫn Tỳ-kheo Tuệ Sinh sang Tây Vực tìm những bộ kinh mà trong nước chưa có. Từ Lạc Dương, Tuệ Sinh đi về hướng Tây khoảng bốn ngàn dặm, đến Xích Lĩnh là ra khỏi nước Ngụy. Lại đi về Tây khoảng chừng ấy dặm thì đến nước Càn-la rồi trở về, tìm được một trăm bảy mươi bộ kinh. Tháng hai năm này Tuệ Sinh về đến Lạc Dương. Nước Ngụy có tất cả bốn trăm mười lăm bộ một ngàn chín trăm mười chín quyển.

<i>Quý Mão: Phổ Thông năm thứ 4</i>	<i>Chánh Quang năm thứ 4</i>
<i>Giáp Thìn: Phổ Thông năm thứ 5</i>	<i>Chánh Quang năm thứ 5</i>
<i>Ất Ty: Phổ Thông năm thứ 6</i>	<i>Hiếu Xương năm đầu</i>
<i>Bính Ngọ: Phổ Thông năm thứ 7</i>	<i>Hiếu Xương năm thứ 2</i>

Lương: Chiêu Minh Thái tử Thống dựng điện Tuệ Nghĩa ở Đông Cung, mời danh tăng khắp nước về đó. Đế ban tặng Pháp sư Tuệ Siêu làm Thọ Quang Học Sĩ.

<i>Đinh Mùi: Lương, Đại Thông năm đầu, Đế xây xong chùa Đồng Thái</i>	<i>Ngụy: Hiếu Xương năm thứ ba, Hiếu Xương năm thứ tư, tháng ba Đế bị giết, đổi niên hiệu Vĩnh An</i>
<i>Mậu Thân: Đại Thông năm thứ 2</i>	<i>Ngụy: Kính Tông Hiếu Trang Đế Tử Du, Vĩnh An năm đầu</i>

Ngụy: Tháng giêng năm Mậu Thân, Đế ghét bọn Trịnh Nghiễm, Từ Hột nên ngầm hạ chiếu bảo Nhĩ Chu Vinh đem binh vào thành. Vinh dùng Cao Hoan làm tiên phong, dẫn binh đến Thượng Đảng, Đế lại hạ chiếu bảo dừng binh Trịnh Nghiễm, Từ Hột sợ họa vào thân nên bàn mưu chuốc độc Đế. Tháng ba Đế chết thảm. Thái hậu lập Hoàng nữ làm Đế, rồi hạ chiếu xưng là Thật Hoàng nữ, cải lập Cố Lâm Thao Vương Bảo Huy thế tử Lưu, lúc này mới ba tuổi. Nhĩ Chu Vinh nghe vậy nổi giận bảo Nguyên Thiên Mục: “Chúa Thượng lên ngôi mười chín tuổi, trong nước vẫn còn cho là ấu quân, huống gì nay lại đưa một đứa trẻ chưa biết nói lên làm Hoàng Đế, muốn mong trị quốc dân an mà được chẳng!” Tháng ba Nhĩ Chu Vinh, Nguyên Thiên Mục ghênh con của Bành Thành Tuyên Vũ Vương là Trường Lạc Vương Tử Du lên ngôi Hoàng Đế ở Hà kiều, đó là Kính Tông, đổi niên hiệu Vĩnh An. Vinh sai tay chân giết Thái hậu và Ấu chúa ở Hà Âm. Nhĩ Chu là họ Phúc, tiên tổ dòng họ này là người Thái thuộc bộ lạc Khế Hồ, vốn nhiều đời làm Tù Soái, cư ngụ tại sông Nhĩ Chu, nhân đó lấy họ là Nhĩ Chu.

<i>Kỷ Dậu: Lương: Trung Đại Thông năm đầu</i>	<i>Ngụy: Vĩnh An năm thứ hai, tháng bảy Đế mới vào cung</i>
<i>Canh Tuất: Trung Đại Thông năm thứ 2</i>	<i>Ngụy: Tháng mười, lập Trường Quảng Vương, đổi niên hiệu Kiến Minh, tháng mười hai Nhĩ Châu Triệu giết Trang Đế</i>

Lương: ngày hai mươi bảy tháng ba, Pháp sư Pháp Vân thị tịch thọ sáu mươi ba tuổi, hai cung gào khóc thảm thương. Đế hạ chiếu cấp cho ngài cỗ quan của hoàng thất, quàn ở Đông Viên, mọi nghi thức an táng đều theo lễ nghi vương phủ. Đế hạ chiếu an táng ngài ở cạnh chùa Định Lâm, lập bài minh ghi lại hành trạng.

Lương: Tháng chín Đế xa giá đến chùa Đồng Thái mở pháp hội Vô Giá bố thí thanh tịnh, quần thần tác bạch Tam bảo, xong việc thỉnh

Đế hồi cung.

Ngụy: Hiếu Trang Đế ngoài bị Nhĩ Chu Vinh vây ép tức tối ra, lại gặp phải nạn ở Hà Âm, nên bàn mưu giết Vinh. Tháng 8, Chu Vinh và Nguyên Thiên Mục vào triều, Đế đâm chết Vinh, bọ Thiên Mục cũng vậy. Trong triều ngoài đường muôn dân reo vui náo động cả Lạc Dương, trăm quan cùng vào chúc mừng. Tháng mười, Phần Dương Thứ sử Chu Triệu nghe tin anh mình bị giết, từ phần Dương thống lĩnh kỵ binh chiếm cứ Tấn Dương. Nhĩ Chu Thế Long Triệu cùng suy tôn Đại Nguyên Thái thú Trường Quảng Vương Hoa lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Minh. Tháng mười hai, Triệu cho khinh binh đi đường tắt lên đến gõ cửa cung và bắt Trang Đế đưa về Tấn Dương thất cổ ông ấy!

<i>Tân Hợi: Trung Đại Thông năm thứ ba, tháng tư Thái tử Thống chết</i>	<i>Ngụy: Tiết Mẫn Đế Cung, Phổ Thái năm đầu, An Định Vương Lãng, Trung Hưng năm đầu</i>
---	---

Ngụy: Tháng hai, Quảng Lăng Vương Cung là người hiếu học, có khí tiết. Quan Tây Đại Hành Đài Tích Hiếu Thông khuyên Nhĩ Chu Thế Long lập ông. Lúc này Thế Long trấn ở Lạc Dương mới lấy mệnh của Trường Quảng Vương nhường ngôi cho Quảng Lăng Vương Cung, vốn là cháu Hiến Văn Đế đó là Tiết Mẫn Đế, đổi niên hiệu Phổ Thái, phong Trường Quảng Vương Hoa làm Đông Hải Vương. Cao Hoan khởi binh đánh Nhĩ Chu Triệu, vì Triệu giết Trang Đế. Tôn Đãng nói với Hoan: Nay triều đình xa cách, hiệu lệnh chẳng ai làm theo, không có quyền hành mà tự lập thì các tướng sẽ bỏ đi”. Hoan bèn lập Bột Hải Thái thú An Định Vương Nguyên Lãng lên ngôi Hoàng Đế ở Tín Đô (nay là Trấn Định lộ, Ký châu), đổi niên hiệu Trung Hưng, Hoan làm thị trung Thừa Tướng, Đô đốc trung ngoại chư quân sự. Hoan cho rằng An Định Vương Nguyên Lãng không thân thuộc với mình nên sai Bộc Xạ Ngụy Lan Căn đi phủ dụ Lạc Dương, xem Tiết Mẫn Đế là người như thế nào, vì Hoan muốn lập ông ấy. Lan cho rằng Tiết Mẫn thông thái cao minh hơn, sợ rằng ngày sau khó chế phục được, nhân đó cùng anh em Cao Càn là Thôi Lãng cùng Hoan phế truất, cầm tù Tiết Mẫn Đế ở Sùng Huấn Phật tự, lập cháu Hiến Trang Vương, con Quảng Bình Vương là Bình Dương Vương Tu, đó là Hiếu Vũ Đế, sai An Định Vương Nguyên Lãng soạn chiếu và nhường ngôi. Hoan chúc độc Tiết Mẫn Đế ở Hạ Môn Tỉnh, dùng lễ đặc biệt để an táng, đồng thời giết luôn

Nguyên Lăng. Cao Hoan là người Tín Đô. Ban đầu từ Hiếu Minh Đế năm Hiếu Xương năm thứ ba, Lưu Bí tiến cử ông với thảo lỗ đại Đô đốc Nhĩ Chu Vinh. Vinh rất tin dùng ông. Hồi ấy, bộ chúng của Cát Vinh lưu nhập với người Tịnh Dĩnh đến hơn hai mươi vạn, do Khế Hồ Lăng bạo ngược, họ chẳng mong sống, mưu loạn không dừng. Nhĩ Chu Triệu rất lo, hỏi Cao Hoan phải làm thế nào, Hoan đáp: Nên chọn kẻ tâm phúc của Vương sai thống lãnh bọn họ. Triệu bèn giao cả bọn này cho Hoan. Hoan Nghĩ, Triệu nhân lúc say nói, sợ tỉnh ra sẽ hối hận, nên xuất tuyên ngôn nói nhận sự ủy thác mà trấn binh, mọi người nên tụ tập ở Phần Đông nhận hiệu lệnh. Quân sĩ ở Kiến Nha, Tứ Xuyên vốn ghét Triệu nên tất cả đều theo về với Hoan, và cùng Hoan đánh Triệu. Vĩnh Hy năm thứ hai, Triệu chạy trốn vào rừng ở núi Hàn Lăng, Chương Đức lộ, giết con bạch mã mà mình cỡi rồi thất cố tự vẫn. Cao Hoan đích thân đến hậu táng Triệu.

<i>Nhâm Tý: Lương; Trung Đại Thông năm thứ 4</i>	<i>Ngụy: Hiếu Vũ Đế tu, sử gọi là Xuất Đế, Vĩnh Hy năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu</i>
<i>Quý Sửu: Trung Đại Thông năm thứ 5</i>	<i>Vĩnh Hy năm thứ 2</i>

Lương: Ngày hai mươi sáu tháng hai, Đế xa giá đến chùa Đông Thái giảng kinh Kim Cang đến hai mươi một ngày, mở đại pháp hội Vô giá cho Tăng tục, gồm ba mươi một vạn chín ngàn sáu trăm bốn mươi hai người.

<i>Giáp Dần: Trung Đại Thông năm thứ 6</i>	<i>Tây Ngụy: Vĩnh Hy năm thứ ba, Đế chạy đến Trường An</i>	<i>Đông Ngụy Hiếu Tĩnh Đế Thiên Bình năm đầu</i>
--	--	--

Ngụy Hiếu Vũ Đế: Tháng giêng năm Vĩnh Hy năm thứ ba, Trung quân tướng quân Vương Tư Chánh nói với Vũ Đế rằng: “Tâm của Cao Hoan rõ ràng có thể biết, Lạc Dương không phải là đất dụng võ, nên đến với Vũ Văn Thái ở Trường An.” Đông Đô Thái thú Bùi Hiệp thống lãnh các bộ đến Lạc Dương, Vương Tư Chánh hỏi: Nay quyền thần chuyên mệnh, vương thất ngày càng yếu phải làm thế nào? Hiệp đáp: Vũ Văn Thái được ba quân suy tôn lại ở vào nơi lấy hai địch lại một

trăm (địa thế hiểm yếu), đó gọi là đã cầm can qua lại chịu trao cho người cái chuỗi, dù muốn về với ông ấy nhưng sợ rằng chẳng khác nào tránh nước sôi lại vào lửa bỏng. Tư Chánh hỏi: Vậy phải làm sao? Hiệp đáp: Mưu toan với Hoan thì lo người này là kẻ lập chí, tuần lên phía tây thì có mối lo tương lai, vả lại đến Quan Hữu mối lo từ từ có cách giải quyết.

Tháng bảy, Hoan biết Đế thay đổi liền dẫn quân vượt sông, Hiếu Vũ Đế liền thống lĩnh Nam Dương Vương Bảo Cự, Thanh Hà Vương Đan, Quảng Dương Vương Trạ đem năm ngàn kỵ binh chạy về Tây. Vũ Văn Thái sắm đủ nghi vệ đón Đế. Đế vào Trường An. Cao Hoan vào Lạc Dương ở tại chùa Vĩnh Ninh. Tháng mười, Ngụy Thừa Tướng Hoan lại dâng biểu cho Hiếu Vũ Đế, nói: “Nếu Bệ Hạ rộng lòng ban cho một đạo chỉ, hứa về lại kinh Lạc, thần sẽ kéo hết văn võ lau sạch cung cấm, nếu bệ hạ không có ngày quay lại thì thất miệu không thể không có chủ, muôn nước phải có nơi quy tụ, thần thà cô phụ bệ hạ chứ không cô phụ xã tắc.” Vũ Đế vẫn không đáp ứng. Cao Hoan liền triệu tập hết bá quan phụ lão lập thế tử của Thanh Hà Vương Đan là Thiệu Kiến lên làm Hoàng Đế. Kiến vốn là tăng tôn của Hiếu Văn Đế! Lúc này Kiến mười một tuổi, lên ngôi ở bắc Thành Đông, đổi niên hiệu Thiên Bình, dời đô về đất Nghiệp. Hiếu Vũ đóng đô ở Trường An. Đế có hiềm khích với Vũ Văn Thái. Tháng mười hai, ông uống rượu ngộ độc mà mất, thọ hai mươi lăm tuổi. Thái đưa thái tử Nam Dương Vương Bảo Cự lên ngôi Hoàng Đế.

* **Nguyên Ngụy:** Họ Thát Bạt, tiên tổ vốn là người Hồ ở Tiên Ty, Bắc Địch. Trước đời Tần, Hán họ chưa từng qua lại với Trung Quốc. Trong năm Cảnh Sơ đời Ngụy Minh Đế, Trung Quốc mới bắt đầu kết thân với họ. Thời Tấn, ban đầu có Thát Bạt Y Lư, xuất cư ở Lô Phiền. Tuế Đế năm An Thái năm thứ hai là năm thứ chín của Thát Bạt Lộc Quan. Thát Bạt ở Đại Quận, từng giúp Lưu Côn chống lại Thạch Lạc, tấn phong cho làm Đại Vương, lúc này có nhà Đại phía Bắc và bộ lạc phân tán khắp hơn sáu mươi năm. Đến thời Đông Tấn, Tần chủ Phù Kiên đánh Đại bắt được Dục Kiện, Kiện bị Tử Thập giết, Thập cũng chết, cháu ông ấy là Khuê đến nương nhờ bộ lạc Độc Cô, đó là Lư Tôn. Đông Tấn Vũ Đế niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, Lư Tôn bắt Dục Thiệp Khuê, (Ngụy thư ghi Khuê là Thái tử Đạo Vũ Hoàng Đế) đem quân chiếm Sóc Châu, dựng thành ấp khoảng ba trăm dặm về phía Đông lấy tên là Hằng An, vì ông là Hộ Quân của Tần nên bị lệ thuộc Tần. Tháng mười một năm Thái Nguyên năm thứ tám đời Tấn, Phù Kiên

thua Tấn. Tháng giêng năm Thái Nguyên năm thứ mười một, Khuê bèn mở đại hội bộ lạc tông tộc ở Ngưu Xuyên lên ngôi Đại Vương, lấy niên hiệu Đăng Quốc năm đầu, dời về định cư tại Thanh Lạc của Định Tương (Định Tương là tên một quận ở Hân Châu, Ký Ninh lộ) lo làm nông, an dân. Cả nước vui mừng. Khuê liền cải xưng Ngụy Vương, năm Bính Thân tức Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Khuê mới bắt đầu lập tinh kỳ của Thiên Tử, đi ra có người mở đường, đi vào có người hầu hạ, đổi niên hiệu Hoàng Thỉ. Năm Mậu Tuất ông dời đô về Bình Thành (nay là Tây Kinh lộ, Đại Đồng, tên quận là Vân Trung) mới xây cung thất, lập tông miếu, dựng xã tắc. Mỗi năm có năm lần tế tông miếu được chia từ đầu năm đến tháng chạp. Tháng mười hai, Khuê lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thiên Hưng, lệnh cho trong triều ngoài dân búi tóc đội mũ, truy tôn từ Viễn tổ Mao xuống đến hai mươi bảy người kể đó đều làm Hoàng Đế, bắt đầu phỏng theo phép xưa định ra lễ Giao, Miếu, Triều, Hưởng, Lễ, Nhạc, đặt ra Ngũ Kinh Bác Sĩ, làm tăng thêm sinh viên đại học trong nước lên đến ba ngàn người. Tháng mười năm Kỷ Dậu, Khuê bị Thanh Hà Vương Thiệu vốn do phu nhân Hạ Lan thị sinh ra giết chết. Khuê ở ngôi hai mươi bốn năm, thọ ba mươi chín tuổi. Con trưởng của Khuê là Tự giết Thiệu rồi tự lập, đó là Minh Nguyên Đế! Thái Thường năm thứ tám, đánh dẹp Lạc Dương, bình định Duyện Châu, Dự châu. Lúc này thiên hạ chỉ có hai nước, đó là Nam Bắc Triều. Nhu Nhiên cướp phá biên cảnh của Ngụy. Ngụy xây Trường Thành, từ phía tây Xích Thành đến Ngũ Nguyên dài hai ngàn dặm, đặt đủ binh tướng để đề phòng bọn Nhu Nhiên. Tháng năm, Minh Nguyên Đế về lại Bình Thành. Tháng mười một thì mất. Ông ở ngôi mười lăm năm, thọ ba mươi hai tuổi. Thái tử Thế Tổ Thái Vũ Đế Thọ lên ngôi, tàn diệt Phật pháp, ở ngôi hai mươi chín năm thọ ba mươi lăm tuổi. Hoàng tôn Cao Tông Văn Thành Đế Duệ lên ngôi, xuống chiếu khôi phục Phật giáo, dốc lòng kính tín Phật pháp. Ông ở ngôi mười ba năm, thọ hai mươi sáu tuổi. Con trưởng Hiến Tổ Hiến Văn Đế Hoằng lên ngôi, ở ngôi năm, nhường ngôi cho con là Hoằng, quân thân truy tôn là Thái Thượng hoàng Đế, nắm hết việc quân việc nước. Cao Tổ Hiếu Văn Đế Hoằng lên ngôi, lúc này mới năm tuổi, ở ngôi hai mươi chín năm, dời đô về Lạc Dương, bỏ áo mũ nhà Hồ, bỏ ngôn ngữ kẻ cướp, tôn sùng di phong Hoa Hạ. Ban đầu ông đội mũ cổn tế lễ Triều lễ Hưởng, định lại hộ tịch, chế ra áo mũ cho ngũ công, dựng Minh Đường Bích Ung (nơi cử hành lễ nhạc nêu cao đức giáo hóa). Thái Hòa năm thứ mười lăm, Phùng Thái hậu mất, Hiếu Văn Đế y lễ xưa để tang ba năm. Thái Hòa

năm thứ mười sáu, Đế sai quân thần luận về vị trí Ngũ hành, rồi làm theo nhà Tấn, lấy Thủy Đức. Thái Hòa năm thứ 20, Đế hạ chiếu cho rằng Thổ là màu trong màu vàng, là khởi nguyên của vạn vật, nên đổi họ Nguyên. Ông thọ ba mươi ba tuổi. Con năm thứ hai của ông là Thế Tông Tuyên Vũ Đế khác lên ngôi, ở ngôi mười sáu năm, thọ ba mươi ba tuổi. Con năm thứ hai của Tuyên Vũ là Túc Tông Hiếu Minh Đế Hủ lên ngôi, ở ngôi mười hai năm, thọ mười chín tuổi. Kính Tông Hiếu Trang Đế lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ hai mươi bốn tuổi. Tiết Mẫn Đế Cung, Bình An Định Vương Nguyên Lăng lên ngôi, cả hai đều bị giết. Hiếu Vũ Đế Tu tránh Cao Hoan chạy về phía Tây vào Trường An, từ đó chia ra Tây Ngụy, Đông Ngụy.

Nguyên Ngụy gồm mười hai chủ, trị vì một trăm bốn mươi chín năm chia thành hai nước: Tây Ngụy gồm ba chủ, trị vì hai mươi hai năm, nhường ngôi cho Chu. Đông Ngụy gồm một chủ, trị vì mười bảy năm, nhường ngôi cho Bắc Tề.

Ngụy: Có mười chín Sa-môn dịch kinh, dịch tổng cộng bốn trăm mười chín bộ, gồm hơn một ngàn chín trăm quyển Kinh Luật luận, Tăng đến hai trăm vạn, trong nước chùa lớn bốn mươi bảy ngôi, chùa của Tam Công v.v... tám trăm bốn mươi ngôi, tự viện do bá tánh xây dựng ba vạn một ngàn ngôi (theo Ngụy Thư và Biện Chánh Lục).

Nhu nhiên là tên một nước của Di Dịch, họ Uất Cửu Gian, cuối năm Thần Nguyên của Nguyên Ngụy, Ngụy bắt được một kỵ binh, tóc mới dài ngang mày, quên mất họ tên, chủ của gã tự là Mộc Cốt Lư. Mộc Cốt Lư đứng đầu bọn dân đen. Mộc Cốt Lư và Úc Cửu Gian phát âm gần giống nhau, nên lấy đó làm họ. Mộc Cốt Lư trong thời Đại Y Lư bị tội, sau đó bị chém, số người còn trốn khe núi ở Quảng Hán, đông đến hơn trăm người. Đến con ông ấy là Xa Lộ Hội Hùng Kiện mới có bộ chúng, tự lấy hiệu là Nhu Nhiên. Ngụy Thái Vũ Đế Thọ cho rằng họ như loài trùng vô tri, nên đổi bộ lạc này thành họ Nhuyễn Nhuyễn. (theo Bắc Sử).

<i>Ất Mão: Lương, Đại Đồng năm đầu</i>	<i>Tây Ngụy Văn Đế Bảo Cự, Đại Thống năm đầu</i>	<i>Đông Ngụy, năm Thiên Bình năm thứ 2</i>
--	--	--

Tây Ngụy Văn Đế dựng chùa Bát-nhã, Đế ngày ngày vận lòng từ bi, thường hành bố thí, giúp kẻ yếu người già, cung cấp cho Tăng bị bệnh, miệng tụng Pháp Hoa, thân trì tịnh giới. Thừa Tướng Vũ Văn

Thái chấn hưng kinh Phật, giảng Đại thừa, sai Thích Đàm Hiến soạn Chúng Kinh Yếu hai mươi hai quyển, và một trăm hai mươi môn. Tây Ngụy tiến cử Thừa Tướng Thái làm An Định Công.

<i>Bính Thìn: Đại Đồng năm thứ hai, Lương Thông SỰ Xá Nhân Lưu Hiệp dâng biểu xin xuất gia, Để vui mừng ban tặng Hiệp tên là Tuệ Địa</i>	<i>Đại Thống năm thứ 2</i>	<i>Đông Ngụy, năm Thiên Bình năm thứ 2</i>
--	----------------------------	--

Lương: Tháng ba, Đan Dương Đào Hoàng Cảnh mất, Hoàng Cảnh từng đến tháp thờ xá-lợi Phật của A-dục Vương tại Minh châu nguyệtện thọ năm giới.

Đông Ngụy sai Định châu Thứ sử Hầu Cảnh, Thượng thư hữu bộc xạ Nam Đạo Hành Đài thống lãnh các tướng xâm chiếm Kiến Khang.

<i>Đình Ty: Đại Đồng năm thứ 3</i>	<i>Đại Thống năm thứ 3</i>	<i>Thiên Bình năm thứ 4</i>
------------------------------------	----------------------------	-----------------------------

* **Cao Vương Quán Thế Âm Kinh:** Người dân ở Định Châu của Đông Ngụy tên là Tôn Kính Đức thờ Bồ-tát Quán Thế Âm rất chí thành. Sau ông bị giặc hoành hành phải chịu tội oan. Đêm ấy ông mộng thấy vị Tăng dạy ông tụng kinh Cứu Khổ Quán Âm, ông tụng theo. Đến lúc Hữu Ty hành hình, dùng đao chém ông ba nhát nhưng đao gãy làm ba khúc. Giám ty tâu việc này với Thừa Tướng Cao Hoan, Hoan tra xét kỹ nguyên do hạ chiếu miễn tội chết, Kính Đức về nhà thấy trên cổ của tượng Quán Âm mình đang thờ bị xước bởi ba nhát đao. Nhân đó ông gọi bộ kinh mà vị Tăng dạy mình tụng là Cao Vương Kinh.

<i>Mậu Ngọ: Đại Đồng năm thứ tư, Để dựng lại chùa Trường Can, xa giá đến chùa mở pháp hội Vô Giá</i>	<i>Đại Thống năm thứ tư, có hơn 30.000 ngôi chùa, Tăng ni tổng cộng 200 vạn</i>	<i>Đại Tượng năm đầu</i>
<i>Kỷ Mùi: Đại Đồng năm thứ 5</i>	<i>Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 5</i>	<i>Đông Ngụy: Hưng Hòa năm đầu</i>

Tây Ngụy: Sa-môn Đạo Trăn là người tinh thông nghĩa kinh, Văn Đế rất kính trọng tôn ngài là Sư Phó. Đế dựng chùa Đại Trung Hưng ở Trường An thỉnh ngài ở, làm Đại Thống (Tăng Thống) của Ngụy. Ngài lập lại khoa điều, nhờ vậy Phật giáo được chấn hưng. Đế lại dựng hai chùa Đại Thừa và Trắc Hồ. Ngài nhập diệt, Đế thương cảm, không thiết triều, mọi phí tổn và lễ nghi tống táng đều do Thiên phủ lo liệu.

<i>Canh Thân: Lương, Đại Đồng năm thứ 6</i>	<i>Đại Thống năm thứ 6</i>	<i>Hưng Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu đổi cung cũ ở thành Nghiệp làm chùa Thiên Bình</i>
<i>Tân Dậu: Đại Đồng năm thứ 7</i>	<i>Đại Thống năm thứ 7</i>	<i>Hưng Hòa năm thứ ba, Tỳ Mục Trí Tiên dịch kinh ở Nghiệp Quận</i>
<i>Nhâm Tuất: Đại Đồng năm thứ 8</i>	<i>Đại Thống năm thứ 8</i>	<i>Hưng Hòa năm thứ 4</i>
<i>Quý Hợi: Đại Đồng năm thứ chín, Lương, Hoàng Môn Thị Lang Cố Dã Vương soạn xong Ngọc Thiên</i>	<i>Đại Thống năm thứ 9</i>	<i>Đông Ngụy, Vũ Định năm đầu</i>
<i>Giáp Tý: Đại Đồng năm thứ 10</i>	<i>Đại Thống năm thứ 10</i>	<i>Vũ Định năm thứ 2</i>
<i>Ất Sửu: Đại Đồng năm thứ 11</i>	<i>Đại Thống năm thứ 11</i>	<i>Vũ Định năm thứ 3</i>

Tây Ngụy: Thừa Tướng Vũ Văn Thái dựng sáu ngôi chùa ở Trường An gồm: Truy Viễn, Trắc Dĩ, Đại Thừa, Ngụy Quốc, An Định và Trung Hưng, độ một ngàn tăng, lại dựng chùa Thiên Bảo cúng dường Pháp sư Vỹ. Ở An Định ông lại dựng hai chùa Thọ Sơn và Phạm Vân, dựng chùa Đại Phước Điền cúng dường quốc sư Thật. Ông lại dựng chùa Đột Quyết cúng dường cho sư ni Đại Khả Hãn Đại Y.

Tháng ba năm Bính Dần tức Trung Đại Đồng năm đầu, Đế xa giá

đến chùa Đồng Thái giảng Tam Tuệ Kinh. Mùa hạ tháng tư ra chiếu đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Niên hiệu Đại Thống mười một năm, Vũ Đế bốn năm.

Lương: Trong năm Thiên Giám, Lương Đế thờ Phật, ăn chay trường, không nghe âm nhạc, Đế dựng năm chùa gồm Quang Trạch, Đồng Thái v.v... thường cúng cả ngàn Tăng. Đế làm bài phú về Tịnh nghiệp, bài tựa ghi: “Trẫm không ăn cá thịt, không ngủ với thê thiếp đã hơn bốn mươi năm rồi. Đã không ăn thịt chúng sinh nên không chịu cái chướng sát hại, đã không đến nơi hậu cung nên không phải bị cái chướng tham dục xấu xa. Trừ được hai chướng ấy, ý thức dần sáng tỏ, mới làm bài phú về Tịnh nghiệp. Nay xin nêu sơ lược nội dung bài phú rằng:

Xem thiên tánh của con người, mang khí màu mà lắng trong, cảm muôn vật nên ham muốn, tâm phan duyên nên tầm tối. Lỗi thường do ngoại trần, buộc bởi do nơi tiền cảnh, mang tâm tham mà không chán, buông tâm ý tự dong ruổi. Tai cứ chạy theo tiếng hay, mắt chuyển theo năm sắc, mũi thơm bốc lên mũi hít sinh ưa, lưỡi nếm mùi vị ham thứ ngon ngọt, thân thể xúc chạm sinh lòng ưa vui, eo nhỏ tay thon xương mềm da đẹp, thơm sạch dính thân chạm dính như keo, cuồng tâm mê hoặc điên đảo dối mình, cứ thế sáu trần chướng ngăn thiện đạo, muôn màu tranh nhau, như gió lay cỏ, ôm hoặc mà sinh theo mãi đến già, chạy theo vô minh đều là phiền não. Bởi vậy, ngoài sạch nhãn cảnh, trong tịnh tâm trần, phải noi theo đức, lấy đạo làm bạn, thấy Tịnh nghiệp phải đáng ưa, lấy không sát mà làm nhân, lìa dục xấu mà tự tu, nên tâm thân không chướng ngại, phiền lụy đã trừ, chướng ngại tự tịnh, như nước lắng yên, như mới lau kiếng, ngoài soi cảnh trong, trong thấy muôn bệnh, trừ khách trần rồi quay về tự tánh, tâm sạch như băng, chí trong như tuyết, trói buộc đã trừ, lo sợ cũng mất, mãi xa lìa ân ái rồi, vĩnh viễn giết sạch sinh tử”.

<i>Đình Mão: Thái Thanh năm đầu</i>	<i>Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 13</i>	<i>Đông Ngụy: Vũ Định năm thứ 5</i>
-------------------------------------	---------------------------------------	-------------------------------------

Đông Ngụy, tháng giêng Bật Hải Hiến Vũ Vương Cao Hoan mất, thế tử Trường nối ngôi. Hầu Cảnh và họ Cao vốn có hiềm khích, nên Cảnh bỏ Đông Ngụy về với Tây Ngụy. Tây Ngụy phong Cảnh làm Thái phó. Cảnh lại sai Đình Hòa dâng biểu về Lương, Lương Đế thân nạp

Cảnh, cho Cảnh làm đại tướng quân, phong Hà Nam Vương. Tháng hai năm Thái Thanh năm thứ hai, Đông Ngụy tướng quân Cao Trưng cầu hòa với Lương, bởi vậy Hầu Cảnh nghi ngờ nên làm phản. Lương Đế sai Lâm Hạ Vương Chánh Đức làm Bắc Bình tướng quân, Đô đốc kinh sư chư quân sự đóng quân ở quận Đan Dương, Chánh Đức ngầm đem mấy mươi thuyền lớn qua cho Cảnh, Đức giữ Tuyên Dương môn thống lãnh ba quân đón Hầu Cảnh đến cửa khuyết. Chánh Đức lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Chánh Bình, đại xá thiên hạ. Năm Thái Thanh năm thứ ba, Kỷ Ty, tháng giêng thành ở kinh sư bị vây hãm, Hầu Cảnh vào gặp Vũ Đế, thả quân vào cướp xa giá, lại đưa Lâm Hạ Vương Chánh Đức xuống làm thị trung đại Tư mã. Tháng năm, Lương Vũ Đế mất, thọ sáu mươi tám tuổi, Hầu Cảnh giấu kín không phát tang, bá quan văn võ chẳng ai hay biết, đến năm sau mới phát tang ở Thăng Tử Cung, Thái Cực điện. Hôm đó, Hầu Cảnh nghênh Thái tử Cương lên ngôi. Tháng sáu, Lâm Hạ Vương Chánh Đức oán Hầu Cảnh bán rẻ mình bèn ngầm đưa thư triệu Phan Dương Vương Phạm sai Phạm đem quân vào. Cảnh bắt được thư liền thắt cổ Chánh Đức chết. Tháng tám Đông Ngụy Bộ Hải Văn Tương Vương Cao Trưng bị đầu bếp Lan Kinh giết, em ông là Thái Nguyên Công Cao Dương đánh giặc và chết trận. Tháng mười hai, Thỉ Hưng Thái thú Trần Bá Tiên liên kết hào kiệt trong quận đánh Hầu Cảnh. Hầu An Đô, Trương Tư v.v... mỗi người dẫn hơn ngàn thuộc hạ theo về, sai sứ cắt đường đến Giang Lăng nhận mệnh của Tương Đông Vương Dịch.

<i>Mậu Thìn: Lương, Thái Thanh năm thứ 2</i>	<i>Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 14</i>	<i>Đông Ngụy: Vũ Định năm thứ 6</i>
<i>Kỷ Ty: Thái Thanh năm thứ ba, tháng năm Đế mất</i>	<i>Đại Thống năm thứ 15</i>	<i>Vũ Định năm thứ 7</i>

* **Thái Tông Giản Văn Hoàng Đế:** Húy là Cương, con năm thứ ba của Cao Tổ Vũ Đế, ở ngôi hai năm, thọ bốn mươi chín tuổi. Niên hiệu Đại Bảo hai năm.

<i>Canh Ngọ: Đại Bảo năm đầu</i>	<i>Đại Thống năm thứ 16</i>	<i>Bắc Tề, họ Cao nhận ngôi. Thiên Bảo năm đầu</i>
----------------------------------	-----------------------------	--

* **Bắc Tề:** Tháng giêng, Đông Ngụy phong Thái Nguyên Công Cao Dương ngồi Thừa Tướng, Tề Quận Vương. Tháng năm, Tấn phong Tề Vương làm tướng quốc nắm giữ trăm quan, lại phong cửu tích. Thị trung Trương Lượng v.v... bảo Đế nên nhường ngôi cho Tề Vương Dương. Đế ra Vân Long Môn, sai bọn Thái úy Bành Thành Vương Thiệu dâng ngọc tỷ. Tề Vương lên ngôi ở Nam Giao, đổi niên hiệu Thiên Bảo, phong Ngụy Đế làm Trung Sơn Vương, tháng mười hai chuốc độc Ngụy Đế chết, ban thụy là Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, an táng ở Nghiệp Tây, Chương Bắc. Tề Vương truy thụy phụ vương Hoan là Cao Tổ Thần Vũ Hoàng Đế (Hoan họ Cao, người Ký châu). Ban đầu Hoan thờ Nhĩ Chu Vinh. Em của Vinh là Triệu giao hết việc quân cho Hoan, và Hoan được phong đến chức Bột Hải Vương, ông thọ năm mươi một tuổi. Tề Vương truy thụy cho anh là Trưng (con của Thần Vũ) làm Thế Tông Văn Tương Hoàng Đế. Hiễn Tổ Văn Tuyên Hoàng Đế Cao Dương (con thứ của Thần Vũ) lúc này nhận ngôi từ Đông Ngụy, lấy quốc hiệu là Tề, đổi niên hiệu Thiên Bảo, đóng đô ở đất Nghiệp (Chương Đức lộ, xưa là Tương Châu) ở ngôi mười năm, thọ ba mươi một tuổi. Thái tử Ân nối ngôi, đó là Phế Đế, thọ mười bảy tuổi. Túc Tông Hiếu Chiêu Đế Diễn (con năm thứ sáu của Thần Vũ) lấy niên hiệu Càn Minh năm đầu của Phế Đế đổi thành Hoàng Kiến. Hoàng Kiến năm thứ hai, Diễn đi săn té ngựa đứt gân chết, thọ hai mươi bảy tuổi. Thế Tổ Vũ Thành Đế Trạ (con năm thứ chín của Thần Vũ) lên ngôi, tháng mười năm Hoàng Kiến năm thứ hai, ông đổi niên hiệu Thái Ninh, ở ngôi bốn năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thái Thượng hoàng (Hậu Chủ, Đại Thống năm thứ tư, ông mất, thọ bốn mươi hai tuổi). Hậu Chủ Vũ Thành (con trưởng Vũ Thành) ở ngôi mười ba năm, ông trốn đến Thanh châu, quân của Chu đuổi theo bắt sống rồi đưa ông, Thái hậu, ấu chủ Hằng về Trường An, phong làm Vũ Ôn Công. Nhà Bắc Tề gồm năm chủ trị vì hai mươi tám năm.

<i>Tân Mùi: Đại Bảo năm thứ hai, Thế Tông diệt độ 1.500 năm</i>	<i>Đại Thống năm thứ mười bảy, tháng ba Đế mất, Thái tử Khâm lên ngôi</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 2</i>
---	---	------------------------------------

Lương: Tháng ba, Hậu Cảnh ép Đế nhường ngôi cho Dự Chương Vương Đồng, đổi niên hiệu Thiên Chánh, phế Đế xuống làm Tấn An Vương, tháng chín thì giết. Đồng gia phong cho Hậu Cảnh đủ cửu tích

(nhà Hán đặt quan từ Thừa Tướng trở xuống), Đổng nhượng ngôi cho Cảnh, Cảnh lên ngôi Hoàng Đế ở Nam Giao, lại lên Thái Cực điện, đổi niên hiệu Thái Thủy. Tháng giêng năm Nhâm Thân, Lương Tương Vương Dịch sai Tăng Vương Biện v.v... đánh Hầu Cảnh phía đông. Tháng mười hai các đạo quân kéo đến Lạc Dương. Trần Bá Tiên thống lĩnh quân giáp kỵ mười vạn, hai ngàn chuyển thuyền từ Nam Giang kéo ra Bồn Khẩu, hội hợp với Tăng Biện ở eo biển Bạch Mao, cùng dựng đàn cật máu uống thề. Hầu Cảnh sai Hầu Tử Giám đem quân chống đỡ quân phía tây, hợp chiến ở Trung Giang, Tử Giám thua to, chỉ kịp chạy thoát thân, nhặt tàn binh chạy về Kiến Khang. Cảnh thất kinh, nước mắt đầm đìa. Tăng Biện đôn đốc các đạo quân nhân lúc thủy triều lên vào thẳng sông Hoài tiến quân đến phía Bắc chùa Chiêu Đế. Hầu Cảnh thống lĩnh đại quân dàn trận ở phía tây Tây Xuyên. Trần Bá Tiên, Vương Lâm, Đỗ Kham v.v... dùng thiết kỵ đánh tới, Tăng Biện đem đại quân tiếp ứng, quân Hầu Cảnh tan vỡ, chỉ còn hơn trăm kỵ binh chạy về đông. Bọn Tăng Biện nghênh Giải Văn Đế vào Tử Cung lên Triều Đường, dẫn trăm quan đến khóc lóc lễ lạy, sai Hầu Thiển đuổi Cảnh đến Tùng Giang. Thiển đánh tới. Cảnh một mình một thuyền trốn chạy, sau bị anh của vợ nhỏ là Dương Côn giết, lấy muối nhét đầy bụng Cảnh rồi đưa thi thể về Kiến Khang. Tăng Biện bêu đầu Cảnh ở Giang Lăng, rồi bêu ở chợ ba ngày, sau đó nướng rồi sơn lên, giao cho bọn giữ kho quân trang. Tháng mười một, Đế lên ngôi.

* **Thế Tổ Hiếu Nguyên Hoàng Đế:** Tên là Dịch, con năm thứ bảy của Vũ Đế, được phong Tương Đông Vương, làm Kinh châu Thứ sử. Khi Cao Tổ mất, ông từng xả cung dựng chùa Thiên Cung thỉnh cầu Thiên sư Pháp Thông trụ trì. Ông dốc tâm trong Phật sự. Tháng mười một năm Nhâm Thân, ông lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, ở ngôi ba năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Niên hiệu Thừa Thánh ba năm.

<i>Nhâm Thân:</i> <i>Thừa Thánh năm đầu</i>	<i>Tây Ngụy: Phế Đế</i> <i>Khâm, Càn Minh năm</i> <i>đầu</i>	<i>Bắc Tề:</i> <i>Thiên Bảo năm thứ 3</i>
--	--	--

Tháng ba, Ích Châu Thứ sử Vũ Lăng Vương Kỳ ở đất Thục, năm năm thứ mười bảy nghe Hầu Cảnh vây Đài Thành, Tương Đông Vương Dịch phát binh đánh Cảnh, Kỳ nói với Tả hữu: “Thất quan văn sĩ đâu có thể phò cứu!” Gặp lúc cây bá quán quanh trụ trong tẩm cung của Kỳ sinh hoa, Kỳ cho là được điềm lành, tháng tư ông lên ngôi Hoàng Đế,

đổi niên hiệu Thiên Chánh, đưa con là Viên Chiếu làm Hoàng Thái tử. Tháng ba năm Thừa Thánh năm thứ hai, Nguyên Đế nghe Kỷ đến, bèn gửi thư xin Ngụy đánh Thục. Kỷ nghe có quân của Ngụy liền sai Tiền Lương châu Thứ sử Tiêu Lén đem quân về cứu Thục. Tháng bảy Kỷ giữ không nổi Giáp Khẩu nên tháo lui, thuận dòng về đông. Lương du kích tướng quân Phần Mãnh truy kích và chém Kỷ, con của Kỷ là Viên Mãn, Viên Chiếu, Viên Chánh bị nhốt trong ngục Đình Úy và chết. Tháng tám, Viên Túc đem thành đô ra hàng Ngụy.

Bắc Tề hạ chiếu thỉnh Thiên sư Tăng Trù vào kinh. Tề Vương Dương ra biên giới đón Sư đưa về thành nội. Lúc ấy Sư đã bảy mươi tuổi, nhưng thần thái vẫn sáng suốt, Tề chủ lạy học đạo Thiên, thọ Bồ-tát giới, bỏ hẳn rượu thịt, phóng thả chim muông, bỏ chức quan săn bắt. Đế lại hạ lệnh khắp nước, ngày sáu tháng ba muôn dân không được sát sinh, khuyên dân trai giới, trong vườn quan các thứ hành hạ đều phải bỏ. Đế giữ Sư ở kinh thành hơn bốn mươi ngày, cho dựng chùa Vân Môn ở Nghiệp Thành để Sư ở, đồng thời thỉnh Sư trụ trì Thạch Quật Đại Tự. Tề Vương Dương chuyên tâm Thiên học, sắc lệnh cho các châu lập riêng trường Thiên để người đạt được Định tuệ ở mà chuyên giảng dạy. Ông cho xây nhiều tháp chùa lớn, Tăng ni các châu vô số, từ khi Phật pháp truyền vào, đến lúc này thì cực thịnh.

<i>Quý Dậu: Lương, Thừa Thánh năm thứ 2</i>	<i>Tây Ngụy Phế Đế</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 4</i>
<i>Giáp Tuất: Thừa Thánh năm thứ 3. Tháng 12, Đế hàng Ngụy</i>	<i>Tây Ngụy: Cung Đế Quách</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 5</i>

Tây Ngụy: Không lập niên hiệu, bàn mưu giết Thái sư Thái, việc bại lộ, Thái phế Khâm đến Ung châu, lập em Khâm là Tề Vương Quách, đó là Cung Đế (con năm thứ tư của Văn Đế). Đế cũng bỏ niên hiệu, lấy họ Thát Bạt, chín mươi chín họ trước đây đổi thành họ đơn, nay đều lấy lại họ như cũ.

Tháng mười một, quân Tây Ngụy vây Giang Lăng, Đế cùng Thái tử, Vương Bao, Tạ Đáp Nhân, Chu Mãi Thần lui về giữ Kim Thành. Đế

vào Đông Cáp Trúc Đình, sai xá nhân Cao Thiện Bảo đốt hết mười bốn vạn quyển đồ thư cổ và kim, lại lấy bảo kiếm chém trụ đứt đôi mà than: “Đạo của Văn, Vũ đêm nay hết rồi!”. Ông bỏ vũ nghi, văn vật, bạch mã, xa giá ra hàng. Tháng 12, ông bị dân Ngụy giết, lập Lương Vương Sát làm Lương chủ, cai quản đất Kinh châu, đó là Hậu Lương.

* **Kính Đế:** Tên Phương Trí, con năm thứ chín của Vũ Đế, được phong Tấn An Vương. Nguyên Đế bị hại, Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên đưa ông làm Lương Vương. Tháng hai năm Ất Hợi, Lương Vương từ Tầm Dương đến và lên ngôi Vương, lúc này mới mười ba tuổi, đưa thái úy Vương Tăng Biện làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự, gia phong Trần Bá Tiên làm chinh tây Đại tướng quân. Bắc Tề chủ gửi thư cho Vương Tăng Biện, cho rằng người nổi nghiệp Xung Mạo Trinh Dương Hầu đủ tuổi về kham giữ Kim Lăng. Tháng năm Tăng Biện sai sứ báo với Trinh Dương Hầu Uyên Minh định lại lễ vua tôi. Năm Canh Tý sai lấy long chu pháp giá nghinh đón ông. Năm Quý Mão, Uyên Minh vào Kiến Khang, năm Bính Ngọ lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Nguyên Thành, phong Lương Vương làm hoàng Thái tử, Vương Tăng Biện làm Đại Tư mã, Trần Bá Tiên làm thị trung. Hồi ấy Tăng Biện, Bá Tiên cùng diệt Hầu Cảnh, hai bên rất thân nhau. Đến khi Tăng Biện thâu nạp Trinh Dương Hầu, Bá Tiên đã sai người qua lại mấy lần cật lực can ngăn nhưng Tăng Biện không nghe. Bá Tiên liền đem quân đánh úp Tăng Biện, bắt rồi thắt cổ Biện. Trinh Dương Hầu thoái vị chạy đến đất Để, trăm quan dâng biểu cho Tấn An Vương khuyên ông lên ngôi. Tháng mười Tấn An Vương lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thiệu Thái, ở ngôi ba năm, đưa Trinh Dương Hầu Uyên Minh làm Tư Đồ. Niên hiệu Thiệu Thái một năm, Thái Bình hai năm.

<i>Ất Hợi: Lương, Thiệu Thái năm đầu</i>	<i>Hậu Lương: Tuyên Đế Sát, Đại Định năm đầu</i>	<i>Tây Ngụy: Cung Đế năm thứ 2</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 6</i>
--	--	------------------------------------	------------------------------------

* **Hậu Lương:** Tháng giêng, Lương Chủ Sát lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, đó là Tuyên Đế, con năm thứ ba của Chiêu Minh. Ban đầu ông được phong Nhạc Dương Vương, nhưng bất bình với Nguyên Đế, nên tìm cách dựa vào Tây Ngụy, đến lúc này lấy quốc hiệu Lương, lấy niên hiệu Đại Định, truy tôn cha Thái tử là Châu Minh Hoàng Đế, miếu hiệu Cao Tông. Sát ở ngôi bảy năm, khi dâng sớ cho Ngụy thì

xưng thần, theo chánh sóc của Ngụy. Minh Đế Khuy ở ngôi hai mươi bốn năm, Thái tử Tông kế ngôi, đó là Cử Công, ở ngôi hai năm, đất nước về tay nhà Tùy.

+ Tháng tám Bắc Tề chủ đi Tấn Dương rồi về đất Nghiệp. Ông cho Phật giáo và Đạo giáo bất đồng muốn trừ đi bớt một đạo, mới triệu tập học giả của hai giáo, nghị luận trước mặt mình và ra lệnh cho Đạo sĩ phải thế phát làm Sa-môn. Chiếu rằng: Người được thành Tiên có thể bay cao bay xa, người nào chưa được đều phải cải tà quy chánh, đến Thượng Thống Chiêu Huyền thế phát xuất gia, nếu ai trái lệnh thì giết, bốn người đều phụng mệnh. Từ đó trong nước Tề không hề có Đạo sĩ. (Bắc Tề Kỷ).

<i>Bính Tý: Lương, Thái Bình năm đầu</i>	<i>Hậu Lương, Đại Định năm thứ 2</i>	<i>Tây Ngụy: Năm thứ ba, tháng mười hai nhường ngôi cho Chu</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 7</i>
--	--------------------------------------	---	------------------------------------

Lương: Có bốn mươi hai Sa-môn dịch kinh, tổng cộng bảy trăm tám mươi quyển Kinh Luận, chùa viện đến hai ngàn tám trăm bốn mươi sáu ngôi, Tăng ni tám vạn ba ngàn người (Biện Chánh Lục).

Nhà Lương gồm bốn chủ, trị vì năm mươi lăm năm, nhường ngôi cho Trần.

* **Nhà Trần:** Họ Trần, đóng đô ở Kiến Khang gồm Cao Tổ Vũ Đế, Thế Tổ Văn Đế, Phế Đế, Cao Tông Tuyên Đế, Hậu Chủ, trị vì tổng cộng ba mươi ba năm.

- **Cao Tổ Vũ Đế:** Húy Bá Tiên, tự Hưng Quốc, người Trường Hưng Hồ châu, làm quan cho Lương, diệt Hậu Cảnh mà có công. Tháng tám năm Đinh Sửu, ông được tấn phong ngôi tướng quốc cai quản trăm quan. Tháng mười, ông được phong vương và nhận ngôi, phong Lương Kính Đế làm Giang Âm Vương. Ông ở ngôi ba năm, thọ năm mươi bảy tuổi. Niên hiệu Vĩnh Định ba năm.

<i>Đinh Sửu: Trần, Vĩnh Định năm đầu, tháng mười đổi niên hiệu</i>	<i>Đại Định năm thứ 3</i>	<i>Chu: Vũ Văn Giác năm đầu, tháng tám phế Giác lập Dục</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 8</i>
--	---------------------------	---	------------------------------------

* **Nhà Chu:** Họ Vũ Văn, người Vũ Xuyên, Đại Quận, cha Vũ Văn Thái làm quan cho Ngụy được phong Chu Công, con năm thứ ba của Thái là Giác được Tập phong. Tháng mười hai năm Bính Tý nhận ngôi từ Ngụy, lúc này vào tháng giêng ông lên ngôi Thiên vương, lấy quốc hiệu Chu, truy tôn cha Vũ Văn Thái làm Thái Tổ Văn Hoàng Đế, đóng đô ở Trường An, không lập niên hiệu, chỉ xưng Nguyên niên, phong Ngụy Cung Đế làm Tống Công, lấy Mộc đức nối Thủy đức của Ngụy, theo nghi lễ nhà Hạ, phục sức chuộng màu đen. Giác tính tình quả quyết, cương trực, ghét đại Tư mã Tấn Công Vũ Văn Hộ chuyên quyền, tháng tám ông lập mưu giết Hộ. Việc bị bại lộ, Hộ phế ông xuống làm Lược Dương Công, được hơn một tháng thì giết đi, ở ngôi tám tháng, thọ mười sáu tuổi. Hộ đón Kỳ châu Thứ sử, Ninh Đô Công Dục lên ngôi thiên vương, đó là Thế Tông Minh Đế, con trưởng của Văn Đế. Ông ở ngôi bốn năm, hai năm trước không lập niên hiệu. Tháng giêng năm Kỷ mao, Thái sư Thái Tông Bá Vũ Văn Hộ dâng biểu giao quyền chính, Dục mới bắt đầu nắm chánh sự. Nhưng việc quân binh vẫn do Hộ nắm, chức vụ Đô đốc châu quân sự được đổi thành tổng quản. Tháng tám, ngự chánh trung đại phu Thôi Tà kiến nghị cho rằng, Thánh nhân theo sự đổi thay của thời thế mà đặt ra lễ nghi, nay Thiên Tử xưng vương thì không đủ để dương uy thiên hạ, xin noi theo pháp chế của Tần, Hán mà xưng Hoàng Đế, lập niên hiệu. Chu Vương bèn xưng Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vũ Thành. Đế thông minh uyên bác, vì vậy Tấn Công Hộ rất lo sợ. Tháng tư năm Vũ Thành năm thứ hai, Hộ chuốc độc vào trong chày giã đường, Đế ăn vào và chết, thọ hai mươi bảy tuổi. Vũ Đế Ung lên ngôi, là con năm thứ tư của Văn Đế, ở ngôi mười tám năm, phế bỏ Phật giáo, Đạo giáo, thọ ba mươi sáu tuổi. Tuyên Đế Bân là con trưởng Vũ Đế, ở ngôi hai năm, nhường ngôi cho hoàng Thái tử Xiển, tự xưng Thiên Nguyên Hoàng Đế, thọ hai mươi hai tuổi. Tĩnh Đế, sau đổi tên là Diển, phong Tỳ Công Dương Kiên làm tướng, ông khôi phục lại Phật giáo, Đạo giáo, ở ngôi một năm, nhường ngôi cho Tỳ Vương Kiên.

<i>Mậu Dần: Trần, Vĩnh Định năm thứ 2</i>	<i>Hậu Lương, Đại Định năm thứ 4</i>	<i>Chu: Thế Tông Minh Đế Dục, năm thứ 2</i>	<i>Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 9</i>
---	--------------------------------------	---	------------------------------------

Tháng năm, Trần Đế xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm tập xuất gia, quần thần dâng biểu thỉnh Đế về cung. Đế mở pháp hội cúng Tăng, bố thí, phóng sinh, xá tội, dựng chùa Đông An ở Dương Châu, lại dựng

thêm bốn chùa như Hưng Hoàng, Thiên Cung v.v...

Chu Đế phụng Phật, khuyến hóa tông tộc, vì cầu phước cho tiên hoàng, ông đã dựng tượng Lô-xá-na, thêm hai tượng Bồ-tát, mỗi tượng cao hai trượng sáu thước, tạo mười hai tượng Chiên-đàn mỗi tượng có hai Bồ-tát Kim Cang, Sư Tử, uy nghiêm tráng lệ vô cùng.

<i>Kỷ Mão: Vĩnh Định năm thứ ba, tháng sáu Đế mất</i>	<i>Đại Định năm thứ 5</i>	<i>Chu: Tháng tám xưng Đế, Vũ Thành năm đầu</i>	<i>Thiên Bảo thứ mười, tháng mười Đế mất</i>
---	-------------------------------	---	--

+ Trần Đế chép mười hai tạng kinh, tạo trăm vạn tượng Phật bằng vàng, đồng, sửa ba mươi hai ngôi chùa cũ, độ bảy ngàn Tăng ni.

+ Bắc Tề Hiến Tổ Tuyên Đế Dương ở ngôi mười năm, Phật pháp cực thịnh, độ tám ngàn Tăng ni.

* **Thế Tổ Văn Đế:** Húy là Thiến, tự Tử Hoa, anh Vũ Đế, con trưởng của Chiêu Liệt Vương, được phong Lâm Xuyên Vương. Thái hậu hạ chiếu lập ông. Ông ở ngôi bảy năm, thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thiên Gia sáu năm, Thiên Khang một năm.

<i>Canh Thìn: Thiên Gia năm đầu</i>	<i>Đại Định năm thứ 6</i>	<i>Chu: Vũ Thành năm thứ hai, tháng tư Đế mất</i>	<i>Bắc Triều: Càn Minh năm đầu, tháng mười một Hoàng Kiến năm đầu</i>
---	-------------------------------	---	---

Bắc Tề: Tháng hai, Thái tử Ân lên ngôi, đổi niên hiệu Càn Minh. Tháng tám Thái hậu phế ông làm Tề Nam Vương. Thường Sơn Vương Diễn lên ngôi, tháng mười một đổi niên hiệu Hoàng Kiến năm đầu. Tháng mười năm Hoàng Kiến năm thứ hai, Đế đi săn té ngựa gãy lưng chết, di mệnh cho em là Trạng kế mình nắm chánh sự. Trạng đổi năm Hoàng Kiến năm thứ hai thành Thái Ninh năm đầu. Diễn và Trạng đều là em của Tuyên Đế.

Tổ năm thứ 2: Đại sư Tuệ Khả.

Sư họ Cơ, người Vũ Lao, Lạc Kinh ban đầu có tên là Thần Quang. Sư học khắp thi thư, rất tinh thông nghĩa lý, từ nhỏ đã đến Long Môn

Hương Sơn ở Lạc Dương theo hầu Thiên sư Bảo Tĩnh xuất gia, thọ Cụ túc giới ở chùa Vĩnh Mục. Bảo Tĩnh dạy sư đến gặp Đạt-ma ở núi Thiếu Thất. Sư có cơ duyên đặc pháp, đứng vào hàng môn đệ thượng thủ và làm Tổ kế thừa xiển dương tông huyền của Đạt-ma. Sư đi khắp nơi tìm người nối pháp. Sư đến Bắc Tề, ở đây hiện có một cư sĩ tuổi hơn bốn mươi chẳng biết họ tên, đến lạ Sư và hỏi:

Đệ tử bị chứng bệnh phong, xin Hòa thượng sám tội giúp. Sư nói:

- Đem tội ra đây ta sám cho.

Người ấy im lặng giây lâu đáp:

- Tìm hoài nhưng chẳng thấy tội!

Sư nói:

Vậy là ta đã sám tội cho ông rồi, ông nên theo Phật Pháp Tăng mà tục.

- Nay gặp Hòa thượng đã biết là Tăng, chưa rõ cái gì gọi là Phật, Pháp?

- Tâm này là Phật, tâm này là Pháp, Pháp Phật chẳng hai, Tăng bảo cũng vậy.

Ông nói:

Ngày nay mới biết tánh tội chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, cũng như tâm ấy, Phật pháp chẳng hai.

Sư rất tâm đắc nói:

“Ông là cửa báu của ta!”

Sư liền thế phát và đặt cho tên Tăng Xán. Tăng Xán thọ Cụ túc ở chùa Quang Phước, hầu hạ sư suốt hai năm. Một hôm Sư nói với Tăng Xán: “Bồ-đề Đạt-ma từ nước Trúc Càn xa xôi đem Chánh pháp nhân tạng và tín y mật truyền cho ta, nay ta trao cho ông, ông phải giữ gìn đừng để đứt mất: Nghe ta nói kệ:

Xưa nay duyên có đất

Nhờ đất giống hoa sinh

Xưa nay không có giống

Hoa cũng chẳng từng sinh.

Phó pháp và y xong, Sư nói: “Ông nghe ta dạy, hãy ở trong núi sâu, chưa nên ra hoằng hóa, sợ rằng vướng phải nạn đời, nhưng ta cũng có túc nghiệp nay phải trả cho xong”.

Nói xong, Sư đến Nghiệp đô tùy nghi nói pháp suốt ba mươi bốn năm. Sau, Sư luận vô thượng đạo ở chùa Khuông Cứu huyện Quán Thành, bấy giờ có Pháp sư Biện Hòa đang giảng kinh Niết-bàn trong chùa, học chúng dần dần đi theo Sư hết. Biện Hòa nổi giận gièm pha Sư

với Ấp Tể Địch Trọng Khản, Địch bắt tội Sư, Sư nhân đó diệt độ, thọ một trăm lẻ bảy tuổi, nhằm ngày mười sáu tháng ba năm Khai Hoàng năm thứ mười ba đời Tùy Văn Đế, môn nhân an táng Sư ở Tư Châu cách huyện Phủ Dương bảy mươi dặm về phía đông bắc. Đường Đức Tông ban Sư thụy là Thái Tổ Thiên Sư.

<i>Tân Ty: Trần, Thiên Gia năm thứ 2</i>	<i>Hậu Lương: Đại Định năm thứ 7</i>	<i>Chu Vũ Đế Ung, Bảo Định năm đầu</i>	<i>Bắc Tề, Hoàng Kiến năm thứ hai, tháng mười một đổi niên hiệu Đại Ninh</i>
<i>Nhâm Ngọ: Thiên Gia năm thứ 3</i>	<i>Sát mất, con là Khuy lên ngôi nhận mệnh nhà Chu xưng Đế, Thiên Bảo năm đầu</i>	<i>Bảo Định năm thứ 2</i>	<i>Hà Thanh năm đầu</i>
<i>Quý Mùi: Thiên Gia năm thứ tư, Đế mở Vô Giá pháp hội ở điện Thái cực</i>	<i>Minh Đế Khuy, Thiên Bảo năm thứ 2</i>	<i>Bảo Định năm thứ 3</i>	<i>Hà Thanh năm thứ 2</i>

* **Pháp Sư Pháp Thượng:** Bắc Tề Thế Tổ Thành Đế Trạm dựng đàn trong cung thỉnh Pháp sư Pháp Thượng truyền Tam quy, Ngũ giới. Đế trải tóc dưới đất thỉnh Pháp sư đạp qua mà thăng tòa. Đế thọ giới xong, sau đó truyền tám chức quan trọng thân trong triều, hậu phi, quốc thích thọ Bồ-tát giới. Đế dựng chùa Báo Đức để ngài ở. Ngạn ngữ có câu: “Nơi mà Tăng bốn biển trọng vọng là đạo tràng Pháp thượng”.

* **Thiên Sư Tăng Thật:** Sư là người mà Chu Đế vương thần hết lòng tôn kính. Một hôm Sư nói với Tăng chúng: “Tu mau pháp sự tụng Quán Âm, cứu giảng đường ở Giang Nam bị ngã đổ”. Khi ấy, giảng đường ở Dương Đô thính chúng vân tập, tăng tục đông nghẹt, bỗng nghe có mùi thơm lạ và tiếng kỹ nhạc hưởng Tây bắc, cả giảng đường đều lạ lùng và ra ngoài xem xét, giảng đường bỗng nhiên ngã nhào nhưng đại chúng không ai bị thương tổn. Việc này truyền đến tai Lương Chủ, rồi vang đến tai Chu Đế, mới hay nhờ phước của Sư. Ngày mười tám

tháng bảy năm đó, Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi, Đế than khóc rất bi thảm, hạ chiếu họa tượng Sư an trí ở chùa Đại Phước Điền để phụng thờ, cúng dường.

<i>Giáp Thân: Thiên Gia năm thứ 5</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 3</i>	<i>Nhà Chu bắt đầu lệnh cho các quan phải cầm Hốt. Bảo Định năm thứ 4</i>	<i>Bắc Tề: Hà Thanh năm thứ 3</i>
<i>Ất Dậu: Thiên Gia năm thứ 6</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 4</i>	<i>Bảo Định năm thứ 5</i>	<i>Đế nhường ngôi cho Thái tử Vỹ, Đại Thống năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu</i>
<i>Bính Tuất: Thiên Khang năm đầu, Tháng tư Đế mất</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 5</i>	<i>Bảo Định năm thứ 6</i>	<i>Đại Thống năm thứ 2</i>

* Tùy Văn Đế trùng tu sáu mươi ngôi chùa cũ, chép năm mươi tạng kinh, độ hai vạn Tăng ni.

* **Lâm Hải Vương:** Húy Bá Tông, sử gọi là Phế Đế, con trưởng của Văn Đế, ở ngôi hai năm. An Thành Vương Húc theo lệnh của Chương Thái hậu phế ông xuống làm Lâm Hải Vương, Húc lên ngôi. Ông thọ mười chín tuổi, niên hiệu Quang Đại hai năm.

<i>Đình Hợi: Đình Quang Đại năm đầu</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 6</i>	<i>Thiên Hòa năm thứ 2</i>	<i>Bắc Tề: Đại Thống năm thứ 3</i>
---	----------------------------	----------------------------	------------------------------------

* **Thích Vong Danh:** Chu Vũ Đế sắc phong ngài là Hạ Châu Tam Tạng, rồi muốn phong chức quan cho. Tháng năm Thiên Hòa năm thứ hai, Trung Tể Vũ Văn Hộ gửi thư khuyên ngài, ngài trả lời rằng: “Giấu mình trong núi, nhiếp tâm ngoại trần vốn là chí nguyện của tôi.” Nhân đó, ngài soạn bài minh là Kim Nhân Châm Tức Tâm. trong ấy ghi: “Pháp giới có người tên Như Ý Bảo, trói thân mình, khắc ngực mình rằng: Biết nhiều, lăm việc chẳng bằng dứt ý, lo nhiều mất nhiều chẳng

bằng giữ một, nghĩ nhiều chí loạn, biết nhiều tâm loạn, tâm loạn sinh phiền, chí loạn chướng đạo, hiền tài đa nghệ chính là ngu tộ, một tài một năng riêng sáng dưới trời, một nghề một nghiệp tự tại trong đời.”

+ **Thiền Sư Nam Nhạc Tuệ Tư:** Sư họ Lý người Vũ Tân, xuất gia với Bắc Tề Thiền Sư Tuệ Văn, từng tìm tòi kinh tạng được bộ Trung Quán Luận. Sư tỏ ngộ được diệu chỉ, liền từ xa vọng về Thiên Trúc lễ Tổ năm thứ mười bốn là Luận chủ Long Thọ Đại sĩ làm thầy, khai mở luận Tam quán: Không, Giả, Trung. Nguyên văn rằng: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo.” Lương Nguyên Đế năm Thừa Thánh năm thứ ba, Sư theo Tuệ Văn tu tập và ngộ nhận Pháp Hoa Tam-muội, Tuyên Đà-la-ni Môn, hành trì Tam tụ tịnh giới của Bồ-tát, không mặc gấm lụa, lạnh thì cắt cỏ khô trải dưới tòa, đạo hạnh của Sư nổi tiếng thiên hạ, người đương thời gọi Sư là Tư Đại Hòa Thượng. Sư từng bị bệnh và tư duy rằng: “Bệnh là do nghiệp sinh, nghiệp do tâm khởi, tâm duyên chẳng khởi, ngoại cảnh sao có, nghiệp bệnh và thân đều như bóng mây”. Sư quán tưởng vậy xong, thấy thân an ổn nhẹ nhàng. Sư dẫn đồ chúng về nam, gặp phải nhà Lương loạn lạc, nên dừng tạm ở Thái Tô Sơn. Trần Phế Đế, niên hiệu Quang Đại năm đầu, Sư đến Nam Nhạc, và nói với đồ chúng: “Đời trước, ta từng ở đây” và Sư chỉ núi rừng nói “Đó là chùa xưa” Đồ chúng đào đất quả nhiên thấy nền chùa và vật dụng của chư tăng, đồng thời phát hiện ra di hài ở dưới hai phiến đá, họ dựng tháp lấy tên là Tam Sinh Pháp. Ngay giữa núi Nhạc họ dựng chùa Bát-nhã, thế đất hổ nhảy, đất tuôn suối ngọt để Tăng chúng dùng. Trần Tuyên Đế niên hiệu Đại Kiến năm đầu, Nhạc Từ Đạo Sĩ ngấm gièm pha Sư với Trần Đế: Tăng phương Bắc nhận thỏa ước của nước Tề đến cắt đứt mạch núi, đóng đinh vào đá trấn yểm để khơi động yêu ma. Trần Đế sai sứ đến đuổi Sư. Sư cầm trượng phi thân đến triều, Đế lấy làm lạ và nghênh đón cúng dường, thỉnh Sư ở chùa Thê Huyền, hỏi luận Phật lý. Đế bắt tội đạo sĩ vì khi quân vu khống, nhờ Sư tâu xin nên đạo sĩ được miễn tội chết. Đế lệnh cho đạo sĩ phải hầu hạ cúng dường Sư. Sư tâu xin về Nam Nhạc, Đế thiết tiệc để tiễn.

Về sau, Sư dạy chúng rằng: “Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh rất gần, chỉ tìm nơi mình, chớ tìm nơi người, tìm tức chẳng được, được cũng chẳng thật”. Ngày hai mươi hai tháng sáu Đại Kiến năm thứ chín, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. Những tác phẩm do Sư trừ tác đều lưu hành ở đời. Sư là Tổ năm thứ ba của Tông Pháp Hoa.

<i>Mậu Tý: Trần, Quang Đại năm thứ hai, tháng mười một Đế mất</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 7</i>	<i>Chu: Thiên Hòa năm thứ 3</i>	<i>Bắc Tề: Đại Thống năm thứ tư, tháng mười một Thượng hoàng mất</i>
---	---	-------------------------------------	--

* **Cao Tổ Tuyên Đế:** Tên là Húc, con năm thứ hai của Chiêu Liệt Vương, được phong An Thành Vương, nhận di chiếu phụ chánh. Đến tháng mười một năm này phế Tiểu Đế và ông lên ngôi, ông ở ngôi mười bốn năm và thọ năm mươi hai tuổi. Ông sửa sang năm mươi ngôi chùa, dựng chùa Thái Hoàng ở Dương Châu, chùa có tháp bảy tầng, đúc hai vạn tượng Phật bằng đồng, vàng, dựng chùa Sùng Hoàng, phục hồi một triệu ba trăm ngàn tượng cũ, biên chép mười hai tạng kinh, độ một vạn Tăng ni. Niên hiệu Đại Kiến mười bốn năm.

<i>Kỷ Sửu: Trần, Đại Kiến năm đầu, tháng tư Phó Đại Sĩ mất</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 8</i>	<i>Thiên Hòa năm thứ 4</i>	<i>Đại Thống năm thứ 5</i>
--	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------

Tổ năm thứ 3: Đại sư Tăng Xán.

Không ai biết tên họ, quê quán của Sư thế nào, chỉ biết Sư với hình thức kẻ sĩ ở ẩn gặp Tổ Tuệ Khả ở Bắc Tề, Sư đến núi Tư Không, rồi ở ẩn trong núi Hoàn Công, Thư châu, ngày nay là Sơn Cốc Sơn Tự. Ba mươi năm sau, dấu tích của Sư mới dần dần hiển lộ, học giả biết và đến cầu đạo. Đời Tùy trong niên hiệu Khai Hoàng, có ông Sa-di Đạo Tín đến lạy Sư và thưa:

- Xin Đại Sư ban cho con pháp môn giải thoát!

Sư hỏi:

- Ai trói buộc ông?

- Không ai trói buộc cả.

- Không ai trói buộc thì ông đã giải thoát rồi còn cầu giải thoát làm gì nữa!

Đạo Tín nghe xong, tỏ ngộ, xin làm đệ tử. Thời gian sau, Đạo Tín qua Gianh Tây, Kiết châu thọ cụ túc, giới rồi trở về, Sư nói: Nay ông thọ giới rồi, đạo cũng hoàn bị, ta sắp đi đây. Đại Pháp Nhãn Tạng của Như Lai xưa, nay giao phó cho ông cùng y bát, ông phải nhận lấy, nghe

ta nói kệ:

*Giống hoa tuy nhờ đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo trồng
Hoa, đất trợn không sinh.*

Sư nói tiếp: Ông phải truyền trao, chớ để đoạn dứt, ta qua nước La-phù không lâu sẽ về.

Hai năm sau, Sư về lại sơn cốc thuyết pháp cho đồ chúng ở đây hơn một tháng rồi đứng mà thị tịch dưới gốc cổ thụ, hôm đó là ngày rằm tháng mười niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ hai, đời Tùy. Lúc ấy nhân dân chưa yên nên chưa dựng tháp Sư. Đến Đường Huyền Tông năm Thiên Giám năm thứ năm, Triệu quận Lý Thường qua làm quan ở Thư châu bèn khai quật hỏa táng thân lấy xá-lợi dựng tháp ngay nơi Sư tịch. Việc này truyền đến triều đình, Huyền Tông ban thụy cho Sư là Giám Trí Thiên Sư, tháp hiệu Giác Tĩnh. Đến triều vua sau, tướng quốc Phòng Quán soạn văn bia ghi lại rõ ràng hành trạng của Sư. Sư trú tác Tín Tâm Minh lưu hành ở đời.

+ **Tín Tâm Minh:** Trong ấy đại lược ghi: “Chí đạo không khó, chỉ hiểm chọn lựa, cần đừng thương ghét, thấu suốt rõ ràng, sai đi mảy may, đất trời cách tuyệt, muốn được hiện tiền, chớ còn thuận nghịch”. Lại ghi: “Tròn như thái hư, không thiếu không dư, bởi vì thủ xả, cho nên chẳng như”. (Lại ghi: “Hai do một có, một cũng chẳng giữ, một tâm không sinh, muôn pháp không lỗi.”). Lại ghi: “Chân Như pháp giới, không người không ta, phải gặp tương ứng, chỉ nói bất nhị. Bất nhị đều đồng, thấy đều bao dung, mười phương kẻ trí, đều vào tông này”. Lại ghi: “Một tức tất cả, tất cả tức một, chỉ cần như vậy, lo gì chẳng xong, tín tâm chẳng hai, chẳng hai tín tâm, đường ngôn ngữ dứt, chẳng xưa nay sau”.

<i>Canh</i>	<i>Dần:</i>	<i>Hậu Lương:</i>	<i>Chu:</i>	<i>Bắc Tề:</i>
<i>Trần, Thái Kiến</i>	<i>Thiên Bảo</i>	<i>năm</i>	<i>Thiên Hòa</i>	<i>Vũ Bình</i>
<i>năm thứ 2</i>	<i>thứ 9</i>		<i>năm</i>	<i>năm</i>
		<i>thứ 9</i>	<i>thứ 5</i>	<i>đầu</i>

Tề: Chiêu Huyền Thượng Thống: Pháp sư Đàm Diên được vua Tề sắc phong làm Chiêu Huyền Thượng Thống.

<i>Tân Mão: Trần, Thái Kiến năm thứ 3</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 10</i>	<i>Chu: Thiên Hòa năm thứ 6</i>	<i>Bắc Tề: Vũ Bình năm thứ 2</i>
---	--	-------------------------------------	--------------------------------------

+ **Luật Sư Tăng Chánh:** Đế cầu phước cho Hiếu Thái phi họ Vô, Trần Tuyên Đế lại xây Linh Sát ở chùa Thái Hoàng, Linh Sát cao mười lăm trượng phía dưới an trí móng tay Phật, được đặt trong rương báu. Đế hạ chiếu cho chư Tăng khắp nước, những người mới thọ giới chưa đủ năm hạ đều phải đến nghe học Luật, Đế dựng đạo tràng này ở chùa lớn tại Đô Ấp, mời Luật sư Viện làm giám luật tổng quản chư Tăng, ban bố khoa điều, quan Hữu Ty cung cấp đủ cơm ăn áo mặc. Đế lại sắc phong Luật sư Viện làm Tăng chánh của cả nước.

<i>Nhâm Thìn: Trần, Thái Kiến năm thứ 4</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 11</i>	<i>Chu: Kiến Đức năm đầu</i>	<i>Bắc Tề: Vũ Bình năm thứ 3</i>
<i>Quý Tỵ: Thái Kiến năm thứ 5</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 12</i>	<i>Kiến Đức năm thứ 2</i>	<i>Vũ Bình năm thứ 4</i>

Tháng chín, Đế hạ chiếu cho Bộc xạ Từ Lăng soạn văn bia của Vụ châu Song lâm Phó Đại sĩ, lại hạ chiếu cho Bộc xạ Châu Hoàng Chánh soạn văn bia cho Xà-lê Tuệ Hòa. (theo Trần Kỷ tự ký).

Chu Đế hạ chiếu mời Thiên sư Tăng Vỹ vào kinh, Đế đích thân lãnh thọ giới pháp, lại lệnh cho hậu, phi, công khanh đều phải thọ Thập thiện, thỉnh Tăng Vỹ trụ trì chùa Thiên Bảo trong kinh thành. Đến khi Sư về Đông, Đế sắc phong Sư làm An Châu Tam Tạng. Chu Đế từng phụng Phật rất kính tín, dựng chùa, xây tháp, độ tăng, chếp hơn ngàn bộ kinh, chợt bị đạo sĩ Trương Tân mê hoặc, ôm lòng hủy hoại Phật pháp. Ngày mười bảy tháng năm Giáp Ngọ, Đế hạ chiếu phế bỏ Phật giáo, rồi hạ chiếu phế luôn Đạo giáo. Pháp sư Tĩnh Ái vào cung gặp Đế, vạch rõ mọi điều không nên phá hủy chánh pháp và nói về thuyết họa phước báo ứng. Chu Đế có tâm hối cải, nhưng nhìn lại việc cũng đã làm, chiếu cũng đã ban ra, vả lại không thể làm trái được. Chu Đế tạ lỗi rồi đuổi ngài ra khỏi cung. Tĩnh Ái lui về vào núi Thái Ất soạn Tam Bảo Lục hai mươi quyển, lưu hành ở đời. (theo Phương Chí).

<i>Giáp Ngọ: Trần, Thái Kiến năm thứ 6</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 13</i>	<i>Chu: Kiến Đức năm thứ 3</i>	<i>Bắc Tề: Vũ Bình năm thứ 5</i>
<i>Ất Mùi: Thái Kiến năm thứ 7</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 14</i>	<i>Kiến Đức năm thứ 4</i>	<i>Vũ Bình năm thứ 6</i>

* Thích Tăng An ở trong núi Vương Ốc giảng kinh Niết-bàn, lúc ấy có con trĩ mái nằm nghe. Năm đó An đến Việt châu thấy nhà nọ có đứa con gái tóc như lông trĩ, gặp ngài cứ như đã biết nhau từ lâu. Ngài biết người con gái ấy chính là con chim trĩ từng nghe giảng.

+ **Hậu Lương:** Minh Đế Khuy dựng những chùa ở Kinh châu như: Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh, Bảo Quang, Tứ Vọng v.v...

+ **Đại Sư Thiên Thai Trí Giả:** Đến Kiến Khang trong năm này, Sư húy Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người Hoa Dung, Kinh châu. Sư xuất gia năm mười tám tuổi, đầu tiên đến núi Đại Tô yết kiến Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư mở đạo tràng Phổ Hiền tứ An lạc hạnh cho Sư. Sư tụng kinh Pháp Hoa đến câu “Chân tinh tấn ấy, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai” trong phẩm Dược Vương, Sư tỏ ngộ Pháp Hoa Tam-muội, chứng truyền Đà-la-ni, thấy pháp hội Linh Sơn còn nguyên chưa giải tán. Đến khi Sư từ giả Tuệ Tư lên đường du hóa, Tuệ Tư nói: “Ông có duyên với nước Trần, qua đó ắt có lợi ích”.

Lúc này là năm Ất Mùi, Sư đến Kiến Khang, ngụ tại chùa Ngõa quan mở mang Thiền pháp. Bộc xạ Từ Lăng, Thượng thư Mao Hỷ v.v... kính trọng và theo sư học yếu chỉ Thiền. Sư từng nằm mộng thấy mình lên núi cao, gặp một vị Tăng đưa tay vẫy Sư đến. Tháng chín năm đó, Sư đến núi Thiên Thai. Đại sư Định Quang ra đón Sư và hỏi: “Còn nhớ người vẫy tay hôm qua chăng?” Sư thất kinh lấy làm lạ và đánh lễ. Từ đó Sư dựng am hành đạo. Trần Tuyên Đế hạ chiếu thỉnh Sư về kinh đô ở tại chùa Quang Trạch. Tùy Văn Đế năm Khai Hoàng năm thứ chín, nước Tần bị diệt vong, Sư đến Lô sơn. Năm Khai Hoàng năm thứ mười một, Tấn Vương Quảng cai quản vùng Giang Hoài, ngày hai mươi ba tháng mười một, Vương cai quản Kim thành ở Dương châu, thỉnh Sư mở hội truyền Bồ-tát giới, truy phong Sư hiệu là Trí Giả. Thời gian sau, Sư về lại Lô Sơn, Tấn Vương lại thỉnh Sư hạ sơn để giải nạn cho Tiệp phi. Sư lập trai đàn hành Quang Minh sám bảy ngày, Tiệp Phi hết bệnh, Sư về lại Lô Sơn, qua hang núi Hoàn ngụ tại chùa Vương Tuyền. Ngày hai mươi bốn tháng mười một năm Khai Hoàng năm thứ mười bảy, Sư quy

tịch tại chùa Thạch Thành, núi Thiên Thai, thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lập bốn mươi hạ. Sư dựng cả thầy ba mươi sáu ngôi chùa lớn, sai chép mười lăm tạng kinh, trừ tác hơn trăm quyển kinh sớ, đúc tám mươi vạn tượng Phật bằng vàng, đồng, gỗ, đất; độ mười lăm ngàn tăng, tăng tục trong hơn năm mươi châu những người theo Sư thọ Bồ-tát giới không thể kể hết. Sư cho rằng, Pháp Hoa là kinh điển vi diệu của Nhất thừa, mở quyền môn của phương tiện, bày diệu lý chân thật, dung hợp hạnh nhỏ của muôn thiện, kết quy về Nhất thừa rộng lớn, Sư lập ra huyền nghĩa, đó là Ngũ trùng huyền nghĩa, gồm giải thích danh, Biện về Thể, nói rõ Tông, luận về Dụng, phân ra giáo tướng. Đời sau đều y theo cách phán giáo này và gọi đó là Thiên Thai giáo.

* **Chín Tổ Của Thiên Thai:** Đầu tiên, Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Văn tìm tòi kinh tạng, được bộ Trung Quán Luận do Long Thọ Đại sĩ trứ tác, Tuệ Văn tổ ngộ yếu chỉ, lễ Long Thọ làm thầy. Tuệ Văn khai mở pháp môn Chỉ Quán, Tam quán Không Giả Trung, đem tông chỉ Pháp Hoa truyền cho Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư truyền lại cho Đại sư Trí Giả Trí Khải. Trí Khải truyền cho Chương An Quán Đảnh, Quán Đảnh truyền cho Tấn Vân Uy, Tấn Vân truyền cho Đông Dương Uy, Đông Dương truyền cho Tả Khuê Nguyên Lăng, Nguyên Lăng truyền cho Trạm Nhiên Kinh Khê, cả thầy chín tổ. Người học đều noi theo, gọi đó là Tứ giáo pháp tánh quán hạnh tông, Thiên Thai giáo. Tôn giả Kinh Khê thị tịch trong niên hiệu Hưng Nguyên năm đầu, đời Đường Đức Tông, Hàn Lương Túc soạn văn bia, Đế phong ngài là Á Thánh của đời.

<i>Bính Thân:</i> <i>Trần, Thái Kiến</i> <i>năm thứ 8</i>	<i>Hậu Lương:</i> <i>Thiên Bảo năm</i> <i>thứ 15</i>	<i>Chu: Kiến Đức</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Bắc Tề: Long</i> <i>Hóa năm đầu,</i> <i>đổi niên hiệu</i> <i>Đức Xương</i>
---	--	--	--

Nhà Chu: Tháng mười năm Kiến Đức năm thứ ba, Chu Đế đem quân đánh Tề, chiếm lấy Tấn châu. Tề chủ lo sợ từ Tấn Dương lại về Nghiệp Khẩu. Tướng soái trong châu xin với An Đức Vương Diên Tông rằng: “Đại Vương không lên ngôi Thiên Tử, mọi người thật không thể đem hết sức phò tá Đại Vương được”. Diên Tông bắt buộc phải lên ngôi Hoàng Đế. Quân nhà Chu vây Tấn Dương, đánh chiếm Đông môn. Diên Tông đánh nhau, thua trận chạy đến Thành bắc, bị quân Chu bắt sống. Chu Đế xuống ngựa cầm tay Diên Tông nói: “Thiên Tử hai nước

chẳng có thù oán, tôi chỉ vì trăm họ mà đến đây thôi, trọn không làm hại ông, xin ông đừng sợ!” Chu Đế sai người trả lại áo mào và Tề chủ đi. Chu Đế đại xá thiên hạ, bỏ phép chế nhà Tề, giữ lễ với hào kiệt văn võ. Quân nhà Chu tiến đến đất Nghiệp. Tề Chủ dẫn tôi thân vào Chu Tước môn hỏi về kế sách chống lại quân Chu. Mỗi người một ý, cuối cùng Tề chủ chẳng biết nghe theo ai. Quan đoán vận mệnh nói sẽ có sự thay đổi, Tề chủ theo lời bàn của Thượng thư lệnh Cao Nguyên Hải, làm theo việc trong năm Đại Thống là nhường ngôi cho hoàng Thái tử Hằng. Ngày mừng một tháng giêng năm Đinh Dậu, Tề Thái tử Hằng lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thừa Quang, tôn Tề chủ làm thái Thượng hoàng Đế. Năm Nhâm Thìn quân Chu đến vây Nghiệp hạ, quân Tề ra đánh bị thua to. Tề Thượng hoàng dẫn trăm kỵ binh chạy về đông. Tề Đế đem thành ra hàng. Năm Giáp Ngọ, Chu Đế vào đất Nghiệp. Năm Ất Mùi Tề Thượng hoàng vượt sông vào Tế Châu. Hôm đó Ấu chủ nhường ngôi cho đại Thừa Tướng Nhậm thành chủ Giai, Giai hạ chiếu tôn Thượng hoàng làm vô Thượng hoàng, tôn Ấu chủ làm Tống Quốc Thiên Vương. Năm Bính Thân, Tề Thượng hoàng để Hồ Thái hậu ở lại Tế Châu rồi cùng với Mục Hậu, Phùng Thục Phi, Ấu chủ, bọn Hàn Trường Loan cả thầy mấy mươi người chạy qua Thanh châu muốn vào đất Trần. Quân Chu lên đuổi theo, Thượng hoàng, hậu, phi, Ấu chủ cùng hơn mười kỵ binh chạy về Nam, Ủy Trì Cần đuổi theo và bắt hết, đưa họ cùng Hồ Thái hậu về đất Nghiệp. Bắc Tề gồm năm chủ, trị vì hai mươi tám năm thì diệt vong. Tháng tư, Chu Đế về đến Trường An phong Tề chủ làm Ôn Công.

<i>Đinh Dậu: Trần, Thái Kiến năm thứ 9</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 16</i>	<i>Chu: Kiến Đức năm thứ 6</i>	<i>Bắc Tề: Ấu chủ Hằng Thừa Quang năm đầu, đất nước bị diệt vong</i>
<i>Mậu Tuất: Thái Kiến năm thứ 10</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 17</i>	<i>Chu Đế mất, con trưởng Bân lên ngôi, Tuyên Chính năm đầu, sau truyền ngôi cho Thái tử, tự xưng Thiên Nguyên Hoàng Đế</i>	

Bắc Tề có sáu Đại Sư dịch kinh, dịch năm mươi hai quyển Kinh Luận, có hơn hai trăm vạn tạng, dựng hơn bốn vạn chùa viện.

Chu: Tháng ba năm Kiến Đức năm thứ bảy, Đột Quyết cướp U Châu, Chu Vũ Đế thống lĩnh quân binh đánh Đột Quyết, đến tháng năm vẫn chưa dẹp xong. Tháng sáu Vũ Đế về Trường An rồi chết, thọ ba mươi sáu tuổi, Thái tử Bân lên ngôi Hoàng Đế.

<i>Kỷ Hợi: Trần, Thái Kiến năm thứ 11</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 18</i>	<i>Chu Đế tên Xiển, đổi tên là Diễn. Đại Thành năm đầu. đổi thành Đại Tượng năm đầu.</i>
---	--	--

Tháng giêng, Chu Tuyên Đế Bân nhận ngôi ở Lộ Môn, bắt đầu cho quần thần mặc áo mào của Hán Ngụy, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Đại Thành, đặt Tứ Phụ Quan, phong đại trủng tể Việt Vương Thanh làm Đại Tiền Nghi, Tương châu Tổng Quản Thục Công Uy Trì Hưởng làm đại Hữu bật, Trung Sơn Công Lý Mục làm đại Tả phụ, đại Tư mã Tỳ Công Dương Kiên làm đại Hậu thừa. Tuyên Đế truyền ngôi cho Thái tử Xiển đổi tên là Diễn, đổi Đại Thành là Đại Tượng năm đầu, Tuyên Đế tự xưng Thiên Nguyên Hoàng Đế. Tháng mười, Đế khôi phục lại tượng Phật và tượng Thiên Tôn. Tháng giêng năm Đại Tượng năm thứ hai, Đế hạ chiếu cho tất cả mệnh phụ phải cầm Hốt vào bái Tông miếu và Thiên Đài, đều phải cúi lạy như đàn ông. Tháng năm, Thiên Nguyên Hoàng Đế bệnh nặng, triệu Lưu Phương, Nhan Chi Nghi vào giường muốn dặn dò hậu sự nhưng ông bị cấm khẩu nói không được. Phương thấy Tĩnh Đế Diễn còn thơ dại, Hậu phụ (cha Hoàng hậu) Dương Kiên là người nổi danh nên cho làm trụ quốc. Bọn bái công Trịnh Dịch, Liễu Cừ cùng bàn nên để Kiên làm phụ chánh. Hôm đó Thiên Nguyên mất, thọ hai mươi hai tuổi. Phương giấu kín không phát tang. Phương và Dịch sửa chiếu cho Kiên nắm giữ hết việc quân mã của triều đình. Kiên thay đổi chính sách hà khắc bạo ngược của Tuyên Đế, khoan dung nhân từ hơn. Thiên Nguyên đúc hơn vạn tượng Phật, sai chép ba ngàn bộ kinh Bát-nhã, ăn chay, giữ tám giới, niệm Phật chuyên cần.

Trần: Năm này, Trần Đế hạ chiếu thỉnh Thiên sư Trí Khải dời về ở tại chùa Quang Trạch. Tùy Văn Đế năm Khai Hoàng năm thứ mười một, Tổng trấn Giang Hoài là Tấn Vương Quảng, tức Dương Đế, ngày hai mươi ba tháng mười một, ở Dương châu tổng quản Kim Thành, vương thỉnh Sư lập đạo tràng truyền Bồ-tát giới. Sư đặt pháp danh cho vương là Tổng Trì, Vương truy tôn Sư hiệu Trí Giả. Danh xưng Đại sư

Trí Giả bắt nguồn từ đó. Trí Giả thường dùng Ngũ thời Bát giáo để phân thích Thánh giáo đương thời của Trung Quốc, thâu tóm tất cả. Ngũ thời gồm:

1. Thời Hoa Nghiêm.
2. Thời Lộc Uyển nói về bốn bộ A Hàm.
3. Thời Phương Đẳng nói về các kinh như: Duy-ma, Tư Ích, Lăng-già, Kim Quang Minh, Thắng Man v.v...
4. Thời Bát-nhã nói về các bộ kinh Bát-nhã như: Ma-ha Bát-nhã, Quang Tán Bát-nhã, Kim Cang Bát-nhã.
5. Thời Pháp Hoa, Niết-bàn.

Bát giáo gồm: Đốn, Tiệm, Bí mật, Bất định, Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đốn v.v... bốn giáo trước là Hóa Nghi, giống như phương thuốc ở đời. Tạng v.v... bốn giáo sau là Hóa Pháp, giống như biện về vị thuốc.

1. Đốn giáo: Kinh Hoa Nghiêm dụ như mặt trời mọc, trước tiên chiếu trên núi cao, đây là thời thứ nhất. Kinh Niết-bàn v.v... dụ như từ bò cho ra sữa, tức là từ Phật lưu xuất ra mười hai phần giáo.

2. Tiệm giáo: Ba thời từ đây trở xuống có ba vị, nên gọi chung là Tiệm. Đầu tiên là ở Lộc uyển, Phật nói giáo pháp của Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v... đứng về thời thì đây là lúc mặt trời rơi vào hang tối, tức thời năm thứ hai. Đứng về vị thì đây là từ sữa cho ra lạc (cao sữa) tức từ mười hai phần giáo cho ra chín bộ kinh. Kế đến nói về Phương Đẳng bộ gồm Tịnh Danh Kinh v.v... chê Thiên bài Tiểu, khen Đại khen Viên, nói đủ cả Tứ giáo.

Tạng là Bán tự giáo. Thông, Biệt, Viên là Mãn tự giáo. Đứng về thời thì đây là đúng Ngọ (giờ ăn) tức thời năm thứ ba. Đứng về vị thì đây là lạc cho ra sinh tô (váng sữa). Giai đoạn này từ chín bộ hình thành ra Phương Đẳng. Tiếp theo nói về Bát-nhã, đứng về thời thì đây gọi là Ngu Trung (bóng nắng lệch về Tây mười dặm so với giờ Ngọ) tức thời năm thứ tư. Đứng về vị thì từ sinh tô cho ra thực tô (sữa chín). Giai đoạn này từ sau thời Phương Đẳng cho ra Ma-ha Bát-nhã.

3. Bí mật giáo: Ba thời kỳ thuyết giáo của Như Lai không thể nghĩ bàn, do người này nói là Đốn, người kia bảo là Tiệm, hai bên chẳng biết nhau, nhưng hay khiến cả hai bên đều lợi ích gọi là Bí mật.

4. Bất Định giáo: Từ trong bốn vị trước, Phật dùng Nhất âm diễn nói pháp, chúng sinh tùy chủng loại nghe hiểu. Sức chẳng nghĩ bàn ấy hay khiến cho chúng sinh trong Tiệm thuyết được lợi ích của Đốn, trong Đốn thuyết được lợi ích của Tiệm, do được lợi ích không đồng nên gọi là Bất định giáo. Kế đến nói về Pháp Hoa, khai mở Đốn Tiệm ấy mà

thể nhập vào chẳng Đốn chẳng Tiệm nên gọi là khai quyền hiển thật, hay còn gọi là phát quyền lập thật, hội tam quy nhất, kinh gọi là “Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba.” Đó chính là bỏ phương tiện, chỉ nói về Vô thượng đạo. Đứng về thời thì mặt trời đứng ngọ, không hề có bóng nghiêng, đây là thời năm thứ năm. Đứng về vị thì từ thực tô cho ra đề hồ (sữa đông đặc). Giai đoạn này từ Ma-ha Bát-nhã lưu xuất ra Pháp Hoa, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, trao Tam thừa cho con người và thọ ký tất cả chúng sinh sẽ thành Phật. Kế đến nói về Đại Niết-bàn. Có hai nghĩa:

1. Diễn nói Tứ giáo cho con người chưa chứng đắc, nói rõ về Phật tánh khiến họ viên mãn chân thường vào Đại Niết-bàn, nên gọi đây là Quán thập giáo (nhất nhạnh).

2. Vì để hàng độn căn trong đời sau ở trong Phật pháp khởi tâm đoạn diệt thấy biết sai lầm như hoại diệt tuệ mạng, đánh mất pháp thân, diễn nói ba loại Quyền giáo để dựng dậy Nhất thật viên giáo, nên gọi đây là phù luật đàm thường (dựng luật nói Thường). Luận về thời và vị thì nó đồng với Pháp Hoa.

Tứ giáo thuộc Hóa Pháp:

1. Tam Tạng giáo: Một là Tu-đa-la tạng (Tạng kinh) gồm các kinh như bốn bộ A-hàm v.v... Hai là Tỳ-đàm tạng (Luận Tạng) gồm các luận như Câu-xá, Tỳ-bà-sa v.v... Ba là Tỳ-ni tạng (Luật Tạng) gồm năm bộ luật. Tên gọi của Tam tạng thông cả Đại thừa, Tiểu thừa, nay chỉ nói đến Tam tạng của Tiểu thừa, đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

2. Thông giáo: Thông cả ba Tạng giáo trước và Biệt, Viên ở sau.

3. Biệt giáo: Là giáo giới ngoại chỉ có pháp của Bồ-tát. Về giáo, lý, tri, đoạn, hạnh, vị, nhân, quả của nó khác hẳn ba giáo trước, khác hẳn Viên giáo sau nên gọi là Biệt.

4. Viên giáo: Vì Viên danh, Viên diệu, Viên mãn, Viên túc, Viên đốn nên gọi là Viên giáo. Điều gọi là Viên phục, Viên tón, Viên hạnh, Viên đoạn, Viên vị, Viên tự tại trang nghiêm, Viên kiến lập chúng sinh, các Kinh Luận Đại thừa nói về cảnh giới Phật không chung cùng với thứ lớp của Tam thừa đều thuộc về giáo này. Nghĩa là Pháp Hoa là kinh vi diệu nhưng có lắm người chấp giáo theo kiểu hóa thành, trệ tình theo kiểu Thích Thảo Am, khai mở quyền môn phương tiện, bày diệu lý chân thật, dung hợp hạnh nhỏ của muôn thiện, kết quy về Nhất thừa rộng lớn, Sư lập ra Huyền nghĩa, lấy tên là ngũ trùng gồm giải thích danh, biện về thể, nói rõ tông, luận về dụng, phân ra giáo tướng. Danh thì nêu cả pháp và dụ, đó là diệu pháp Nhất thừa tức là bản tánh của chúng sinh ở trong

vô minh phiền não nhưng không bị nhiễm, giống như hoa sen trong bùn nhơ nhưng bản chất thường sạch nên lấy hoa sen đặt tên. Kinh này khai quyền hiển thật, phát quyền lập thật, hội quyền quy thật, giống như hoa sen có cái nghĩa hàm dung, khai, tàn; giống như hoa sen mang nghĩa ẩn hiện kết hạt, đó cũng chính là từ Bản bày Tích, từ Tích hiển Bản. Phạm đề kinh không ngoài bảy loại đơn phức của nhân, pháp, dụ. Đơn có ba loại, phức có ba loại và một loại Cụ túc thấu nhiếp tất cả. Danh là Diệu Pháp liên Hoa kinh đây là một trong ba loại phức, vì có cả Pháp và Dụ. Danh là để gợi đến Thể, Thể chính là Thật tướng, nghĩa là tất cả tướng nếu lìa Thật tướng thì không có Thể. Tông này là nhân quả Nhất Thừa, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật là trên hết. Dụng là lực dụng, lực dụng của nó nhằm khai mở và thể nhập. Sau cùng là phán giáo tướng để luận về pháp giáo cả một đời của Phật, phán chia thành Ngũ thời Bát giáo. Giáo lý đã rõ ràng nhưng không có quán hạnh thì không thể trở về lại với bản tánh, nên phải dựa vào lý không, giả, trung của tam đế hay tam chỉ tam quán, nhất nhất chỉ quán tâm, niệm niệm bất khả đắc. Trước không, kế là giả và sau là trung, lìa nhị biên mà quán Nhất tâm, giống như trăng ở ngoài mây, đây là hành tướng của Biệt giáo. Lại nói: “phá tất cả hoặc, không gì hơn không, lập tất cả pháp không gì hơn giả, rốt ráo tất cả tánh không gì hơn Trung. Một Trung thì tất cả Trung, không có Giả, không có Không nào mà chẳng Trung. Không và Giả cũng như vậy, đây là hành tướng của Viên giáo. Như ba con mắt của Ma-hê-thủ-la thiên, chẳng phải khác với ngang dọc. Tam quán viên thành thì pháp thân chẳng trống không. Vì lo người học đời sau mù mờ trong việc tu tánh, hoặc rơi vào Thiên chấp, nên ngài lại lập ra nghĩa của Lục tức để cắt đứt mối lo đó. Lục tức gồm:

1. Lý tức Phật: Chúng sinh trong mười pháp giới cho đến nhộng tằm đều bảm thọ diệu tánh, từ xưa đến nay thường trụ trong giác thể thanh tịnh, trong tánh nhất lý viên mãn, bình đẳng.

2. Danh tự tức Phật: Tuy lý tánh bình đẳng nhưng do trôi lăn nên chẳng biết lực dụng hằng ngày, cần phải mượn ngôn giáo bên ngoài huân tập, được nghe danh tự, sinh lòng tin, phát tâm hiểu.

3. Quán hạnh tức Phật: Khi đã nghe danh xưng là hiểu biết rồi phải nhờ Tam quán để trở về cội nguồn.

4. Tương tự tức Phật: Công năng quán hạnh sâu thì phát ra diệu dụng tương tự.

5. Phần chứng tức Phật: Ba tâm đã khai phát thì chứng đắc diệu dụng của Chân như, ngôi vị dần dần thù thắng.

6. Cứu cánh tức Phật: Đoạn sạch vô minh, giác tâm viên mãn, chứng vô sở chứng.

Sáu giai vị trên đều đã tức Phật chẳng thiếu chẳng thừa, đủ cả ba thân Pháp, Báo, Hóa làm Chánh báo, tùy duyên ở bốn cõi làm Y báo. Bốn cõi ấy gồm: Thường tịch quang pháp tánh độ là nơi Pháp thân cư trú. Thật báo vô chướng độ nhiếp thọ hai thứ thọ dụng: Tự thọ dụng độ thì Báo Phật tự ở, tha thọ dụng độ thì Đẳng Địa Bồ-tát ở. Phương tiện hữu dư và Tịnh uest đồng cư độ đều là Ứng hóa độ, là nơi Bồ-tát trước vị Thập địa, Nhị thừa, phàm phu cư trú. Kỳ thật thì chẳng phải thân, chẳng phải độ, không hơn không thua, vì đối với cơ duyên nên giả lập ra thân độ, rồi phân ra hơn kém. Ngài đã chứng đắc thân độ dung nhau, Quyền Thật vô ngại nên hơn ba mươi năm ngài ngày đêm diễn nói, sinh đủ bốn lợi ích, viên mãn bốn Tất-đàn. Tất có nghĩa biến khắp, Đản được dịch là bố thí. Pháp của ngài ban thí cho khắp hữu tình, tùy căn cơ đều được lợi ích. Như nói: Thế giới Tất-đàn sinh Hoan hỷ ích. Hành trạng của ngài trong lúc bình sinh, xem trong năm Ất Mùi thì rõ. Trong bộ Thỉ Chung Tâm Yếu của Tổ Thiên thai năm thứ chín là Tôn giả Kinh Khê ghi: Tam đế là tánh đức tự nhiên. Trung đế là thống nhiếp tất cả pháp, Chân đế là mẫn diệt tất cả pháp, Tục đế kiến lập tất cả pháp, nêu một tức đủ ba, chẳng trước chẳng sau. Chúng sinh vốn đầy đủ không phải nhờ tạo tác mà được. Than ôi! Bí tàng không biểu hiện là do ba hoặc lấp che, nên vô minh che lấp pháp tánh, trần sa ngăn ngại hóa đạo, kiến tư hoặc trở ngại không tịch, thế nhưng bản chất của ba hoặc này đều là hư vọng. Vì thế Đại Giác từ tôn bùi ngài than rằng: “Trong cõi Chân Như dứt sạch giả danh của sinh vật, trong tuệ bình đẳng không có hình tướng tự tha, chỉ vì chúng sinh vọng tưởng không tự chứng đắc nên không thể trở về.” Bởi vậy, ngài lập ra Tam quán để phá Tam hoặc, chứng Tam trí thành tựu Tam đức. Không quán phá kiến tư hoặc chứng Nhất thiết Trí thành tựu Bát-nhã đức. Giả Quán phá trần sa hoặc chứng Đạo chủng trí thành tựu Giải thoát đức. Trung Quán phá Vô minh hoặc chứng Nhất thiết chủng trí thành tựu Pháp thân đức. Nhưng Tam hoặc, Tam quán, Tam trí, Tam đức này chẳng phải khác nhau chẳng phải khác thời, vì lý tự nhiên đó đầy đủ các pháp. Nhưng tánh của Tam đế này nó vốn như vậy, mê Tam đế thì chuyển thành Tam hoặc, hoặc phá nhờ Tam quán, quán thành thì chứng Tam trí, Trí thành thì thành tựu Tam đức. Từ nhân đến quả không phải tiệm tu. Nói để mà biết thứ lớp chứ lý chẳng có thứ lớp, lưới lớn đã như vậy thì mắt lưới có thể tìm ra.

<i>Canh Tý: Trần, Thái Kiến năm thứ 12</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 19</i>	<i>Chu: Đại Tượng năm thứ 2</i>
--	--	-------------------------------------

Tháng hai, Chu Đế hạ chiếu: “Phật pháp rộng lớn, xưa cùng tôn sùng, lẽ đâu nay chôn vùi phước bỏ mà không theo. Từ nay, vương công cho đến lê dân đều nên tu trì để tỏ rõ ý Trẫm.”

<i>Tân Sửu: Trần, Thái Kiến năm thứ 13</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 20</i>	<i>Chu: Tháng giêng đổi niên hiệu Đại Định, tháng hai nhường ngôi cho Tùy</i>	<i>Tùy nhận ngôi nhà Chu. Khai Hoàng năm đầu</i>
--	---------------------------------	---	--

Tháng hai năm Đại Tượng năm thứ hai, Chu Tĩnh Đế cho đại Thừa Tướng Tùy Công Dương Kiên làm tướng quốc, tổng quản trăm quan, phong tước Vương, đem hai mươi quận như An Lục v.v... làm nước Tùy, khen lạ chẳng kê tên, đủ lễ Cửu tích nhưng Kiên chỉ nhận tước và mười quận mà thôi. Tháng giêng năm Tân Sửu, Tĩnh Đế đổi niên hiệu Đại Định. Tháng hai, thông trực tán kỵ Dữu Quý Tài khuyên Tùy Vương nên thuận ý trời mà nhận ngôi Thái phó Lý Mục, đại tướng quân Lư Bí cũng khuyên Vương. Thế rồi Chu Đế hạ chiếu nhường ngôi và ra ở cung riêng, lệnh cho Kỷ Công Thung đem ngọc tỷ của Hoàng Đế và chiếu nhường ngôi cho Tùy. Nhà Chu gồm năm chủ, trị vì hai mươi lăm năm. Tùy Vương nhận ngọc tỷ, vào điện Lâm Quang, mặc áo đội mũ giống như lễ nghi của Nguyên Ngụy, đại xá thiên hạ, lấy niên hiệu Khai Hoàng, bỏ lục quan của nhà Chu, theo phép cũ của Hán Ngụy, phong Chu Đế làm Giới Công, chín năm sau Giới Công mất.

* Tùy Đế họ Dương tên Kiên, người Hoa Âm, Hoàng Nông, là cháu mười bốn đời của Hán thái úy Dương Chấn. Cha ông là Trung ban đầu thờ Chu Văn Đế nhiều lần lập chiến công, làm quan đến chức Thái phó, Tùy Quốc Công Kiên được tập phong. Chu Đế cưới con gái của Kiên làm phi cho Thái tử. Thái tử tức Tuyên Đế. Tĩnh Đế lập Kiên làm phụ chánh, Kiên nhận ngôi nhà Chu, lấy hiệu Hỏa đức, đóng đô ở Trường An. Tháng ba niên hiệu Khai Hoàng năm đầu, Đế hạ chiếu: “Từ Ngũ Nhạc trở xuống đều phải dựng một ngôi chùa”. Tháng bảy Đế hạ chiếu rằng: “Kính vâng, Thái Tổ Vũ Nguyên Hoàng Đế ba đời làm

quan tạo dựng để nghiệp cho ta, ngưỡng vọng thần minh, sự ngầm chân tịch, nghĩ muốn rộng Sùng Bảo Sát, mở rộng Già-lam, tăng trưởng nhân phước, hầu giúp diệu chỉ. Tương Dương, Tùy Quận, Giang Lăng, Tấn Dương đều phải lập một ngôi chùa, dựng bia ca tụng đức, mỗi năm đến ngày quốc kỵ phải thiết trai hành đạo, thọ Bát quan trai, sám hối, thờ phụng thần linh.” Tháng tám, Đế lại hạ chiếu: “Năm xưa đạo nhà Chu suy, giặc giã nổi khắp, Trẫm tự tay luyện binh trừ hết yêu mị, những người tiết nghĩa liều mình quên thân dưới làn gươm giáo, nghe có người chết, Trẫm nghĩ đó là quần sinh phải chịu khổ binh đao, ôm lòng chí đạo, mang tâm độ thoát, nghĩ lập phước điền pháp lực giúp ngầm, mong thần dân chết trận căn lành tăng trưởng những kẻ phản nghịch từ tối vào sáng, đều thấu khổ không, đều cứu sinh tử. Trên chiến địa ở Tương Châu nên dựng một ngôi Già-lam.” Đối với những người dân phạm pháp đã mãn hạn, Đế dẫn dắt bọn họ thiết trai cúng dường. Mùa đông năm đó, Sa-môn Trí Châu v.v... từ Tây Vực về dâng 260 hai trăm sáu mươi Phạm bản kinh cho Đế. Đế lệnh giao cho Hữu Ty rồi mời người phiên dịch. Tùy Đế ở ngôi hai mươi bốn năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. (theo Tùy Thư Đế Ký)

<i>Nhâm Dần: Trần, Thái Kiến năm thứ mười bốn, tháng giêng Đế mất</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 21</i>	<i>Tùy: Khai Hoàng năm thứ 2</i>
---	--	----------------------------------

Tháng sáu, Tùy Đế hạ chiếu cho dựng đô ấp ở núi Long Thủ, Trường An. Thành lấy tên là Đại Hưng, điện cũng lấy tên là Đại Hưng, chùa lấy tên là Đại Hưng Thiện. Đế cho dân trong nước được phép xuất gia, nhưng phải tính theo nhân khẩu bỏ tiền ra để tạo dựng kinh tượng, phong Pháp sư Đàm Diên làm Chiêu Huyền Thượng Thống, sắc lệnh cho dịch kinh, lại sắc phong Pháp sư Tăng Mãnh trụ trì chùa Đại Hưng Thiện, sau tấn phong Tùy Quốc Đại Thống Tam Tạng Pháp Sư. Lúc chưa nhận ngôi, Đế đi qua hết bốn mươi châu, lúc này Đế dựng bốn mươi chùa Đại Hưng Quốc Tự trong các châu ấy.

Hậu Chủ: Húy Thúc Bảo, con trưởng Tuyên Đế, tháng giêng năm Nhâm Dần ông lên ngôi Hoàng Đế. Tháng chín, ông mở pháp hội Vô Ngại ở điện Thái cực, xả thân xuất gia, rồi xa giá về triều lại. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Chí Đức bốn năm.

<i>Quý Mão: Trần, Chí Đức năm đầu</i>	<i>Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 22</i>	<i>Tùy: Khai Hoàng năm thứ 3. Tháng ba dời về Tân Đô</i>
---------------------------------------	--	--

Tùy: Tháng giêng, Đế hạ chiếu: “Trẫm sùng kính Thánh giáo, nghĩ giữ cơ đồ, những chùa chiền bị triều Chu phế bỏ, đều nên trùng tu”. Đế lại ban sắc lệnh: “Hiếu sinh ghét sát là gốc của vương chính, Phật đạo ban giáo, nghiệp thiện đáng nường, súc dưỡng hàm linh, chỉ mạng là quan trọng, nên khuyến hóa thiên hạ đồng lòng cứu hộ.” Các chùa viện trong kinh thành cho đến các châu do quan lại lập ra, trong tháng giêng, tháng năm, tháng chín thường tổ chức đạo tràng hành đạo từ mồng tám đến rằm. Trong ngày đó, muôn dân gần xa, hễ loài có sinh mạng thì không được giết.” Đế lại ra chiếu thỉnh Pháp Sư Minh Thiệm phiên dịch kinh văn, trụ trì chùa Đại Hưng Thiệm, lại sắc lệnh cho Thích Tuệ Viễn làm Lạc Châu Sa-môn Thống.

<i>Giáp Thìn: Chí Đức năm thứ 2</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 23</i>	<i>Khai Hoàng năm thứ 4</i>
-------------------------------------	-----------------------------	-----------------------------

Tháng ba, Tăng thống Bảo Quỳnh nước Trần thị tịch, thọ 81 tuổi, Đế lệnh cho Hữu Ty chu cấp lễ vật an táng, nhưng dùng nghi vệ trụ tượng của Thiên Tử để trang hoàng.

Do sinh ra từ nơi nền cũ của Bát-nhã ni tự, nên Tùy Đế dựng lại chùa Đại Hưng Quốc tự để cầu phước cho Thái Tổ Vũ Nguyên Hoàng Đế và Nguyên Minh Hoàng Thái hậu.

<i>Ất Tỵ: Chí Đức năm thứ 3</i>	<i>Thiên Bảo năm thứ 24, tháng năm Khuy mất, Thái tử Tông nối ngôi</i>	<i>Khai Hoàng năm thứ 5</i>
---------------------------------	--	-----------------------------

Tùy Đế thỉnh Pháp sư Kinh để thọ Bồ-tát giới. Đế hạ chiếu rằng: “Trẫm xưa tu nhiều phúc, kính nối mệnh báu nên mới muốn về nường chánh giác, kính sùng quả Thánh. Nay thỉnh Pháp sư Kinh vào điện Đại Hưng Thiệm để truyền Bồ-tát giới. Nhưng giáo lý của Bồ-tát lấy giải thoát làm đầu, gốc của giới hạnh lấy Từ bi làm trước, nay nhà tù tằm tối, trẫm thường áy náy, từ tội đày trở xuống đều được phóng thích.”

Đế lại ban lệnh: “Phật đem chánh giáo phó chúc quốc vương, Trẫm là người kính nhận Phật phó chúc, từ nay về sau đến hết đời Trẫm, mỗi tháng thường mời mười bốn vị Tăng luân phiên đọc kinh, gồm bốn kinh sư, ba vị Đại đức, đọc tụng tất cả kinh văn tại điện Đại Hưng Thiện.

<i>Bính Ngọ: Chí Đức năm thứ 4</i>	<i>Hậu Lương: Tống, tức Cử Công, Quảng vận năm đầu</i>	<i>Khai Hoàng năm thứ sáu, Thục Vương Tú và Phi Cơ thỉnh Thích Pháp Tiến vào cung truyền giới</i>
<i>Đinh Mùi: Trinh Minh năm đầu</i>	<i>Quảng Vận năm thứ 2</i>	<i>Khai Hoàng năm thứ 7</i>

+ Trần, năm Trinh Minh. Tống Tư Trị Thông Giám tránh tên húy miếu hiệu của Nhân Tông Hoàng Đế nên ghi là Tường Minh, nay theo bản cũ.

+ Tùy, tháng tám, triệu Lương chủ vào triều. Lương chủ dẫn quần thần của mình sang Giang Lăng, Tùy Đế thấy Lương chủ vẫn tại ngoại, nên sai Vũ Hương Công Thôi Hoàng Độ đem binh đánh Giang Lăng. Thúc phụ của Lương chủ là An Bình Vương Nham sợ Hoàng Độ đánh úp, nên đuổi hết văn võ, nam nữ hơn mười vạn người chạy qua Trần. Tùy Đế nghe tin phứt bỏ nước Lương, bãi phong Lương chủ Tông làm Trụ Quốc, ban cho tước Cử Công. Ba vua của Hậu Lương đều sùng kính Phật pháp, dựng nhiều chùa tháp, gồm một trăm lẻ tám ngôi chùa, độ ba ngàn hai trăm Tăng ni.

* Trần, trong năm Chí Đức, Pháp sư Tuệ Bố dựng chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, Kiến Khang. Trần Đế và các vương đều thọ giới với ngài tôn thờ ngài như Phật. Ngài thị tịch hai mươi ba tháng mười một năm này.

* **Tùy Đế mời Pháp sư Đàm Thiên, Đế hạ chiếu:** “Hoàng Đế kính thăm Từ Châu Đàm Thiên Pháp Sư, nhờ lòng tin cần giáo pháp lợi lạc vô biên, thừa phong thưởng đức, thật mong tướng hoài, xin Pháp sư đến ngay cho, đáp lại mong cầu lao nhọc của Trẫm.” Đàm Thiên vào kinh hoàng dương rộng giáo pháp.

<i>Mậu Thân: Trần, Trinh Minh năm thứ hai, tháng năm phước Thái tử Dận làm Ngô Hưng Vương, lập con của Trương Quý Phi là Thâm lên làm Thái tử</i>	<i>Tùy: Khai Hoàng năm thứ tám, tháng mười cử đại binh đánh Trần.</i>
<i>Kỷ Dậu: Trinh Minh năm thứ ba, diệt vong</i>	<i>Khai Hoàng năm thứ chín, Tùy Đế thống nhất thiên hạ</i>

* **Lý Sĩ Khiêm:** Ông mất năm Khai Hoàng năm thứ tám. Sĩ Khiêm tự Tông Ước, thuở nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất kính hiếu. Tộc trưởng của ông là Bá Dương thường khen: “Đứa trẻ này là Nhan tử của ta”. Trong ngót ba mươi năm ông thường cho thuốc và già ngũ cốc, rất ham Phật lý, động tĩnh đều lấy giới định thức liễm. Có người bảo ông tu âm đức, Khiêm cười đáp: “Phàm âm đức nó giống như tai nghe tiếng, chỉ mình biết mình, ngoài ra không ai biết được. Nay những gì tôi làm Nhân giả đều biết thì làm gì có âm đức”. Sĩ Khiêm rất giỏi về biện luận lý màu, có người nghi thuyết báo ứng của Phật, Sĩ Khiêm dẫn dụ rằng: “Ông nghe kinh Dịch ghi: Tích thiện thì vui mãi, tích ác tai ương hoài, đó lẽ đâu chẳng phải là minh chứng cho việc dứt lỗi đó ư!” Khách lại hỏi tam giáo hơn kém thế nào, Sĩ Khiêm đáp: “Phật là mặt trời, Đạo là mặt trăng, Nho là năm sao”. Khách nghe xong, tỉnh ngộ. Kỷ dậu: Trinh Minh năm thứ ba diệt vong Khai hoàng năm thứ 9, Thiên hai thông nhất.

* Tháng giêng (năm Kỷ Dậu) Trần Đế có được Tùy Lô châu tổng quản Hàn Cẩm Hổ, Tùy Đế hạ chiếu cho san bằng thành ấp cung thất ở Kiến Khang, lại Tưởng Châu Ban Sư ở thành Thạch Đầu, sai trưởng sử hữu bộc xạ Tư mã Vương Thiệu trấn giữ Thạch Đầu. Tháng ba cùng vương công, bá quan đến Kiến Khang, tháng tư họ đến Trường An. Tùy Đế cấp tặng Trần chủ rất hậu, nhiều lần cho dẫn gặp, Ban đồng quan tam phẩm. Năm Nhân Thọ năm thứ tư, Trần chủ mất, Đế ban hiệu đại tướng quân Trường thành huyện công, thụy là Dương Đế.

Nước Tần có ba người dịch kinh, dịch hai trăm quyển Kinh Luận, dựng một ngàn hai trăm ba mươi hai ngôi chùa, đất nước có mười bảy ngôi chùa mới, trăm quan dựng cả thảy sáu mươi tám ngôi, ba trăm ngôi chùa lớn trong thành, ba vạn hai ngàn Tăng ni.

Nhà Trần gồm năm chủ, trị vì ba mươi ba năm, đất nước về nhà Tùy.

* **Nhà Tùy:** Họ Dương, lấy hiệu Hỏa Đức, đóng đô ở Trường An,

gồm Cao Tổ Văn Hoàng Đế, Dương Đế, Cung Đế, Việt Vương Đồng (em Cung Đế) đổi niên hiệu Hoàng Thái năm đầu.

+ **Cao Tổ Văn Đế:** Húy là Kiên, nhận ngôi từ nhà Chu (xem trong năm Tân Sửu về sau). Khai Hoàng hai mươi năm, Nhân Thọ bốn năm.

Mùa Xuân năm Canh Tuất, tức Khai Hoàng thứ mười, Đế xa giá đến Tấn Dương ban sắc lệnh: “Từ năm Khai Hoàng thứ mười về trước những Tăng ni được độ riêng đều cho phép xuất gia. Từ nay về sau, lệnh cho hoàng tử năm thứ tư là Thục Vương Tú dựng chùa Thắng Quang ở kinh đô”. Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Đàm Thiên cùng đồ chúng ở đó, nhận sự cúng dường của Vương.

* **Thiền sư Trí Thuần:** Hồi ấy, Sư thờ Thiền sư Trù ở núi Bạch Lộc, năm thứ mười Sư về bắc, vào núi Tán Hoàng, thanh danh vang xa. Năm ấy Đế hạ chiếu: “Hoàng Đế kính thăm Triệu châu, Chương Hồng Sơn, Trí Thuần Thiền sư, đạo thể khinh an, dẫn dắt quần sinh, khiến mau thành tựu, Trẫm rất vui mừng. Trẫm mở rộng chánh pháp, đêm không giải đãi. Nay sai Khai phủ Lô Nguyên Thọ đến tuyên ý Trẫm, cùng tặng vật thơm.” Tháng mười một, Đế hạ chiếu “Như Lai bày giáo, nghĩa lý bình đẳng, Bồ-tát dụng tâm vốn không sai khác, nên hay điều dắt phàm tình, tế độ muôn loại. Trẫm ở ngôi nhân vương, nối tiếp Tam bảo, thường luận chí lý, hoàng dương Đại thừa, các pháp rộng rang không thể bĩ ngã, hướng gì là phước nghiệp lại có chung, riêng. Từ nay hãy bồi lập công đức khắp trong vòm trời, thầy cứ tự do thi thiết theo ý của mình, mong chớ sinh nghi, ngõ hầu tất cả pháp môn đồng về Bất nhị, mười phương thế giới đều đến Bồ-đề”. Năm này Pháp sư Đàm Diên thị tịch, ngài là thầy của Đế ba triều. Trước khi lâm chung, ngài dâng biểu từ biệt Đế, phó thác Đế làm người ngoại hộ. Đế khóc rất bi thương, trăm quan mặc tang phục tống táng. Nội sử Tiết Đạo Hành soạn văn tế, đại lược ghi: “Xưa gặp đạo mất, lưới huyền rơi rụng, gỏi tâm núi sâu, vững chắc chẳng lay, ngôi cao lộc hậu không thể thay đổi lòng, pháp chế nghiêm khắc không đủ sinh hoảng sợ. Thánh hoàng mở vận, tượng pháp lại hưng, đứng đầu chúng Tăng, tước cũng cao nhất, khép lòng kính của quân vương, mở đạo nghĩa thầy trò, Tam bảo nhờ đó được hộ khắp, Nhị đế nhờ vậy được tuyên dương, tin chắc ngài đủ để theo vết tích Đồ Trường, La-thập, vượt xa Đạo An, Tuệ Viễn vậy”.

Tháng hai mùa Xuân năm thứ mười ba, Đế hạ chiếu xây cung Nhân Thọ ở phía Bắc Chính châu, phủ Phụng Tường, Thiểm Tây. Thục Vương Tú đi săn ở đồng hoang Chính Châu, ngựa bỗng rớt vào cái lò nung cổ, trong lò đây ấp tượng Phật, Bồ-tát. Đế nghe tin liền hạ chiếu,

các tượng ấy phải rước hết về quan phủ, kiểm soát chặt chẽ rồi đưa hết về chùa mới, nhân dân quanh vùng mỗi người góp một tiền giao cho quan để trang sức tượng. Đế soạn sớ văn rằng: “Ngày tám tháng mười hai, đệ tử Phật, Tùy Hoàng Đế Dương Kiên kính bạch mười phương Tam bảo, ngưỡng mong Như Lai hoàng đạo cứu độ hàm linh, đoạn nguồn tà ác, mở đường thiện nhân, để triều đình muôn dân có nơi nương tựa. Đời Chu loạn lạc, khinh miệt Thánh tích, phá hủy chùa tháp, đốt phá kinh tượng, làm cho người ngu không có người dẫn dắt, kẻ trí chẳng biết đâu tìm bậc linh Thánh. Đệ tử xưa nhờ nhân duyên Tam bảo, nay được vận thịnh, làm cha mẹ dân, cứu giúp bá tánh, nêu rõ dung tôn, kính sùng thần hóa, nền hư vách đổ đã được sửa sang, tượng gãy kinh hư đều cho khắc soạn. Đệ tử nay đối trước Tam bảo chí tâm sám hối. Nhà Chu đập tượng đốt kinh, khinh tăng phá chùa tội nặng như thế con xin sám hối kính cúng mười hai vạn tấm lụa để chuộc tất cả tội đập tượng đốt kinh, xin Tam bảo chứng minh cho con sám hối. Hoàng hậu cũng cúng ngàn ấy lụa, từ vương công đến trưởng quan chủ tướng, tá sử châu huyện, Tăng ni các chùa, tôn túc trong kinh, cho đến lê dân mỗi người cúng tiền, hôm sau thiết trai kính trùng tu kinh tượng”.

Đế lại hạ chiếu: “Dưới chân núi nổi tiếng của các châu mỗi nơi dựng một chùa Tăng, cấp cho trang điền”. Năm thứ mười bốn, Đế ban lệnh: “Trong khắp nước chỉ cần có chùa núi từ một tăng trở lên đều được cấp tên chùa, những nơi tự xây lấy cùng tên đó”. Đế lại mời Sa-môn Pháp Kinh và hai mươi Đại đức soạn Chúng kinh mục lục, bảy quyển, nêu chung chín bộ lục, phân ra phẩm loại. Pháp sư Đàm Sùng dựng tháp Phật cao mười một tầng. Ngày mười ba tháng mười, ngài không bệnh mà tịch. Tháng mười Đế hạ chiếu, những nơi tế tự do Bắc Tề, Hậu Lương, Trần phá hủy, lệnh cho Cao Nhân Anh Túc Tông, Trần Thúc Bảo theo mùa mà sửa sang cúng tế, mọi vật dụng chi phí do Hữu Ty chu cấp. Trần Thúc Bảo theo Đế lên Mang Sơn ở Lạc Dương hầu uống rượu ngâm thơ phú. Thơ rằng: “Nhật nguyệt soi đức trời, núi sông vũng Đế ở, thái bình không vì báo, mong vua ghi Đông phong”. Thúc bảo dâng biểu xin Phong Thiên, Đế vui mừng hạ chiếu đáp lời. Năm thứ mười lăm, Đế thấy Tăng ni thường bị lỗi lầm, luật do Phật chế không cho thế tục xem, mới lệnh cho Hữu Ty căn cứ kinh Đại tiểu thừa, lấy những lời cấm chế cho Sa-môn, rút ra chép hết lại lấy tên Chúng Kinh Pháp Thúc mười quyển, khuyên nhắc xuất gia tránh ác làm lành. Đế và Hoàng hậu dựng Liên Cơ phù đồ ở Pháp Giới Ni Tự trong kinh thành, phía dưới an trí xá-lợi Phật. Tháng bảy tháp phóng Đại quang minh. Đế

thỉnh Thiên sư Pháp Thuần vào kinh truyền giới cho Hoàng hậu. (Tam Bảo Kỳ).

Đế gửi thư cho Sa-môn Tuệ Tắc v.v... ở chùa Song Lâm, Vụ châu. Thư ghi: “Trẫm làm vua thiên hạ, trùng hưng giáo pháp, muốn cho Tam bảo trường tồn, bốn loài nhờ phước, nghĩ đến các thầy tuyên dương đạo Thánh, rất xứng đức dày”.

Năm thứ mười sáu, Đế thỉnh Luật sư Hồng Tuân giảng luật. Lúc này mọi người chỉ chuộng Luật Tăng-kỳ, Sư liền mở rộng Tứ phần, dần dần ai nấy đều thích học. Tháng giêng năm năm thứ mười bảy, Sa-môn Bảo Quý đem hết những bản kinh mới dịch từ Khai Hoàng Đến nay dâng lên Đế, Đế tự tay soạn bài tựa. Học sĩ dịch kinh Phí Trường Phòng, người Thành Đô, ban đầu làm tăng, đến khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, ông hoàn tục, Tùy lên nắm thiên hạ nhưng ông vẫn làm cư sĩ không xuất gia nữa, lúc này ông tham dịch làm Bút Thọ về Từ Nghĩa. Ngày hai mươi ba tháng mười hai năm này, ông dâng Đế bộ Lịch Đại Tam Bảo Kỳ mười lăm quyển do mình soạn, Đế hạ chiếu cho lưu hành. Bộ Kỳ này ghi đủ các kinh và dịch giả của nhiều đời. Năm này, nhóm họp hết Tăng ni được độ riêng trong cả nước cho thọ giới hết. Năm thứ mười tám, Đế lại gửi thư cho Sa-môn Tuệ Tắc v.v... ở chùa Song Lâm, Vụ châu, thư ghi: “Trẫm nhận mệnh trời, nuôi dưỡng lê dân, tôn sùng Tam bảo, hết mình cứu giúp, mong hàm linh mười phương nhờ phước nghiệp này đều lên nơi nhân thọ. Các thầy tuyên dương Thánh giáo cho khắp quần sinh, tinh cần khổ hạnh, rất vừa ý Trẫm, lợi lạc vô ngần, chớ từ lao nhọc”.

Tháng hai năm thứ mười chín, Luật sư Trí Văn tịch. Năm năm thứ hai mươi, Đế hạ chiếu, những kẻ phá hủy tượng Phật bị ghép vào tội ác nghịch.

Năm Tân Dậu, tức Nhân Thọ năm đầu, khi Đế chưa lên ngôi từng gặp Phạm Tăng trao cho một bọc Xá-lợi Phật. Tháng ba năm đó, Đế ra sắc lệnh cho ba mươi châu như: Kỳ, Ung, Thái, Hoa, Tung, Hoàn v.v... mỗi châu đều dựng tháp xá-lợi. Tháng sáu Đế hạ chiếu: “Ngưỡng mong Chánh giác Đại từ đại bi cứu hộ chúng sinh, dẫn dắt hàm thức. Trẫm quy y Tam bảo, trùng hưng Thánh giáo, muốn cùng bốn biển đồng taphước nghiệp, mãi tạo nhân lành, đồng lên diệu quả. Nay thỉnh ba mươi tám Sa-môn am tường pháp tướng đủ sức hoàng hóa, mỗi vị dẫn hai thị giả một tản quan (quan có hàm nhưng không có chức) mang một trăm hai mươi cân Huân lục hương, chia đường để đưa xá-lợi qua khắp ba mươi châu để dựng tháp. Mỗi châu chọn ba trăm sáu mươi tăng cùng thần dân

trong nước vì Trẫm mà hành đạo bảy ngày, hạn chót đến giờ Ngọ ngày rằm tháng mười, rồi cùng hạ hòm đá, đọc văn sám hối. Bồ-tát giới đệ tử Hoàng Đế Kiên kính bạch Tam bảo. Kiên nhờ sức Tam bảo làm vua cha muôn dân, nay xin phân chia xá-lợi dựng tháp, nguyện vì chúng sinh sám hối tội nặng”. Giờ Ngọ ngày rằm tháng mười, Đế ngự tại điện Đại Hưng, đứng quay mặt về phía Tây, tay cầm ngọc khuê, thỉnh tượng Phật và ba trăm sáu mươi Sa-môn cầm tràng phan, bảo cái, trỗi nhạc, từ Đại Hưng Thiện tự nghênh về đến điện, Đế đốt hương lễ lạy, tất cả bá quan văn võ đều ăn chay. Khi xá-lợi Phật đã nhập tháp xong, Đế nói: “Phật pháp trùng hưng tất có cảm ứng. Lúc đó sứ giả của ba nước Cao Ly, Bá tể, Tân La sắp về nước, họ đều xin thỉnh xá-lợi về nước mình dựng tháp cúng dường. Đế đồng ý cho. Ngày hai tháng mười hai, Đế nghênh ba mươi hột xá-lợi vào bình lưu ly để trong hộp vàng, đưa về Trường An, Đại Hưng Thiện tự dựng tháp. Tăng tục đến vạn ức người nghênh đón đến chùa, mở pháp hội Vô-giá. Đế Kiên thành sám hối.

Tháng giêng năm thứ hai, Đế lại phân chia xá-lợi cho năm mươi ba châu như: Kỳ, Thiểm, Hằng, Hàng v.v..., cách thức dựng tháp cũng giống như trước, kỳ hạn đến giờ Ngọ tháng Tư Đồng an trí hòm Xá-lợi. Rằm tháng năm, ở Ung Châu trời mưa hoa báu mặt vụn như vàng. Rằm tháng bảy, chùa Diên Hưng ở Trường An đúc tượng Phật bằng vàng đồng cao một trượng sáu, trời mưa hoa báu mặt vụn như bạc.

Tam tạng Xà-na-bạt-đa người Thiên Trúc dịch những bộ kinh như Hộ Quốc v.v... trong năm này. Ngài dịch tổng cộng ba mươi chín bộ, một trăm chín mươi hai quyển. Đế hạ chiếu thỉnh Phiền Kinh Học sĩ, Sa-môn ở chùa Hưng Thiện soạn Chúng Kinh Mục Lục năm quyển, gồm chung năm bộ lục rồi tùy loại phân ra.

Năm thứ ba, Hoàng hậu mất, Đế dựng tháp bảy tầng, dựng chùa Thiên Định ở Tây nam Kinh Ấp, ban sắc chỉ cho Hữu Ty thỉnh Thiên sư Thiên trụ trì, hạ chiếu thỉnh một trăm hai mươi Thiên sư danh đức trong cả nước cùng ở và hành đạo.

* Văn Trung Tử Vương Thông vân du về Tây, đến Trường An, gặp Đế trong điện Thái Cực, tâu lên mười hai điều khiến thiên hạ thái bình, nội dung tôn phò vương đạo, đả cao nghiệp bá, xét cổ bàn kim. Đế rất vui nói: “Ta già rồi cũng chẳng sống bao lâu nữa”. Đế đưa sách lược đó xuống bàn với công khanh, công khanh không thích lắm. Thông biết mưu lược của mình không được dùng, bèn làm bài ca Đông Chinh rồi trở về, nối tiếp Thi Thư, sửa lại lễ nhạc, tu sửa Nguyên kinh, tán Dịch đạo, chín năm thì hoàn thành Lục kinh. Môn nhân từ xa đến học

gồm: Đồng Thường ở Hà Nam, Diêu Nghĩa ở Thái Sơn, Đỗ Như Hối ở Kinh Triệu, Lý Tĩnh ở Triệu quận, Trình Nguyên ở Nam Dương, Đậu Uy ở Phù Phong, Tiết Thâu ở Hà Đông, Giả Quỳnh ở Trung Sơn, Phòng Huyền Lịch ở Thanh Hà, Ngụy Trưng ở Cự Lộc; Vương Khuê, Ôn Ngạn Bác ở Thái Nguyên, Trần Thúc Đạt ở Dĩnh Xuyên, họ đều tôn ông làm thầy, quay mặt về bắc nhận đạo giúp đế vương, ngoài ra những người tới lui thọ học lên đến hơn ngàn người. Giả Quỳnh hỏi: Làm sao diệt phỉ báng? Ông đáp: Không biện luận. Làm sao dứt oán? Ông đáp: không tranh giành. Vương Thông nói tiếp: nghe phỉ báng mà giận là kẻ lừa bịp sàm tấu, kẻ được khen mà vui là thói môi giới gian nịnh. Dứt lừa bịp, bỏ môi giới, thì cách xa sàm tấu, dua nịnh vậy.

Hồi đó, Dương Đế nhiều lần mời nhưng ông không đến. Năm Đại Nghiệp năm thứ mười ba, ông bị bệnh, nghe Dương Đế bị hại, ông buồn ngủ rồi bất chợt nói: “Muôn dân ghét loạn lâu rồi! Có người muốn mở vận Nghiêu Thuấn nhưng ta không còn sống với họ được” sau đó ông mất, môn nhân truy thụy là Văn Trung Tử. Ông từng đứng ở giữa mà lập luận định nghị Luận ngữ. Trong thiên Chu Công ông nói: Thi Thư thịnh nhưng nhà Tần diệt vong, không phải lỗi của Khổng Tử; Huyền Hư phát triển nhưng nhà Tấn loạn, không phải tội của lão Trang; tu trai giới nhưng Lương diệt vong, không phải tội của Thích-ca. Kinh Dịch đâu chẳng nói: “Nếu không phải người ấy thì đạo chẳng hành sông”. Có người hỏi đến Phật, ông đáp: Thánh nhân. Hỏi: Đạo ấy thế nào? Ông đáp: Giáo của phương Tây, Trung Quốc lại chấp nê. Ông nói tiếp: Xem Hoàng Đế rất thích bàn luận, Tam giáo vì thế là một rồi.

Em ông là Vương Tích cũng viết sách, lấy hiệu là Đông Cao Tử. Văn Trung Tử giảng đạo ở Khe Bạch Ngộ, đệ tử cầm sách quay mặt về bắc sắp thành hàng xung quanh nhà học. Giảng xong, Trình Sinh lui ra nghiên ngẫm dưới gốc tùng, khi bàn đến Chu Dịch, Tiết Thâu than: Chẳng bằng họ Phục Hy thì nhiều lời làm gì! Lúc bấy giờ có một người vác củ linh thoăn thoắt đi tới vác củ xuống ngồi nghỉ rồi hỏi: Ông than cái gì? Tiết Thâu đáp: Ông là ai mà lại hỏi tôi than? Người vác củ đáp: Phàm lệ chu có màu đỏ, thêm mực thì đen, rồi dần dần thành đen. Nay cái ông uống vào là đạo mà vẫn còn than, thì lục phủ ngũ tạng không thể tiếp nhận, bởi vậy ta mới hỏi. Tiết Thâu nói: Thâu tôi nghe thầy mình dạy, Dịch là cái sâu xa của đạo, Phục Hy họa ra Bát quái rồi Văn Vương thêm vào, tôi không thấu đạt được văn nên than. Người vác củ Linh nói: “Văn vương nào có bệnh mà Phục Hy là người bệnh nặng. Xưa Phục Hy chưa họa Bát Quái thì Tam tài lẽ nào chẳng lập, Tứ tự lẽ đâu

chẳng vận hành, trăm vật lẽ đâu chẳng sinh, vạn tượng há chẳng sum suê? Vậy thì quần đi quần lại làm gì, họa thật uổng phí. Từ khi Phục Hy làm tiết lộ bí mật của đạo, làm lậu cơ thần, chia bày thái hòa, phân chẻ nguyên khí khiến người trí trong thiên hạ đối đạo nghịch xuất, rằng ta giỏi bàn tượng lại biết vật tình, âm dương giao thoa, xa gần cùng hội, lập ra thuyết cương nhu đồng dị để hù dọa chí người. Vì thế, biết nhưng chẳng biết lại phát tán hết rồi, cho nên Phục Hy mới là mầm loạn, ông đâu thể than hoài rồi trách cứ Văn Vương”. Nói xong, người ấy vác cỏ đi. Thâu chạy theo hỏi tên họ, chỗ ở nhưng ông ta không đáp. Văn Trung Tử nghe được nói: “Ôi! Người ở ẩn!”

Tháng giêng năm Giáp Tý, tức Nhân Thọ năm thứ tư, Đế hạ chiếu: “Trẫm nay nhận mở vận, dưỡng dục muôn dân, tuân thờ Thánh giáo, trùng hưng pháp thiện. Như Lai đại Từ che chở hàm linh, đều thấy xá-lợi, dẫn dắt hàm thức. Trẫm đã phân bố cho khắp nơi đều dựng linh tháp. Trong số đó vẫn còn các châu chưa có xá-lợi, nay lại thỉnh chư Đại đức phụng nghinh xá-lợi đến các châu ấy, dựng tháp giống cách thức trước để cùng muôn dân đồng hưởng phước nghiệp”. Đế hạ sắc lệnh cho Luật sư Pháp Tuân v.v.. nghinh xá-lợi đến hơn ba mươi châu khác như Bác châu, Giáng châu v.v.. tất cả đều theo cách thức trước, hạn chót là mồng tám tháng Tư Đồng loạt an trí xá-lợi. Đế sắp đi tránh nóng ở cung Nhân Thọ, Thuật Sĩ Chương Cừu Đại Dực can gián nhưng Đế không nghe, liền xa giá đến cung Nhân Thọ. Tháng tư Đế bị bệnh, tháng bảy thì mất, Thái tử Quảng lên ngôi. Đế từng chép bốn mươi sáu tạng kinh gồm một trăm ba mươi ngàn quyển, từng khắc bốn trăm bộ kinh cũ, đúc hơn sáu vạn tượng bằng vàng, đồng, chiêm-đàn, sửa sang lại hơn một triệu năm trăm lẻ chín ngàn tượng cũ. Trong cung số tượng được thêu, dệt, vẽ đơm kết tràng ngọc năm màu thật không đếm xiết, trùng tu hơn năm ngàn ngôi chùa viện, đạo tục dịch kinh gồm hai mươi bốn người, dịch hơn năm trăm quyển Kinh Luận (Thính giáo lục).

***Dương Đế:** Tên là Quảng, con năm thứ hai của Cao Tổ Văn Đế, được phong Tấn Vương. Năm Khai Hoàng năm thứ hai mươi, phế Thái tử Dũng lập Quảng là Hoàng Thái tử. Tháng bảy năm Nhân Thọ năm thứ tư, ông lên ngôi, ở ngôi mười ba năm, bị Lệnh Cô Hành Đạt thất cổ ở Giang Đô, thọ ba mươi chín tuổi. Niên hiệu Đại Nghiệp mười bốn năm.

Tháng Giêng năm Ất Sửu, tức Đại Nghiệp năm đầu, Đế dựng Tây Thiêu Định tự để cầu phước cho Cao Tổ, lại dựng chùa Giáng Thánh ở Cao Dương, gửi thư cho Song Lâm Phó Đại sĩ ở Vụ châu. Thư ghi:

“Trẫm kính thừa vận báu dưỡng dục muôn phương, muốn mở mang đức hóa lan khắp phương xa v.v...”. Bắt đầu đặt khoa Tiến sĩ. Tháng ba, Đế hạ chiếu: “Cho phép chọn người mưu lược được dân ngợi khen và thứ dân có tài sung vào phán định việc được mất của chánh sự, nay chuẩn bị đến khắp các vùng Hoài Hải để xem xét và thay đổi phong tục”. Lệnh cho bọn Vũ Văn Khải, nội sử xá nhân Phong Đức Nghệ dựng cung Hiến Nhân, Nam giáp Trác Tương, bắc đến Lạc Tân, đốn chở các thứ gỗ quý đá quý ở phía Nam Đại Giang, phía Bắc Ngũ Lĩnh về hết Lạc Tân. Lại tìm gỗ quý, hoa thơm cỏ lạ, thú hiếm chim quý khắp trong nước thả đầy trong thượng uyển. Lại sai Thượng thư hữu thừa Hoàng Phủ Nghi phát động dân chúng các quận Hoài Bắc trước sau hơn trăm vạn dân khai thông kênh ngòi. Từ Tây Uyển dẫn qua Lạc Thủy rồi đổ ra Hoàng Hà, lại từ Bản Chử dẫn nước qua đầm Lịch Vinh rồi vào sông Biện. Lại từ phía Đông Đại Lương dẫn nước sông Biện vào sông Tứ đến sông Hoài. Lại phát động hơn mười vạn dân ở Hoài Nam mở bờ cừ, thông kênh ngòi. Từ Sơn Dương đến Dương Tử vào Trường Giang, kênh rộng bốn mươi bộ, hai bên làm đường và trồng liễu. Từ Trường An đến Giang Đô đặt hơn bốn mươi Ly Cung. Lại sai bọn hoàng môn thị lang Vương Hoàng qua Giang Nam đóng thuyền rồng và mấy vạn thuyền lớn khác. Tháng năm, dựng Tây Uyển, chu vi hai trăm dặm, bên trong đào biển rộng hơn mười dặm, lập phương trượng, các núi Bồng Lai nhô khỏi mặt nước hơn một trăm thước, đài quán, cung điện mọc đầy trên núi, dựa lưng vững chãi. Phía bắc biển có kênh Long Lân uốn quanh chảy vào trong biển, trên bờ kênh cho xây mười sáu viện, cửa đều hướng ra kênh. Mỗi viện đều do phu nhân của quan tứ phẩm làm chủ. Điện đường, lầu quán cực kỳ tráng lệ. Cây cối trong cung, mùa Đông mùa thu điều tàn thì cắt hái hoa lá nơi khác kết lên cành nhánh, ngả màu liền thay hoa mới, màu sắc tươi như sắc xuân. Trong kênh rạch cũng thường cất tía sen, súng, lãng, ấu v.v... cỡi thuyền dạo chơi thì rẽ nước mà hái. Nhà vua càng thích dạo chơi đêm trăng đem theo cả mấy ngàn cung nữ, kỵ binh lên chơi Tây Uyển, soạn Thanh dạ du khúc lập tức tấu lên. Tháng tám, Đế xa giá đến Giang Đô phát động người trong cung Hiến Nhân ra Lạc Khẩu đón thuyền rồng. Thuyền rồng gồm bốn tầng, cao bốn mươi lăm thước, dài hai trăm thước. Tầng trên có chánh điện, nội điện, triều đường đông tây. Hai tầng giữa có một trăm hai mươi phòng đều trang sức bằng vàng ngọc. Tầng dưới cùng là bọn nội thị ở. Hoàng hậu cỡi thuyền Tường Ly, kích thước nhỏ hơn nhưng lộng lẫy không kém. Người chèo thuyền đều mặc gấm lụa. Lại có mấy ngàn thuyền khác như: Phù

Cảnh, Dạng Thái, Chu Ô, Thương Ly, đến hơn tám vạn người chèo, mái chèo nối nhau dài hơn hai trăm dặm, chiếu sáng cả bờ sông. Kỳ binh xếp hàng đi trên hai bờ sông, cờ xí rợp trời. Mỗi lần Đế xuất du, nghi trượng cờ xí thường xếp dài hơn hai mươi dặm.

Tháng ba năm thứ hai, Đế rời Giang Đô, tháng tư vào Đông Kinh, lập đạo tràng mở Vô Giá pháp hội, độ một trăm hai mươi sĩ nữ, làm Tăng ni, đúc tượng Phật Thích-ca ngồi bằng vàng đồng để cầu phước cho Văn Đế, dựng chùa Hoàng Thiện ở Tinh châu, tượng Di-đà ngồi cao một trăm ba mươi thước ở núi Bàn Long, lập đạo tràng Tuệ Nhật ở Dương Châu, chùa Thanh Thiên, Nhật Nghiêm, Hương Đài ở Trường An. Lại dựng hai chùa hai tháp, dựng riêng hai chùa nữa để cầu phước cho Văn Hoàng Hiến Hậu, tu sửa sáu trăm mười hai tạng kinh cũ, găm chín trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi quyển, mười một ngàn pho tượng cũ, đúc ba ngàn tám trăm năm mươi sáu pho tượng mới, độ mười sáu ngàn hai trăm tăng. Mỗi lần tuần du, Đế thường đem theo Tăng ni, đạo sĩ, nữ quán, và gọi đó là Tứ đạo tràng.

Ngày hai mươi tám tháng giêng năm thứ ba, Đế thiết trai và dâng sớ rằng: Hoàng Đế Bồ-tát giới đệ tử bạch khắp Tam bảo, kính cẩn vì muôn dân trong nước dựng lập thắng duyên, thỉnh tăng hành đạo bảy ngày, độ một ngàn tăng, nguyện đem công đức này khắp vì chúng sinh làm thanh tịnh tội cấu, cùng đến Bồ-đề.

Tháng ba Đế về Trường An, do pháp lệnh những năm cuối của Cao Tổ quá khắt khe, Đế xuống chiếu chỉnh sửa lại luật lệnh. Từ lâu, dân quá chán ghét khắt khe nên rất vui với chính sách khoan dung. Lữ ký úy Lưu Huyền tham dự chỉnh sửa pháp lệnh, sử bộ Thượng thư Ngưu Hoàng ôn tồn hỏi Huyền:

- Chu lễ sự nhiều nhưng Phủ sử thì ít, nay Lệnh sử trước đã có nhiều gấp trăm lần giảm thì chẳng nên việc, phải làm thế nào?

Huyền đáp: Người xưa giao trách nhiệm cả năm khảo xét Điện, Tối. (Công thấp thì gọi là Điện, Công cao thì gọi là Tối), án chẳng kiểm lại, vẫn chẳng rườm rà, trách nhiệm của Phủ sử cần phải nắm những mục chính. Thời nay Văn bộ thường lo sửa lại, nếu tập luyện không kỹ thì phải vượt vạn dặm tìm chứng cứ. Án cũ của trăm năm tồn đọng nguyên do là vậy.

Đế đổi châu thành quận, đổi phép đong lường, đo đếm theo phép chế thời xưa, đổi từ thượng trụ quốc đến hạ quan thành đại phu, đặt Điện Nội Tỉnh ở Thượng thư môn hạ. Nội sử bí thư thành Ngũ Tỉnh, tăng người yết kiến tư lệ dài và ngự sử thành tam dài, chia Thái phó

tự, đặt Thiệu phủ giám và Trường thu quốc tử tướng, đặt Đô thủy làm Ngũ Giám. Lại đổi thêm Tả hữu dực vệ thành mười sáu phủ. Phế bỏ tước Bá, Tử, Nam chỉ giữ lại ba tước Vương, Công, Hầu. Hạ chiếu phát động hơn trăm vạn tráng đinh xây Trường thành, Tây giáp Du Lâm, đông đến Tử Hà. Thượng thư tả bộc xạ Tô Uy can gián, Đế không nghe, xây hai mươi ngày thì xong. Tháng tám Đế xa giá đến Du Lâm, qua Vân Trung sông Xích Kim. Lúc này thiên hạ yên bình, trăm vật dồi dào, giáp sĩ hơn năm mươi vạn, ngựa mười vạn con. Tháng chín Đế đến Đông Đô. Năm thứ tư, Đế xuống chiếu cho phía Bắc Phần Dương, đầu nguồn Phần Châu xây Phần Dương Cung. Tháng giêng năm thứ năm, đổi Đông Kinh thành Đông Đô, hạ chiếu chia ruộng cho dân. Tháng ba Đế tuần du lên phía Tây. Năm thứ sáu, Đế ban lệnh đào thông Sông Giang Nam, từ Kinh Khẩu đến Dư Hàng hơn tám trăm dặm, rộng hơn mười trượng nhằm để thuyền rồng qua lại. Đế còn đặt Dịch quan muốn tuần du về Đông là Cối Kê. Tháng hai năm năm thứ bảy, Đế từ Giang Đô xa giá đến Trác quận. Năm Nhâm Ngọ hạ chiếu đánh Cao Ly, muôn dân nhiễu loạn. Dân ở Trâu Bình là Vương Bạc dẫn dân chiếm lấy núi Trường Bạch, cát cứ hết vùng Tê, Tế, tự xưng là Tri Thế Lang, soạn Vô Hưởng Liêu Đông Lãng Tử Ca để khích lệ mọi người, những người trốn chinh chiến đều đến quy tụ ông. Năm thứ tám, binh bốn phương kéo đến Cao Ly, Bình Nhưỡng lên đến một triệu một trăm ba mươi ba ngàn tám trăm người. Binh xa đến đất Liêu, các thành của Cao Ly đều giữ chặt không xuất binh. Ban đầu, chín đội quân sang đất Liêu gồm ba trăm lẻ năm ngàn người, đến khi Đế về đến thành Liêu Đông chỉ còn hai ngàn bảy trăm người, quân lương khí giới mất không kể xiết. Tháng tư năm thứ chín, Đế cho Vệ úy thiếu khanh Lý Uyên làm Lưu Thú của huyện Hoằng Hóa. Binh lính của mười ba quận ở Quan Hữu đều bị đi chinh chiến hết. Tháng hai năm thứ mười, Đế hạ chiếu cho bá quan bàn nghị đánh Cao Ly, đến mấy ngày nhưng chẳng ai dám lên tiếng. Năm Mậu Tý, Đế xuống chiếu trưng dụng hết quân trong nước chia đủ trăm đường cùng tiến binh. Cao Ly khốn đốn liền sai sứ xin hàng, Đế mới ban Sứ về lại Tây Kinh. Tháng giêng năm thứ mười một, tăng số quan trong bí thư tỉnh lên đến một trăm hai mươi người, đồng thời bổ nhiệm học sĩ vào trong ấy, hạ chiếu cho Hữu Kiêu vệ tướng quân Đường Công Lý Uyên làm Thái Nguyên lưu thú, cho Vương Uy, Cao Quân Nhã làm phó tướng. Đế xa giá đến Giang Đô. Lúc này đói khổ, muôn dân phải ăn đến vỏ cây, lá cây., hoặc giã rơm rạ mà nấu ăn. Muôn thứ cũng hết sạch mới ăn thịt nhau. Đế bị giết ở Giang Đô.

Năm Đinh Sửu tức Đại Nghiệp năm thứ mười ba tháng mười một đổi niên hiệu Nghĩa Ninh năm đầu, Cung Đế lên ngôi.

* **Cung Đế:** Húy là Hựu, con của Nguyên Đức Thái tử Chiêu cháu của Dương Đế, được phong Đại Vương. Dương Đế đi tuần du sai Đại Vương ở lại giữ Trường An, lúc này ông mới mười ba tuổi. Tấn dương lưu thú Đường Công Lý Uyên khởi binh, Vương sai các tướng đánh chặn nhưng đều thua chạy. Tháng mười một, Uyên chiếm Trường An, đưa Đại Vương lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thiên hưng, đổi năm Đại Nghiệp năm thứ mười ba thành Nghĩa Ninh năm đầu, xa tôn Dương Đế thành thái Thượng hoàng. Uyên từ Trường lạc vào Trường An, do Uyên mượn cờ mao búa việt đại Đô đốc nội ngoại chư quân sự Thượng thư lệnh đại Thừa Tướng nên liền được phong đường vương, lấy điện Vũ đức làm phủ Thừa Tướng, lập ra các quan, dùng Bùi Tịch làm trưởng sử, Lưu Văn Tĩnh làm Trưởng mã, con Uyên là Kiến Thành làm Đường Thế tử, con thứ là Thế Dân làm Kinh Triệu Doãn Tần Công, con năm thứ ba là Nguyên Kiệt là Tề Công.

<i>Ngụy Công Lý Mật chiếm Lạc Khẩu năm Vĩnh Bình đầu hàng Đường</i>	<i>Hạ, Đậu Kiến Đức (năm Đinh Sửu)</i>	<i>Lương: Lý Quỳ chiếm Lương Châu (năm An Tập)</i>
<i>Lương: Tiêu Tiễn chiếm Ba Lăng (năm Thiên Phụng)</i>	<i>Tần: Tiết Cử chiếm Kim Thành (năm Thái Hưng)</i>	<i>Định Dương Khả Hãn Lưu Vũ Chu chiếm Mã Ấp (năm Thiên Hưng)</i>
<i>Ngô: Lý Tử Thông chiếm Giang Đô.</i>	<i>Lương: Lương Sư Đô chiếm Sóc Phương (năm Vĩnh Long)</i>	<i>Sở: Chu Xán xưng đế.</i>

Năm Mậu Dần, tức Nghĩa Ninh năm thứ hai, Đại Nghiệp năm thứ mười bốn, tháng giêng, Dương Đế ở Giang Đô thấy thiên hạ nguy loạn nhưng chẳng để tâm mà muốn về bắc nên sai sửa lại cung Đan Dương muốn dời đô về đó. Lúc này Giang Đô hết lương, quân theo xa giá ở Kiêu Quả phần nhiều là người Quan trung, đã lâu làm khách nên nhớ quê hương, thấy Đế không có ý về Tây nên đa số bàn mưu làm phản để trở về. Tư mã Đức Kham, Nguyên Lễ Bùi Kiên Thông bàn rằng: “Kiêu Quả nếu mất, chẳng bằng hãy cùng đi với tôi.” Họ cùng bàn với Vũ Văn Trí Cập, Trí Cập nói: “Nay trời đã thật bỏ Tùy, anh hùng nổi lên

khấp nơi, người đồng lòng làm phản đã đến mấy vạn rồi, nhân đây hãy làm việc lớn để vương này đi!” Bọn Đức Kham đều cho là đúng, tôn Vũ Văn Hóa Cập làm chủ. Đức Kham triệu hết quan quân ở Kiều Quả lại và phủ dụ họ biết ý định của mình, họ đều nói: “Xin nghe lệnh của tướng quân”. Ngày Bính Thìn tháng ba, trời chưa sáng, Đức Kham dẫn binh của Kiên Thông đánh vệ sĩ giữ các cửa, Kiên Thông dẫn mấy trăm kỵ binh từ cửa vào thẳng điện Thành Tượng. Bọn Đức Kham dẫn quân từ cửa Huyền Vũ vào. Đế nghe loạn, liền đổi y phục trốn đến Tây Các. Kiên Thông cùng Nguyên Lễ tiến binh. Hiệu úy lệnh Cô Hành Đạt vác đao vừa tới nhân đó đỡ đế xuống lầu đến tẩm điện. Bọn Kiên Thông, Đức Kham chống gươm đao đứng hầu. Đế than: “Ta có tội gì mà ra nông nỗi này!” Tặc Đẳng Mã Văn Cử đáp: Bệ hạ trái bỏ tông miếu, tuần du không ngớt, ngoài siêng chinh phạt, trong quá xa xỉ, khiến tráng đinh chết sạch dưới cung tên. Nữ vùi đầy nơi hoang hốc. Bôn dân mất việc, giặc nổi như ong, chuyên dùng dục nịnh, bỏ người can ngăn, sao bảo không có tội”. Tặc muốn giết Đế, Đế xin uống rượu độc nhưng không được, Tặc sai Cô Hành Đạt thắt cổ ông. Tiêu Hậu và cung nhân đẽo gỗ sơn thành quan tài nhỏ tẩm liệm Đế ở Tây Viện, Lưu Châu Đường. Hóa Cập tự xưng đại thừa Tướng, tổng quản trăm quan, theo lệnh Hoàng hậu lập Tần Vương Hạo làm Đế, cho ở cung riêng, chỉ sai cho phát chiếu chỉ, viết sắc lệnh mà thôi. Vũ Văn Hóa Cập mất năm Đường Vũ Đức năm thứ hai. Vũ Văn Chí Cập và Phong Đức Di hàng nhà Đường. Tùy Cung Đế hạ chiếu lấy mười quận cho thêm nước Đường và cho Đường Vương làm Tướng quốc tổng quản trăm quan, nước Đường được đặt quan từ Thừa Tướng trở xuống, lại gia phong Cửu Tích, nhưng Đường Vương không nhận, chỉ đổi phủ Thừa Tướng thành phủ tướng quốc, còn cửu tích và những lễ khác đều trả lại cho Hữu Ty. Tháng tư tin dữ của Dương Đế Lan đến Trường An, tháng năm lan đến Đông Đô, quan lưu thú đưa Việt Vương Đồng (em Cung Đế) lên ngôi, đổi niên hiệu Hoàng Thái, cho Vương Thế Sung là Tả Bộc xạ, tổng đốc nội ngoại chư quân sự. Uy thế của Thế Sung chấn động trong ngoài, Hoàng thái chủ chỉ biết khoan tay mà thôi. Thế Sung vốn theo Dương Đế ở Giang Đô, Lý Mật làm phản, Dương Đế sai Sung đem hùng binh của Giang Hoài đến Đông Đô đánh Mật, nhân đó giữ Sung lại Đông Đô. Tháng năm, Mậu Ngọ, Tùy Cung Đế nhường ngôi cho Đường Vương, lui về ở tại Đại Đế. Tháng Giáp Tý, Đường Vương Uyên lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái cực, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, đổi quận thành châu, đổi Thái thú thành Thứ sử. Tháng sáu, phụng Tùy Đế làm Huê quốc công. Đường

Vương hạ chiếu: “Những đời gần đây, thời vận thay đổi, thân tộc đời trước chẳng ai không bị tru di, hiệu lực của sự hưng vong đâu chỉ là sức người! Con cháu của Tùy Thái Vương Trí Tích đều giao cho Sở Ty xét tài năng mà tuyển dụng họ”.

Nhà Tùy gồm ba chủ, trị vì ba mươi bảy năm, thiên hạ hỗn loạn suốt hai mươi chín năm, đất nước cuối cùng về nhà Đường.